



## GIỚI THIỆU

**GIẢI PHÁP PHẦN MỀM QUẢN TRỊ TỔNG  
THỂ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH  
DOANH THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ  
THUỐC THÚ Y  
SIS ERP 8.0 F&V**

*Chuyên ngành thức ăn chăn nuôi & thuốc thú y*

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.I.S VIỆT NAM**

-----



## MỤC LỤC

PHẦN 01.....	5
TỔNG QUAN & ƯU ĐIỂM CỦA SIS ERP 8.0.F&V.....	5
I.    QUẢN TRỊ KINH DOANH – PHÂN PHỐI.....	5
II.   QUẢN LÝ THU MUA.....	15
III.  QUẢN LÝ KHO – VẬT TƯ.....	22
IV.  QUẢN TRỊ SẢN XUẤT.....	29
V.   QUẢN TRỊ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG.....	35
3.   QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN.....	42
1.  Quản trị Công nợ phải thu (SIS AR).....	42
2.  Quản trị Công nợ phải trả (SIS AP).....	44
3.  Quản trị Vốn bằng tiền (SIS CA).....	45
4.  Quản lý TSCĐ - CCDC.....	47
5.  Tổng hợp (SIS GL).....	49
6.  Báo cáo tài chính (SIS FI).....	51
7.  Quản lý thuế.....	52
VI.  QUẢN TRỊ HỆ THỐNG.....	53
VII. KẾT NỐI DỮ LIỆU ONLINE GIỮA CÁC VĂN PHÒNG.....	55
VIII. MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU.....	56
PHẦN 02.....	58
KHÓ KHĂN & LỢI ĐIỂM CỦA DN TRƯỚC & SAU KHI.....	58
ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP SIS ERP 8.0.F&V.....	58
1.  KHÓ KHĂN.....	58
2.  LỢI THẾ KHI ỨNG DỤNG SIS ERP 8.0.F&V.....	59
PHẦN 03.....	61
PHƯƠNG PHÁP & QUY TRÌNH TRIỂN KHAI.....	61
SIS ERP 8.0.F&V.....	61
1.  Giai đoạn tiền triển khai:.....	61
2.  Khảo sát và phân tích.....	62
3.  Đề xuất giải pháp.....	62
4.  Ký kết HĐKT.....	63
5.  Giai đoạn triển khai:.....	63
PHẦN 04.....	69



PHƯƠNG PHÁP & QUY TRÌNH .....	69
DỊCH VỤ BẢO HÀNH SẢN PHẨM .....	69
SIS ERP 8.0.F&V .....	69
1. Nội dung thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm.....	69
2. Quy trình thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm .....	70
3. Phương thức thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm .....	72
4. Thời gian thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm .....	72
5. Quy định trách nhiệm thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm.....	72
6. Thông tin thực hiện dịch vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm .....	73
7. Nâng cấp sản phẩm .....	73
PHẦN 05.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
LIÊN HỆ CÔNG TY CP S.I.S VIỆT NAM .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>



**ALL FOR CUSTOMER!**



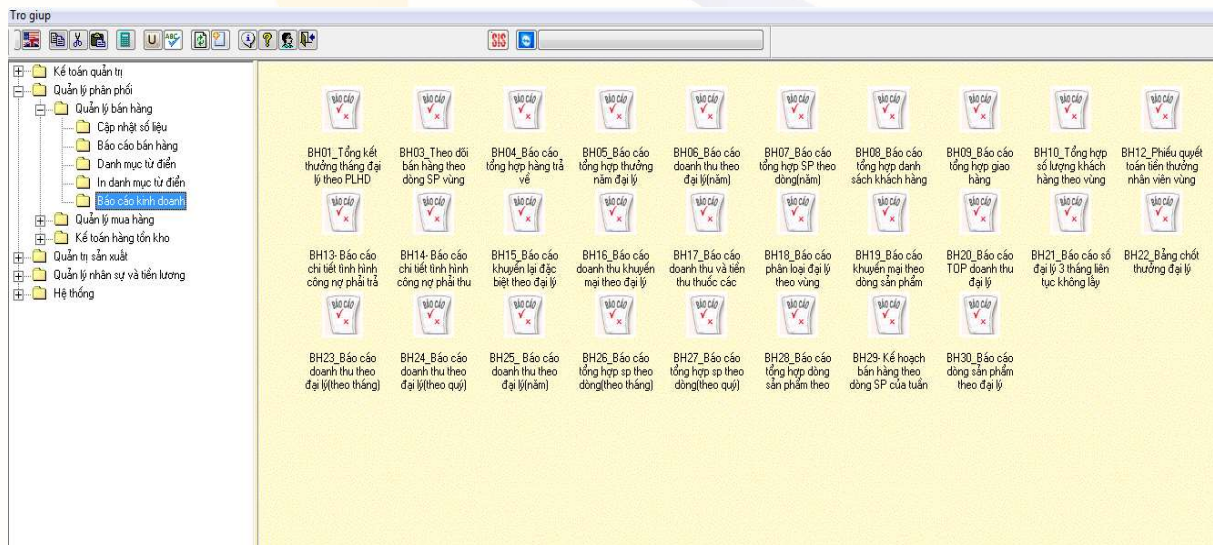
## GIẢI PHÁP

# PHẦN MỀM QUẢN TRỊ CHUYÊN NGÀNH SX-KD THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THUỐC THÚ Y

Sau khi triển khai thành công tại một loạt các DN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, SIS Việt Nam đã phát triển và hoàn chỉnh giải pháp phần mềm quản trị **SIS ERP 8.0.F&V**.

Đây là giải pháp phần mềm quản trị theo hướng tổng thể doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, quản lý hoạt động điều hành của tất cả các bộ phận, phòng ban. Từ BLĐ doanh nghiệp đến cấp trưởng bộ phận, quản lý vùng, đến từng nhân viên của DN đều có thể khai thác, sử dụng phần mềm.

Giải pháp mang tính đột phá trong quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường cũng như cực kỳ hiệu quả trong việc cải tổ quản trị doanh nghiệp. Phần mềm với các mô – đun như: Quản trị phân phối, Quản trị thu mua, Quản trị NS-TL, Quản trị sản xuất, Quản trị vật tư – kho, Kế toán quản trị... cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin quản lý, điều hành.





## PHẦN 01

### TỔNG QUAN & ƯU ĐIỂM CỦA SIS ERP 8.0.F&V

#### I. QUẢN TRỊ KINH DOANH – PHÂN PHỐI

- Phần mềm cho phép quản lý phân phối theo một quy trình từ khâu đặt hàng cho đến khâu giao hàng, đóng đơn hàng.
- Phần mềm cho phép lập hệ thống danh mục: Danh mục khách hàng, danh mục nhân viên kinh doanh, danh mục hợp đồng... Danh mục thưởng cho nhân viên, Danh mục chiết khấu theo vùng...
- Phần mềm cũng cho phép phòng kinh doanh khai báo các chương trình bán hàng, lập kế hoạch bán hàng như: Kế hoạch bán hàng theo bộ phận, Khai báo kế hoạch bán hàng, Khai báo doanh thu khuyến mại đặc biệt cho khách hàng, Khai báo điều kiện đại lý mới, Khai báo thưởng tháng theo doanh số đại lý, Khai báo thưởng năm theo doanh số...
- Hệ thống báo cáo quản trị bán hàng đa dạng, đầy đủ mang tính phân tích, tổng hợp, thống kê. Phục vụ phân tích hiệu quả thị trường, sản phẩm, thời gian, nhân viên thị trường, ... Điều đặc biệt là hệ thống sẽ tự động lên báo cáo quản trị ngay khi cập nhật số liệu vừa hoàn tất đảm bảo tính tức thời của thông tin.
- Các chức năng, tiện ích cho phép việc lập phiếu, cập nhật thông tin nhanh, chính xác. Giảm thiểu thời gian cập nhật, các cán bộ có thể có nhiều thời gian hơn cho việc kiểm tra, đối chiếu chứng từ. Chứng từ đầu vào: Đơn đặt hàng, Duyệt đơn hàng, Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho, Phiếu giao hàng, Xác nhận giao hàng, Phân bổ hàng cho các đại lý, ...
- Mô đun cũng cho phép chăm sóc khách hàng (CRM) một cách khoa học, tự động hóa hoạt động chăm sóc khách hàng...
- Mô – đun được kết nối tự động với các mô đun của bộ phận phòng ban khác để có thể kế thừa thông tin lẫn nhau cũng như việc kiểm tra chéo được sát sao khi có một nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Phân hệ này thường được triển khai tại bộ phận: Kinh doanh, Thị trường, Bán hàng...

#### 1.1 Quy trình chung



## 1.2 Hệ thống danh mục

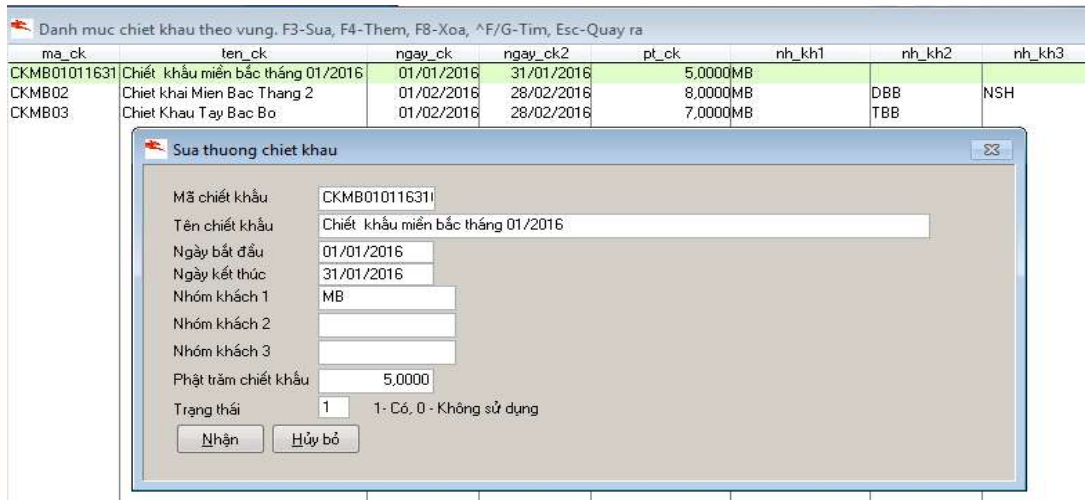
### ➤ Giao diện



The interface shows a tree view on the left with categories like 'Kế toán quản trị', 'Quản lý phân phối', 'Quản lý bán hàng', etc. The main area displays a grid of icons for various categories:

- Danh mục khách hàng
- Danh mục phân nhóm khách hàng
- Danh mục thuế suất
- Danh mục bộ phận/nhân viên bán hàng
- Danh mục giá bán
- Danh mục hợp đồng, vụ việc
- Danh mục nhóm bộ phận
- Kế hoạch bán hàng theo bộ phận
- Khai báo kế hoạch bán hàng
- Khai báo doanh thu KMDB cho khách hàng
- Khai báo điều kiện đại lý mới
- Khai báo thưởng tháng theo doanh số cho đại lý
- Khai báo thưởng năm theo doanh số cho đại lý
- Danh mục chiết khấu theo vùng
- Danh mục thưởng cho nhân viên

### ➤ Danh mục chiết khấu theo vùng



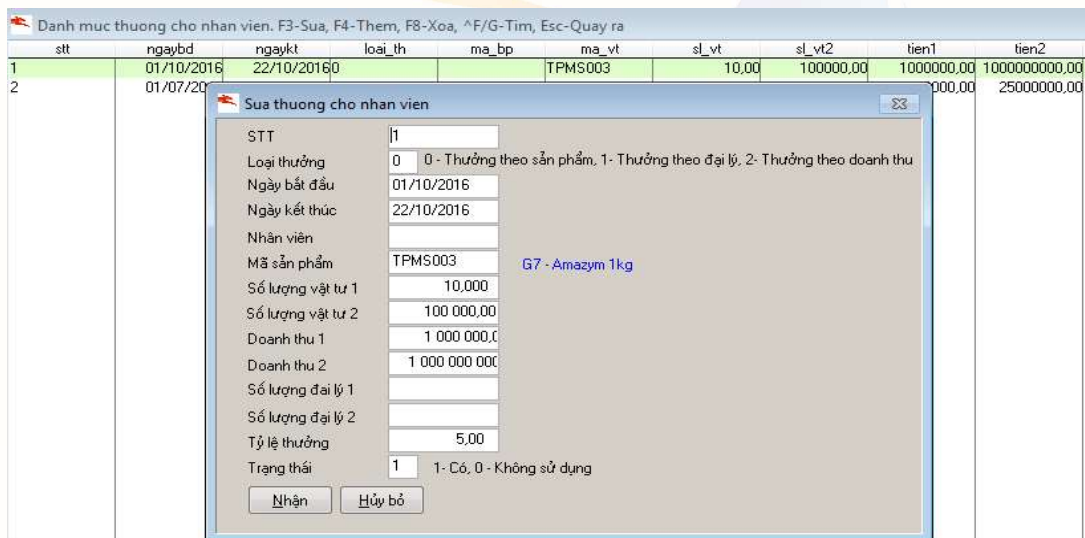
The screenshot shows a table titled 'Danh mục chiết khấu theo vùng. F3-Sua, F4-Them, F8-Xoa, ^F/G-Tim, Esc-Quay ra' with columns: ma\_ck, ten\_ck, ngay\_ck, ngay\_ck2, pt\_ck, nh\_kh1, nh\_kh2, nh\_kh3.

ma_ck	ten_ck	ngay_ck	ngay_ck2	pt_ck	nh_kh1	nh_kh2	nh_kh3
CKMB01011631	Chiết khấu miễn bắc tháng 01/2016	01/01/2016	31/01/2016	5,0000MB			
CKMB02	Chiết khai Mien Bac Thang 2	01/02/2016	28/02/2016	8,0000MB		DBB	NSH
CKMB03	Chiết Khai Tay Bac Bo	01/02/2016	28/02/2016	7,0000MB		TBB	

Below the table is a dialog box 'Sua thưởng chiết khấu' with fields for: Mã chiết khấu (CKMB01011631), Tên chiết khấu (Chiết khấu miễn bắc tháng 01/2016), Ngày bắt đầu (01/01/2016), Ngày kết thúc (31/01/2016), Nhóm khách 1 (MB), Nhóm khách 2, Nhóm khách 3, Phạt trăm chiết khấu (5,0000), and Trạng thái (1 - Có, 0 - Không sử dụng).

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

### ➤ Danh mục thưởng cho nhân viên kinh doanh



The screenshot shows a table titled 'Danh mục thưởng cho nhân viên. F3-Sua, F4-Them, F8-Xoa, ^F/G-Tim, Esc-Quay ra' with columns: stt, ngaybd, ngaykt, loại\_th, ma\_bp, ma\_vt, sl\_vt, sl\_vt2, tien1, tien2.

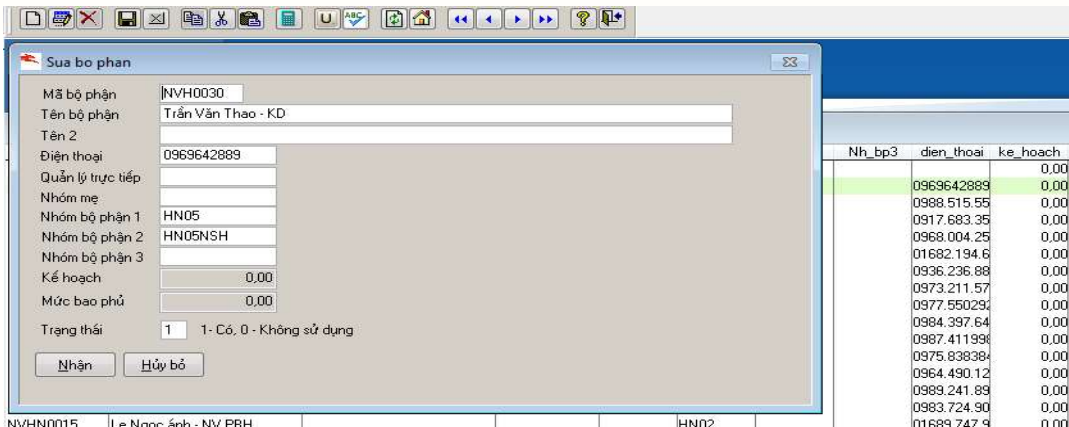
stt	ngaybd	ngaykt	loại_th	ma_bp	ma_vt	sl_vt	sl_vt2	tien1	tien2
1	01/10/2016	22/10/2016	0		TPMS003	10,00	100000,00	1000000,00	1000000000,00
2	01/07/20							000,00	25000000,00

Below the table is a dialog box 'Sua thưởng cho nhân viên' with fields for: STT (1), Loại thưởng (0 - Thưởng theo sản phẩm, 1- Thưởng theo đại lý, 2- Thưởng theo doanh thu), Ngày bắt đầu (01/10/2016), Ngày kết thúc (22/10/2016), Nhân viên, Mã sản phẩm (TPMS003 - G7 - Amazym 1kg), Số lượng vật tư 1 (10,000), Số lượng vật tư 2 (100 000,00), Doanh thu 1 (1 000 000,00), Doanh thu 2 (1 000 000 000), Số lượng đại lý 1, Số lượng đại lý 2, Tỷ lệ thưởng (5,00), and Trạng thái (1 - Có, 0 - Không sử dụng).

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

### ➤ Danh mục nhân viên kinh doanh/Nhóm, phòng kinh doanh...





**Sua bo phan**

Mã bộ phận: NVH0030  
 Tên bộ phận: Trần Văn Thao - KD  
 Tên 2:   
 Điện thoại: 0969642889  
 Quản lý trực tiếp:   
 Nhóm mẹ:   
 Nhóm bộ phận 1: HN05  
 Nhóm bộ phận 2: HN05NSH  
 Nhóm bộ phận 3:   
 Kế hoạch: 0,00  
 Mức bao phủ: 0,00  
 Trạng thái: 1 1- Có, 0 - Không sử dụng

Nhận Hủy bỏ

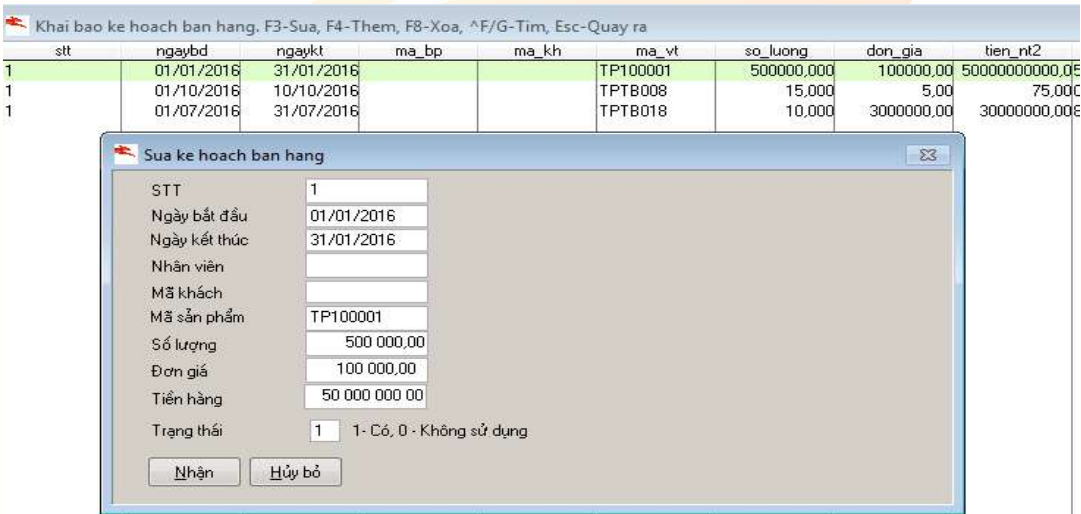
Nh_bph3	dien_thoai	ke_hoach
		0,00
0969642889		0,00
0988.515.55		0,00
0917.683.35		0,00
0968.004.25		0,00
01682.194.6		0,00
0936.236.88		0,00
0973.211.57		0,00
0977.55029		0,00
0984.397.64		0,00
0987.41199		0,00
0975.83838		0,00
0964.490.12		0,00
0989.241.89		0,00
0983.724.90		0,00
01689.747.4		0,00

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Danh mục khác...

### 1.3 Hệ thống khai báo, chứng từ đầu vào

- Khai báo kế hoạch bán hàng



**Khai bao ke hoach ban hang. F3-Sua, F4-Them, F8-Xoa, ^F/G-Tim, Esc-Quay ra**

stt	ngaybd	ngaykt	ma_bp	ma_kh	ma_vt	so_luong	don_gia	tien_nt2
1	01/01/2016	31/01/2016			TP100001	500000,000	100000,00	50000000000,00
1	01/10/2016	10/10/2016			TPTB008	15,000	5,00	75,000
1	01/07/2016	31/07/2016			TPTB018	10,000	3000000,00	30000000,00

**Sua ke hoach ban hang**

STT: 1  
 Ngày bắt đầu: 01/01/2016  
 Ngày kết thúc: 31/01/2016  
 Nhân viên:   
 Mã khách:   
 Mã sản phẩm: TP100001  
 Số lượng: 500 000,00  
 Đơn giá: 100 000,00  
 Tiền hàng: 50 000 000,00  
 Trạng thái: 1 1- Có, 0 - Không sử dụng

Nhận Hủy bỏ

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Khai báo điều kiện đại lý mới



Khai báo điều kiện đại lý mới. F3-Sua, F4-Them, F8-Xoa, ^F/G-Tim, Esc-Quay ra

Ma_dk	Ten_dk	Ngaybd	Ngaykt	Tien1	Tien2	SII
DKDLM022016	Điều kiện đại lý mới tháng 02/2016	01/02/2016	28/02/2016	0,00	12000000,00	5,00
DLM012016	Điều kiện đại lý mới tháng 01/2016	01/01/2016	31/01/2016	0,00	10000000,00	0,00

**Sua điều kiện đại lý mới**

Mã điều kiện: DLM012016

Tên điều kiện: Điều kiện đại lý mới tháng 01/2016

Tên điều kiện 2:

Ngày bắt đầu: 01/01/2016

Ngày kết thúc: 31/01/2016

Doanh thu 1:

Doanh thu 2: 10 000 000,00

Số lượng 1:

Số lượng 2: 10,000

Trạng thái: 1 1- Có, 0 - Không sử dụng

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Khai báo thưởng tháng/năm theo doanh số cho đại lý

Khai báo thưởng tháng theo doanh số cho đại lý. F3-Sua, F4-Them, F6- Chuyển khai báo sang tháng khác, F8-Xoa, ^F/G-Tim

stt	thang	nam	ma_kh	tien1	tien2	pt_thuong	Date2
1	8	2016		25 000 000,00	100000000,00	10,0009/2016 00:00:00	14:4
2	8	2016		20 000 000,00	24999999,00	5,0009/2016 00:00:00	14:4

**Sua thưởng tháng theo doanh số cho đại lý**

STT: 2

Tháng: 8

Năm: 2016

Mã khách:

Doanh thu 1: 20 000 000,00

Doanh thu 2: 24 999 999,00

Phạt trăm thưởng: 5,00

Trạng thái: 1 1- Có, 0 - Không sử dụng

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Đơn đặt hàng





**Đơn đặt hàng**

Mã khách: DL29HN2B01C | Địa chỉ: Hà Nội | Ngày lập: 26/10/2016  
 Địa chỉ: Hà Nội | Số đh: 1609442  
 Người đặt hàng: Đily Hằng Nga-HN2B  
 Ghi chú:   
 Bộ phận: NVHN0207 | Giá bán: 1 | 1- BH 2- BL 3- NB 4- BB  
 TT khi nhận: 1 | 1- Thanh toán khi nhận đủ ; 0 - Thanh toán trả chậm | Ngày dự kiến nhận hàng: 27/10/2016  
 Nợ quá hạn: 2 | 1- Nợ quá hạn; 0- Nợ xấu ; 2 - Không nợ | Ngày dự kiến giao hàng: 27/10/2016

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Tồn kho	SL bán	SL KM	Giá VND	% CK	Tiền VND
TPMS006	Men sống Betain 1kg	Gói	KTP	-78,000	100,000		000,000	20,00	000 000,00
TPCB001	HN - Amiulo 1kg	gói	KTP	575,000	75,000		000,000	20,00	750 000,00
TPMS012	LBS - Vitamin 1kg	gói	KTP	-30,000	20,000		000,000	20,00	760 000,00
TPTB005	HN-Neopast 10g	Gói	KTP	700,000	250,000		000,000	20,00	750 000,00
TPDL010	Bột lăn vi sinh 1kg	gói	KTP	575,000	50,000		000,000	20,00	000 000,00

Số lượng: 495,000 | Tiền hàng: 31 260 000,00  
 Tiền CK: 6 252 000,00  
 Tiền KM:   
 Tổng TT: 25 008 000,00

Trạng thái:   
 Lưu | Mới | In chữ | Sửa | Xóa | Xem | Tìm | Copy | Quay ra

HAIDT | Men sống Betain 1kg | DIEPNX-PC # diepnx | 17/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Hóa đơn bán hàng

**Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho**

Mã khách: CDLBMT004 | Lê Thị Tố Loan - TH  
 Địa chỉ: IT Bút Sơn  
 Người mua: | Số dư: 0,00  
 Ngày lập hđ: 08/11/2016 | Số px: 1611001  
 Diễn giải: Xuất bán hàng  
 Mã nx (tk nợ): 131B | Phải thu của khách hàng Bắc Sông đh:   
 BPKD: NVHN0029 | Đỗ Tuấn Trường - KD NSH | Giá bán: 1 | 1- BH 2- BL 3- NB 4- BB

Mã hàng	Tên hàng	Mã kho	Đvt	SL bán	SL KM	Giá bán \	% CK	Thành tiền VT	Tiền CK
TPK020	Premix OXY ADE - 1kg	KTP	gói	10,000	0,000	000,000	0,000	000 000,00	
BBDCBI000	Nhấn Bio Tăng đẻ trứng 1kg	KTP	Chiếc	20,000	0,000	000,000	0,000	000 000,00	

Số lượng: 30,000 | Tiền vốn: 0,00  
 Tiền hàng: 2 000 000,00  
 Tk ck: 5211C | 0,0 | Tiền ck:   
 Tk km: 6415T | Tiền KM:   
 Mã thuế: 00 | 0,00% | Tk thuế: 131B | 33311 | Tiền thuế:   
 Trạng thái: 1 | Lưu các số | Tổng TT: 2 000 000,00  
 Tạo phiếu thu:   
 Hạn TT: 0  
 Số lần in: 0

Lưu | Mới | In chữ | Sửa | Xóa | Xem | Tìm | Copy | Quay ra

HAIDT | Premix OXY ADE - 1kg | DIEPNX-PC # diepnx | 17/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Phiếu phân bổ hàng cho các đại lý





**Phiếu phân bố hàng cho các đại lý con**

Mã đại lý: DL29HN1B003  
 Địa chỉ: Hà Nội Số dư: 0,00  
 Ngày lập hồ: 05/08/2016 Số px:  
 Diễn giải:  
 BPKD: Số đh:  
 Giá bán: 1 1- BH 2 -BL 3- NB 4 - BB

Chọn HD

Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giả TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Mã kho	Đvt	Số lượng	Giá bán	Thành tiền	Khách hàng	Ma td
TPCB005	Điện giải AC. Bcomplex 1kg	KTP	gói	50,000	000,000	00 000,00	KHACHLE	
TPDL002	Green Farm - Thảo dược 1kg	KTP	gói	50,000	000,000	00 000,00	L98BG2009	
TPMS012	LBS - Vitamin 1kg	KTP	gói	50,000	000,000	00 000,00	98BG2010	
TPMX002	Premix HB - 207 1000g	KTP	gói	50,000	000,000	50 000,00	CDLBSH021	
TPTB009	HN-Gumboro 50g	KTP	gói		0,000	00 000,00	SXDOAN	

Số lượng: 200,000 Tiền vốn: 0,00  
 Tiền hàng: 37 350 000,00

Trạng thái: 1 Lưu các số

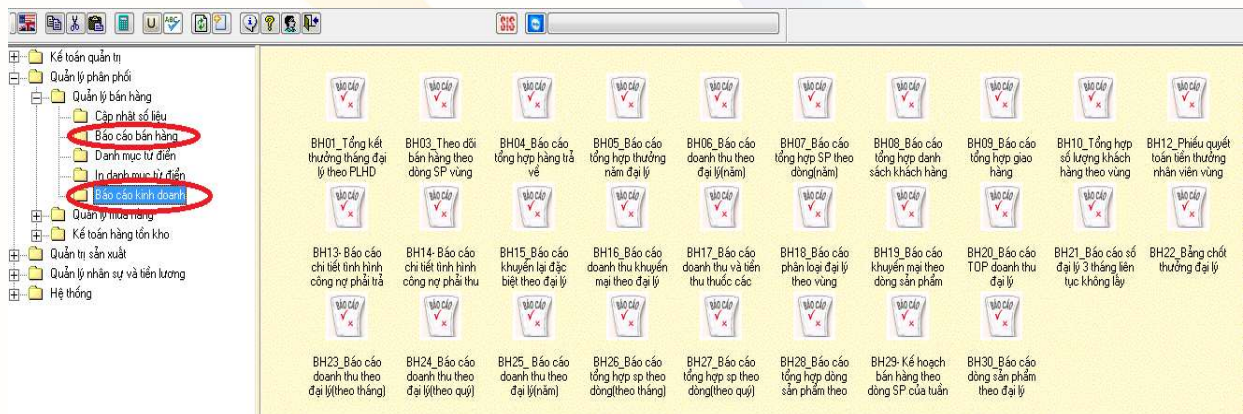
Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

HAIDT Điện giải AC. Bcomplex 1kg DIEPNX-PC # diepnx 17/11/2016

➤ Khai báo khác ...

## 1.4 Hệ thống báo cáo quản trị Kinh doanh – Phân phối

➤ Giao diện



➤ Báo cáo tổng kết thường tháng đại lý



**BH01\_TỔNG KẾT THƯỜNG THÁNG ĐẠI LÝ THEO PLHD**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

STT	Tên đại lý	Vùng	Tháng 01	Thưởng theo PLHD	Tiền thưởng (đv: đ)	Ghi chú
			Tổng DT đã trừ CK - KM - HTV			
1	Phí Ngọc ảnh (tổ cám)		4 182 000	10%	418 200	
2	Bùi Thị Chung - tổ trưởng tổ hỗn hợp		36 260	10%	3 626	
3	Nguyễn Thị Hìn - QN	QN	2 440 000	10%	244 000	
4	Phạm Văn Khấn		2 136 800	10%	213 680	
5	Lê Thị Doan (tổ thuốc)		10 055	10%	1 005	
6	Khách lẻ		7 805 500	10%	780 550	
7	Phạm Thị Ninh (san lẻ)		116 000	10%	11 600	
8	Phạm Ngọc Mai Hạnh		13 270 560	10%	1 327 056	
9	Nguyễn Thị Hương		234 400	10%	23 440	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ **Báo cáo bán hàng theo dòng sản phẩm**

**THEO DÕI BÁN HÀNG THEO DÒNG SẢN PHẨM VÙNG**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

Dòng	Tên thành phẩm	Đơn vị	Tháng 01 - 16					Tỷ lệ KMDT
			SL bán	DT	DT KM	DT HTV	DT thực tế	
<b>DÒNG SẢN PHẨM</b>	Nhân Bio Anthai - đường nâu 1kg	Chiếc	5	8 000			8 000	
	Nhân Bio - LBS T 100g	Chiếc	20	32 000			32 000	
	Nhân Bio Mito Piglet 1kg	Chiếc	5	8 000			8 000	
	Quần áo bảo hộ lao động Kaki	Bộ	9	1 138 039			1 138 039	
	Nhân Bio Enzymax 1kg	Chiếc	10	16 000			16 000	
	Nhân Bio Hi.Gro thức tăng trưởng thảo dược 1kg	Chiếc	10	16 000			16 000	
	Nhân Bio Vi men khoáng 1kg	Chiếc	20	32 000			32 000	
	Xô Trứng (xô + nắp + quai)	Sái	3	117 000			117 000	
	Túi thức ăn	Chiếc	14	4 900			4 900	
	Cốc thủy tinh	Chiếc	2	132 000			132 000	
	Nhân Bio Amino 1kg	Chiếc	20	32 000			32 000	
	Nhân Bio Men ủ thơm TD 1kg	Chiếc	10	16 000			16 000	
	Nhân Bio Tăng đề trứng 1kg	Chiếc	1 660	83 000 000			83 000 000	
	Nhân Bio Lactozym 1kg	Chiếc	20	32 000			32 000	
	Thùng Cattel to	Chiếc	12	96 000			96 000	
	Cán nhựa 3l	Chiếc	1	10 000			10 000	
	Giấy in A4 vô hồng	Ram	3	156 000			156 000	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ **Báo cáo tổng hợp hàng trả lại**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP HÀNG TRẢ VỀ**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

Ngày tháng	Tên đại lý	Tên thành phẩm	Số lượng	Tiền hàng trả về	Nguyên nhân	Người chịu phạt	Phạt 5% giá trị HTV	Ghi chú
31/05/2016	Cửa Hàng Thuốc Thứ Y	Tăng đề trứng 1kg	10	666 600	Nhập hàng trả lại		33 330	
08/08/2016		úm gà vịt siêu tốc 50g	27	305 100	Nhập kho HTV do dự không bán được		15 255	
04/02/2016		Thảo dược	55	2 200 000	Nhập hàng trả về do không bán được		110 000	
		Men sống 1kg	10	810 000	Nhập hàng trả lại		40 500	
		Men tiêu hoá giảm mùi	8	224 000	Nhập kho HTV do dự không bán được		11 200	
		Premix 207 100g	30	120 000	Nhập hàng trả lại		6 000	
		Ngan vịt 50g	361	4 079 300	Nhập kho HTV do dự không bán được		203 965	
		HN-Gum 50g	30	600 000	Nhập hàng trả lại		30 000	
		HN T 50g	120	2 280 000	Nhập kho HTV do dự không bán được		114 000	
		Trâu bò bê nghé 50g	103	1 205 100	Nhập kho HTV do dự không bán được		60 255	
19/01/2016	Công ty TNHH TM sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Bao tải day	113	3 616 000	Nhập hàng trả về		180 800	
01/05/2016		Bio-C 1kg	48	2 406 720	Nhập hàng trả lại		120 336	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ **Báo cáo tổng hợp thưởng Đại lý**



**BÁO CÁO TỔNG HỢP THƯỜNG NĂM ĐẠI LÝ**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

STT	Tên đại lý	Vùng	Doanh số năm	Chiết khấu năm	Khuyến mãi	Hàng trả về	Doanh số thưởng	Thưởng khác	Tỷ lệ thưởng	Tiền thưởng
1	Lê Văn		82 673 500				82 673 500		2,0	1 653 470
2	Công ty TNHH Hưng Yên		129 338 560	3 800 000	138 560		125 400 000		2,0	2 508 000
3	Công ty cổ phần Công nghệ ứng dụng		147 335 000	54 306 500			93 028 500		2,0	1 860 570
4	Cửa Hàng Thuốc Thú Y Hoà Vã		130 472 000			12 490 100	137 981 900	3 426 500	2,0	2 691 108
5	Công ty TNHH TM sản xuất và kinh doanh thực phẩm		615 266 060	19 380 900		175 837 119	420 048 041		5,0	21 002 402
6	Lê Đà Nẵng		201 625 000	69 448 133	15 365 137		116 811 729		2,0	2 336 234
7	Phượng - Bình Dương		373 106 360	167 721 730	391 360		204 993 250	6 004 350	2,0	3 979 778
8	Công ty cổ phần SX & KD Thực Phẩm		736 310 970		3 092 500	27 180 000	706 038 470	13 280 430	7,0	48 493 061
	<b>Tổng Vùng Công ty</b>		<b>2 436 127 450</b>	<b>314 657 283</b>	<b>18 987 557</b>	<b>215 507 219</b>	<b>1 886 975 390</b>	<b>22 711 300</b>		<b>84 524 624</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2 436 127 450</b>	<b>314 657 283</b>	<b>18 987 557</b>	<b>215 507 219</b>	<b>1 886 975 390</b>	<b>22 711 300</b>		<b>84 524 624</b>

Hải nguyên, Ngày... Tháng... Năm...

Giám đốc                      Kế toán trưởng                      Quản lý vùng                      Người kiểm tra                      Người lập

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo doanh thu theo Đại lý

**BÁO CÁO DOANH THU THEO ĐẠI LÝ(NĂM)**

Ngày: 17/11/2016

Stt	Tên đại lý	Vùng	Doanh thu thực hiện trong năm											
			Quý 1											
			T1				T2				T3			
			DT sum	HIV	KM	DTT	DT sum	HIV	KM	DTT	DT sum	HIV	KM	DTT
	<b>Tổng nhóm 1. Nam sông hồng</b>										<b>5 513 960</b>			<b>5 513 960</b>
1	Khách lẻ		3 395 060		209 560	3 385 500	4 100 000				4 100 000			
	<b>Tổng nhóm 3</b>		<b>3 395 060</b>		<b>209 560</b>	<b>3 385 500</b>	<b>4 100 000</b>				<b>4 100 000</b>			
	<b>Tổng nhóm 1. Bắc Sông Hồng</b>		<b>3 395 060</b>		<b>209 560</b>	<b>3 385 500</b>	<b>4 100 000</b>				<b>4 100 000</b>			
1	Phượng - Bình Dương		62 537 730		220 000	62 317 730								
2	Lê Đà Nẵng		23 576 715		3 075 224	20 501 489					35 075 000		3 074 995	32 000 005
3	Công ty cổ phần SX & KD Thực Phẩm													
4	Tân Thành -HN										3 050 000			3 050 000
5	Công ty TNHH phát triển chăn nuôi													

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo tổng hợp theo sản phẩm, nhóm sản phẩm

**BÁO CÁO TỔNG HỢP SP THEO DÒNG( NĂM)**

Tên nhóm vật:

Hàng làm việc:

Stt	Dòng SP	Tên sản phẩm	Tháng 1		Tháng 2		Tháng 3		Tháng 4		Tháng 5		Tháng 6		Tháng 7	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1		Bào tử đầy	-83	-2 516 000			20	720 000								
2		Nhân Bio Tăng sức tăng 1kg														
3		Nhân Bio Neo. L1 1kg														
4		Nhân Bio Hi.Gro thúc tăng trưởng thảo được 1kg														
5		Nhân Bio Miao Piglet 1kg														
6		Nhân Bio Balance 1kg														
7		Nhân Bio Feed Up 1kg														
8		Nhân Bio Green 1kg														
9		Nhân Bio Men u thơm TD 1kg														
10		Nhân Bio Galaxy Dry 1kg														
11		Nhân Bio Điện giải G-K-C 1kg														
12		Nhân Bio Sore Milk F10%														
13		Nhân Bio Enzymax 1kg														
14		Nhân Bio Plus C 1kg														
15		Nhân Bio Chăm sóc 1kg														
16		Nhân Bio Cà gai leo C 1kg														
17		Nhân Bio Anthai - đường sữa 1kg														
18		Nhân Bio Lactozym 1kg														
19		Nhân Bio Vi men khoáng 1kg														
20		Nhân Bio Amino 1kg														
21		Nhân Bio - Betaglacan 1kg														

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo tổng hợp giao hàng





**BÁO CÁO TỔNG HỢP GIAO HÀNG**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

Stt	Ngày lập	Số đơn hàng	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Kế hoạch đặt hàng			Xuất kho thực tế			Số lượng còn phải xuất		
						Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	14/06/2016	201606001	IPTB005	HN-Neopast 10g	Gói	3 000,0	7 000,0	21 000 000				3 000,0	7 000,0	21 000 000
		<b>Cong :</b>				<b>3 000</b>		<b>21 000 000</b>				<b>3 000</b>		<b>21 000 000</b>
2	14/06/2016	201606002	TPCB005	Điện giải AC. Bcomplex 1kg	gói	50,0	62 000,0	3 100 000				50,0	62 000,0	3 100 000
			TPCB001	HN - Amiulo 1kg	gói	25,0	50 000,0	1 250 000				25,0	50 000,0	1 250 000
			TPMT009	Men tiêu hoá giảm mùi 1kg	gói	100,0	60 000,0	6 000 000				100,0	60 000,0	6 000 000
			TPDL010	Bột lăn vi sinh 1kg	gói	50,0	40 000,0	2 000 000				50,0	40 000,0	2 000 000
		<b>Cong :</b>				<b>225</b>		<b>12 350 000</b>				<b>225</b>		<b>12 350 000</b>
3	14/06/2016	201606003	TPCB011	HN - Univit C 1kg	gói	50,0	79 000,0	3 950 000				50,0	79 000,0	3 950 000
			IPTB005	HN-Neopast 10g	Gói	100,0	7 000,0	700 000				100,0	7 000,0	700 000
			TPMT009	Men tiêu hoá giảm mùi 1kg	gói	25,0	60 000,0	1 500 000				25,0	60 000,0	1 500 000
		<b>Cong :</b>				<b>175</b>		<b>6 150 000</b>				<b>175</b>		<b>6 150 000</b>
4	21/06/2016	201606005	TPMT010	Vỏ bọc nhanh 1kg	gói	25,0	68 228,0	1 705 700				25,0	68 228,0	1 705 700
			TPMX006	Premix đường thai, khô nái 1kg	Gói	25,0	68 000,0	1 700 000				25,0	68 000,0	1 700 000

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Quyết toán tiền thưởng nhân viên vùng

**PHIẾU QUYẾT TOÁN TIỀN THƯỞNG NHÂN VIÊN VÙNG**

Tháng : 1

Stt	Tên nhân viên	Mặt hàng thưởng	Đại lý lấy hàng	Điều kiện thưởng	Mức thưởng	Tiền thưởng
133	Trần Văn		Khách lẻ cảm vùng BSh	6 000 000		
134			Dương	600 000		
135			Vũ Văn	2 520 000		
136			Vương Chí	27 324 000		
137		HN - Amiulo 500g	Vương Chí	2 700 000		
138		Điện giải AC.	Vương Chí	9 920 000		
139		Vitamin khoáng 400g	Vương Chí	10 400 000		
140		HN- Tiêu Chày Heo	Vương Chí			
141		HN-Neopast 10g	Vương Chí	8 400 000		
142			Trịnh Bá	15 348 560		
143			Đỗ	29 312 560		
144		Glucos K - C 1kg	Đỗ	8 840 000		
145			Lê	54 211 200		
146		Điện giải AC.	Lê	7 440 000		
147		Glucos K - C 1kg	Lê Thị Nguyệt - NĐ1	6 800 000		

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo khuyến mại đặc biệt theo đại lý

**BÁO CÁO KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT THEO ĐẠI LÝ**

Ngày: 17/11/2016

Stt	Tên khách hàng	Vùng	Doanh thu chương trình	DT_CT	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
	<b>Tổng cộng</b>								

 KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 (Ký, họ tên)

 Ngày... tháng... năm...  
 NGƯỜI LẬP BIỂU  
 (Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo doanh thu khuyến mại theo đại lý



**BÁO CÁO DOANH THU KHUYẾN MẠI THEO ĐẠI LÝ**  
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 17/11/2016

Stt	Tên khách hàng	Vùng	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7
<b>Nhóm 1 BMT</b>									
1	Vân Phòng	BLBMT							
<b>Tổng nhóm 3BLBMT</b>									
<b>Tổng nhóm 1 BMT</b>									
<b>Nhóm 1 BSH</b>									
1	Lê Văn								
2	Công ty TNHH Hưng Yên		138 360						
3	Công ty cổ phần Công nghệ Việt Nam								
4	Cửa Hàng Thuốc Thứ Y								
5	Trần Thanh								
6	Công ty TNHH TM sản xuất và kinh doanh								
7	Nguyễn - TP								
8	Lê - Đà Nẵng		3 075 224		3 074 995	3 065 250		6 149 990	
9	Nguyễn - TB					2 544 000			
10	Phượng - Bình Dương		220 000					171 360	
11	Trang trại								
12	Công ty cổ phần SX & KD Thực Phẩm								

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo khác ...

**1.5 Chăm sóc khách hàng (CRM)**

- Chương trình cho phép theo dõi các khách hàng VIP của công ty như: Số Tel, Địa chỉ, Ngày sinh, cảnh báo & cung cấp báo cáo sinh nhật khách hàng...
- Chương trình cho phép gửi mail tự động đến mỗi khách hàng theo từng chương trình chăm sóc khách hàng ví dụ như thông báo: Giảm giá, khuyến mãi...
- Chương trình phần mềm cũng cho phép tự động gửi tin nhắn điện thoại – SMS tới số mobile của khách hàng để chăm sóc, chúc mừng sinh nhật, thông báo chương trình khuyến mại...

**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG SINH NHẬT TRONG THÁNG**

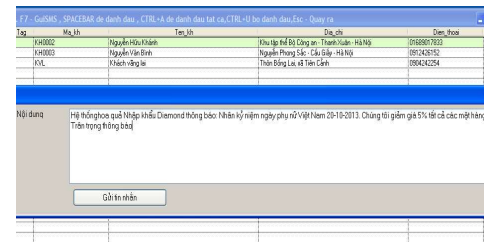
Tháng : 01 / 0012

Mã kh	Tên khách hàng	Địa chỉ	Ngày sinh	Điện thoại
KH0001	Nguyễn Lan Hương	CC Cao cấp The Manor Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	15/01/1980	

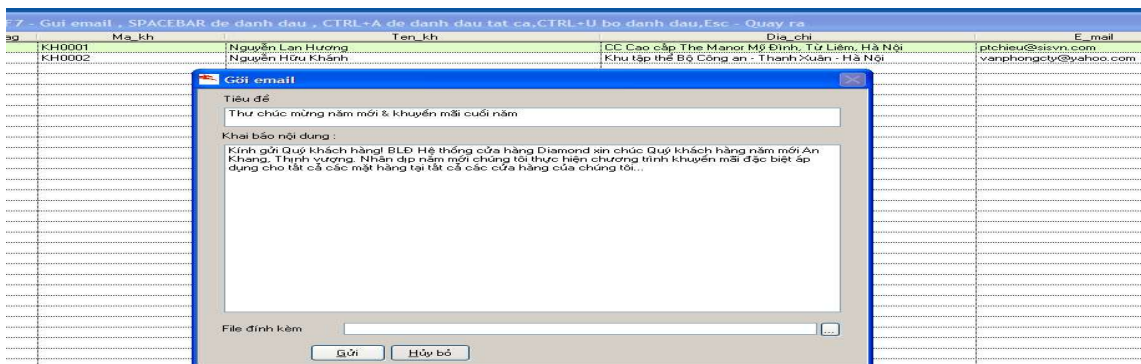
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

*Báo cáo sinh nhật khách hàng trong tháng*



*Gửi tin nhắn SMS tự động đến mobile của KH*



*Gửi Email tự động đến khách hàng của công ty*





## II. QUẢN LÝ THU MUA

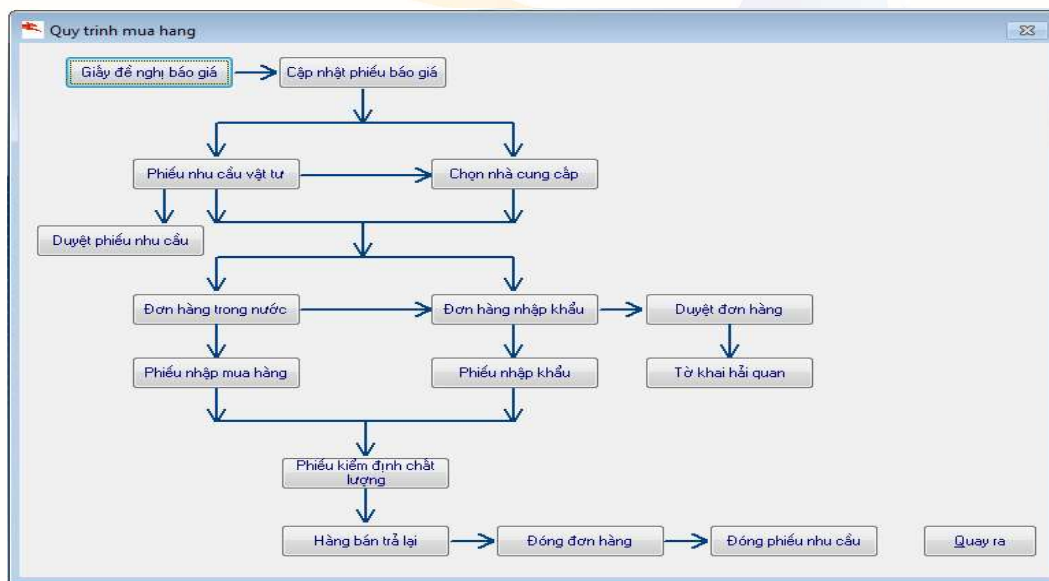
- Phần mềm cho phép quản lý thu mua vật tư, hàng hóa theo một quy trình từ khâu đặt hàng nhà cung cấp cho đến khâu giao hàng, đóng đơn hàng mua. Công việc từ giai đoạn này sang giai đoạn khác mang tính liên tục và kế thừa đảm bảo thực hiện công việc chính xác, tốc độ, chuyên nghiệp. Kiểm soát mua hàng chặt chẽ.
- Phần mềm cho phép lập hệ thống danh mục: Danh mục nhà cung cấp, danh mục hợp đồng, danh mục chất lượng sản phẩm, danh mục giá mua, danh mục thuế nhập khẩu...
- Hệ thống báo cáo quản trị mua hàng hóa, vật tư đa dạng, nhiều chiều. Báo cáo đi theo nghiệp vụ kinh tế từ Nhu cầu nguyên vật liệu đến giao hàng và tất toán đơn hàng. Các báo cáo mua hàng theo nhà cung cấp, theo sản phẩm, theo hợp đồng cung ứng, theo đơn đặt hàng...
- Phân hệ này thường được triển khai tại bộ phận: Thu mua, XNK, Kế hoạch - Vật tư...

### 1. Quy trình chung

- Giao diện Mô-Đun



- Giao diện quy trình thu mua vật tư, hàng hóa



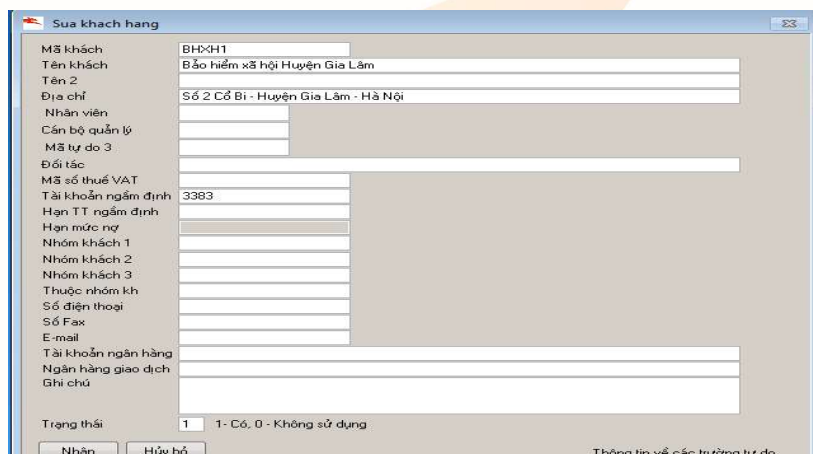
- Giao diện hệ thống báo cáo quản trị quá trình thu mua





## 2. Hệ thống danh mục nhà cung cấp

- Quản lý không giới hạn số lượng các nhà cung cấp
- Tên nhà cung cấp, địa chỉ, số điện thoại, số fax, người liên hệ
- Phương thức giao hàng và thanh toán ngầm định
- Khai báo các điều kiện tín dụng, thời hạn tín dụng kèm ngày hết hạn
- ...



**Sua khách hàng**

Mã khách: BHD:KH1  
 Tên khách: Bảo hiểm xã hội Huyện Gia Lâm  
 Tên 2:   
 Địa chỉ: Số 2 Cổ Bi - Huyện Gia Lâm - Hà Nội  
 Nhân viên:   
 Cán bộ quản lý:   
 Mã tự do 3:   
 Đối tác:   
 Mã số thuế VAT:   
 Tài khoản ngầm định: 3383  
 Hạn TT ngầm định:   
 Hạn mức nợ:   
 Nhóm khách 1:   
 Nhóm khách 2:   
 Nhóm khách 3:   
 Thuộc nhóm kh:   
 Số điện thoại:   
 Số Fax:   
 E-mail:   
 Tài khoản ngân hàng:   
 Ngân hàng giao dịch:   
 Ghi chú:   
 Trạng thái: 1 1 - Có, 0 - Không sử dụng

Nhận Hủy bỏ Thông tin về các trường tự do

## 3. Quản lý yêu cầu mua hàng

- Giấy yêu cầu mua hàng có thể nhập in trực tiếp trên máy hoặc nhập sau
- In giấy yêu cầu mua hàng
- Cho phép tra cứu giá mua gần nhất
- Quản lý theo công trình/dự án/vụ việc
- Kiểm tra tồn kho của mặt hàng cần mua
- Xét duyệt (trên máy) theo nhiều cấp các yêu cầu mua hàng



**Phiếu nhu cầu vật tư**

Bộ phận: NVHN0074 Nguyễn Thị Thanh Ngày lập: 02/08/2016  
 Người y.c: Nguyễn Thị Thanh Số y.c: 201608003  
 Diễn giải: để nghi mua nguyên liệu Tỷ giá: VND 1.00  
 Mức độ: cần cấp

F4-Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Ngày y.c	Mã kho	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND	SL Duyệt	Nec
NLCK009	Lactosa trước sấy	kg	02/08/2016	KNL	2 462,700	500,000	0 000,000	0 000,000	500,000	98BG2010
NLCK0004	Dextrose Monohydrate	kg	02/08/2016	KNL	10 403,950	3 000,000	600,000	0 000,000		

Số lượng: 3 500,000  
 Tổng TT: 52 800 000,00

Lưu Mới In chữ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

HAIDT DIEPNX-PC # diepnx 17/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

**KẾ HOẠCH NHẬP NVL**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Số lượng
101	NLMIX002	DH - Methionine	kg	901,530
102	NLMIX003	Threonine	kg	2
103	NLMIX004	Nutri Peptid	kg	1
104	NLMIX005	Bio Cholin	kg	701,400
105	NLMIX006	Herbo Methionine	kg	2
106	NLMIX007	Betagro	kg	5
107	NLMIX008	Vita - Acid	kg	1
108	NLMIX009	Sero lat	kg	10
109	NLMIX010	Prelac	kg	24
110	BBDCB0021	Nhân Sorbitol C 1kg	Chiếc	1
111	NLMIX013	Ly Zin 99%	kg	25
111	NLMIX015	Lactose Cầm	kg	8
112	NLMIX018	Probio Peptid	kg	17
113	NLMIX020	Sản phẩm	kg	601,020

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

**Báo cáo tình trạng phiếu nhu cầu**

Ngày 17 tháng 11 năm 2016

Ký hiệu:  
Số:

Tên vật tư	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NCC	SL Duyệt	SL Đạt	Trạng thái
NLVTM0012		50,00	0000	000	NCC017			9
NLMK004		300,00	0000	000	CTYPP002	300	300	6
NLCK0004		3 000,00	2000	000				6
NLCK009		500,00	0000	000	98BG2010	500	500	6
Tổng cộng tiền hàng:								0
Tổng cộng tiền thanh toán:								0

Người mua hàng  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)



**BẢNG KÊ PHIẾU NHU CẦU VẬT TƯ**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

Chương trình		Diễn giải	Số lượng	SL Duyệt	SL đạt	Đơn giá	Tiền hàng
Ngày	Số						
16/0	PR1	NCC017 Đề nghị mua Nguyên Liệu NLVTM0012 - HV10 Hải Đăng	kg	50,000		115 000,00	5 750 000,00
<b>Tổng tiền hàng:</b>							<b>5 750 000,00</b>
02/0	PR1	CTYPP002 Đề nghị mua nguyên liệu gấp NLMK004 - Khoáng hữu cơ Lon	kg	300,000	300,000	117 000,00	35 100 000,00
<b>Tổng tiền hàng:</b>							<b>35 100 000,00</b>
<b>Tổng tiền hàng:</b>							<b>40 850 000,00</b>

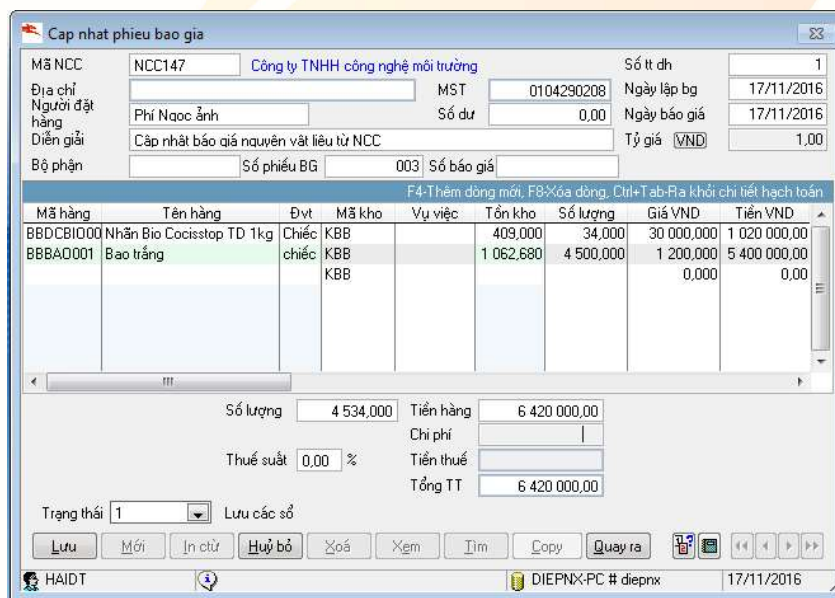
Ngày... tháng .... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

#### 4. Quản lý báo giá

- Lưu báo giá của tất cả các nhà cung cấp và tất cả các hàng đặt mua
- Khai báo các mức giá, chiết khấu, các điều kiện thanh toán và số lượng đơn hàng tối thiểu
- Cho phép xem các báo giá trước đây và hiện thời
- So sánh giá báo cùng một mặt hàng của các nhà cung cấp khác nhau
- Cho phép xem các đơn hàng trước đây và hiện thời



(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

#### 5. Quản lý đơn hàng mua

- Lập đơn hàng dựa trên các yêu cầu mua hàng
- Gọi ra giá mua và chiết khấu theo báo giá hoặc bảng giá của nhà cung cấp
- Lập đơn mua hàng nội địa hoặc nhập khẩu theo đồng tiền của nhà cung cấp
- Cho phép tạm treo đơn hàng
- Theo dõi nhập kho hàng mua, hàng trả lại nhà cung cấp.





**Đơn đặt mua hàng**

Mã khách: NCC013 Công ty TNHH việt Ngày đặt hàng: 25/10/2016  
 Địa chỉ: Dương Xá - Gia Lâm - Hà Nội MST: 0106304865 Số STT: 201610017  
 Người giao hàng: Số dư: Tỷ giá (VND): 1,00  
 Diễn giải: Nhập kho BA140,BA131, Pep 1000  
 Điều kiện TT/Term:  
 Ngày giao hàng: 25/10/2016  
 Loại giá/Price:  
 Cảng đến/ Destination:  
 Bộ phận:  
 Số đh: 201610017 Số DHTC: Số báo giá:

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Tồn kho	Số lượng	Giá VITiền VND	Tk nợ	Ma td	Thời gian SD
NLBA002	Pre BA131	kg	KNL	25,346	25,000	9,000	975,000	1521	
NLBA005	BA140	kg	KNL	124,330	250,000	85,000	0,000	1521	
NLBA006	Pep 1000	kg	KNL	22,200	50,000	90,000	0,000	1521	

Số lượng: 325,000 Tiền hàng: 25 120 975,00  
 Khấu trừ lãi  HD  Thuế có tính chi phí Chi phí:  
 Thuế suất: 0,00 % Tiền thuế:  
 Tổng TT: 25 120 975,00 Hạn TT: 0

Trạng thái: 9 Lập đơn đặt hàng mua

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

### ĐƠN ĐẶT MUA HÀNG

Số: ĐĐHH

Kính gửi: NCC013 - Công ty TNHH việt

Mã số thuế:

Căn cứ theo thỏa thuận Hợp đồng nguyên tắc về việc mua hàng Công ty xin gửi tới quý Công ty đơn đặt hàng sau:

STT	Tên mặt hàng	Nước sx	TL% Đam/Đổ ẩm	Thời gian sử dụng	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	NLBA002 - Pre BA131				kg	25,000	77 439	1 936 975
2	NLBA005 - BA140				kg	250,000	59 140	14 785 000
3	NLBA006 - Pep 1000				kg	50,000	168 000	8 400 000
<b>TỔNG CỘNG</b>								<b>25 120 975</b>

**Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng chẵn**

Yêu cầu: 1. Đồng gói phải đảm bảo chất lượng, hàm lượng đúng như kết quả phân tích CA / Market sản phẩm.

- Nếu sai không giống như kết quả phân tích trên CA / Market sản phẩm / Công ty TNHH việt hoàn toàn chịu trách nhiệm giá trị là

- Công ty TNHH việt chịu trách nhiệm đối là hàng khác đạt chất lượng hoặc trả lại số tiền trên cho Công ty

- Hạn sử dụng còn 2/3, trên bao bì phải ghi rõ NSX, HD, Lô, nước sx nếu không ghi rõ trên bao bì Công ty TNHH việt chịu trách nhiệm đối là hàng khác cho công ty

2. Giao hàng:

3. Thời gian đặt hàng: Ngày 25 tháng 10 năm 2016

4. Thời gian giao hàng: Ngày 25 tháng 10 năm 2016

Đại diện đđ tác  
(Ký, họ tên)

Quản lý sản xuất  
(Ký, họ tên)

Đại diện công ty  
Người đặt hàng  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

### Theo dõi hàng nhập khẩu/mua trong nước

- Tính tổng chi phí mua hàng dự tính dựa trên giá FOB, thuế, cước vận chuyển và các phí nhập khẩu khác
- Phân bổ tự động chi phí nhập khẩu/chi phí mua hàng cho từng mặt hàng theo số lượng, giá tiền, hoặc tùy biến. Cho phép chọn phiếu nhập để phân bổ
- Cho phép tự động tạo phiếu chi tiền nếu thanh toán ngay cho NCC đó
- Cho phép khấu trừ lãi thuế trong trường hợp giá mua bao gồm thuế VAT...





**Phiếu nhập mua hàng**

Mã khách: NCC017 Công ty TNHH đầu tư và phát triển Số pn: 161100  
 Địa chỉ: Thanh xuân Hà Nội Ngày lập pn: 25/10/2016  
 Diễn giải: Nhập đường Dextrose, lactose theo BBKN 79 ngày 25/10. Số đơn hàng:  
 Mã rx (tk có): 331 Phải trả cho người bán Số hđ:

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Số lượng	Giá VNĐ/tiền VNĐ	Tk nợ	Số lô/ Số serial	Hạn sử
NLCK0004	Dextrose Monohydrate	kg	KNL	2 000,000	300,000	0 000,00	1521	/ /
NLCK009	Lactosa trước sấy	kg	KNL	1 000,000	000,000	0 000,00	1521	/ /

Số lượng: 3 000,000 Tiền hàng: 58 600 000,00  
 Thuế suất: 0,00 Tk thuế: Chi phí: Tạo phiếu chi:   
 Tiền thuế: Tổng TT: 58 600 000,00 Hạng GTGT: 0  
 Hạng TT: 0

Trạng thái: 1 Lưu các số

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

HAIDT Dextrose Monohydrate DIEPNX-PC # diepnx 17/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

## 6. Hệ thống cảnh báo mua hàng

- Cho phép khai báo các cảnh báo về mua hàng
- Thực hiện các cảnh báo hàng nhập mua như: Giới hạn nhập cho phép, Giá mua, thanh toán cho nhà cung cấp...

## 7. Báo cáo

- Báo cáo về tình trạng của các yêu cầu mua hàng; tình trạng của các đơn hàng; các đơn hàng quá hạn, đang thực hiện hoặc chờ xác nhận
- Bảng kê các báo giá
- Bảng kê các đơn hàng
- Các báo cáo phân tích về hàng nhập mua: Như theo mặt hàng, theo nhà cung cấp, theo hợp đồng, theo đơn hàng...

### ➤ Báo cáo tổng hợp đơn hàng

#### BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐƠN HÀNG

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

Stt	Ngày lập	Số ĐH	Mã vật tư	Tên vật tư	Tên nhà CC	Ngày về dự kiến	Đvt	Kế hoạch đặt hàng			Nhập kho thực tế			Số lượng còn phải nhập		
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành
1	15/01/2016	20160100	TP100001					200,000	315	63			200,000	315	63 000	
		Cong :						200,000		63 000 000			200,000			
2	22/06/2016	20160600	NLCK009	Lactosa trước sấy	Cong ty TNHH đầu tư và phát triển		kg	1	36	36	1 000,000	36	36 000 000			
		Cong :						1 000,000		36 000 000	1	36				
3	22/06/2016	20160600	NLBA005	BA140	Cong ty TNHH vật		kg	100,000	59	5			100,000	59	5 910	
		Cong :						100,000		5 914 000			100,000			
4	14/07/2016	20160700	BBDCCB0	Nhân Đạm súa 9.50g	Cong ty CP thương mại và đầu tư phát triển		Chiếc	1	900	900			1 000,000	900,00	900	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

### ➤ Báo cáo tổng hợp đơn hàng



Bao cao tinh trang don hang: F7 - In, Esc - Quay ra												
Ngay	Ma_ct	So_ct	So_dh	Ma_kh	Ten_kh	Diem_giai	T_tien0	T_cp	T_tien_nt0	T_thue	Status	Ten_status
22/06	DHN			NCC017	Công ty TNHH đầu	Đặt hàng mua Đ	36 000 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
22/06	DHN			NCC013	Công ty TNHH Việt	Đặt mua BA140	5 914 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
14/07	DHN			NCC022	Công ty CP thương	Đặt hàng tem nh	6 420 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
15/07	DHN			NCC080	Công ty TNHH Dev	Đặt hàng Prelac	20 000 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
20/07	DHN		20160700	NCC057	CN Công ty TNHH	Đặt hàng Sorbitol	8 175 000.00				8	Duyệt đơn đặt hàng mua
02/06	DHN			NCC001	Công ty TNHH ALLI	Nhập mua khoá	35 100 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
09/06	DHN		3	NCC080	Công ty TNHH Dev	cán nhập nguội	29 800 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
09/06	DHN		1	NCC058	CN Công ty TNHH	Mua nguyên vật	9 350 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
23/06	DHN			NCC080	Công ty TNHH Dev	Nhập mua nguội	31 800 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
15/05	DHN			NCC103	Công ty TNHH Linh	Nhập mua hàng	5 000 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
15/05	DHN			NCC030	Công ty TNHH SX	Mua hàng lọ nh	5 360 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
15/05	DHN			NCC022	Công ty CP thương	Nhập mua tem nh					9	Lập đơn đặt hàng mua
17/05	DHN			NCC099	Công ty cổ phần H	Mua hàng DCP	3 500 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
29/05	DHN			NCC099	Công ty cổ phần H	Mua hàng DCP	3 500 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua
29/05	DHN			NCC010	Nguyễn Đình Chun	Nhập mua cảm	9 000 000.00				9	Lập đơn đặt hàng mua

Bao cao tinh trang don hang: F7 - In, Esc - Quay ra											
Mã vật tư	Tên vật tư	Dvt1	Số lượng	Giá0	Tien0	Cp	Giá_nt0	Tien_nt0	Thue	Ma_kho	Ma_vv
NLMDX015	Lactose Cầm		200,000	0,000	0,000,000					KNL	
NLMDX010	Prelac		800,000	0,000	0,000,000					KNL	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo tiến độ hàng đặt mua

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ HÀNG ĐẶT MUA**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 17/11/2016

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Số lượng	Tiền hàng	Chi phí	Tổng tiền	Thuế	SL đặt	Tiền đặt
1	BBAHV01	Tờ rơi Ahavet	chiếc	540,0	2	*****	2	*****	*****	*****
2	BBBA 000	Bao trắng	chiếc	8	39	*****	39	*****	*****	*****
3	BBBA 000	Bao giấy sọc xanh	chiếc	1	18	*****	18	*****	*****	*****
4	BBBA 000	Bao chung	chiếc	13	69	*****	69	*****	*****	*****
5	BBDCBIO	Nhân Bio Hi.Gro thức tăng trưởng thảo được 1kg	chiếc	910,0	819	*****	819	*****	*****	*****
6	BBDCBIO	Nhân Bio Feed Up 1kg	chiếc	910,0	819	*****	819	*****	*****	*****
7	BBDCBIO	Nhân Bio Green 1kg	chiếc	910,0	819	*****	819	*****	*****	*****
8	BBDCBIO	Nhân Bio Men ủ thơm TD 1kg	chiếc	910,0	819	*****	819	*****	*****	*****
9	BBDCBIO	Nhân Bio Galaxy Dry 1kg	chiếc	2	1	*****	1	*****	*****	*****
10	BBDCBIO	Nhân Bio Galaxy Max Money 1kg	chiếc	970,0	873	*****	873	*****	*****	*****

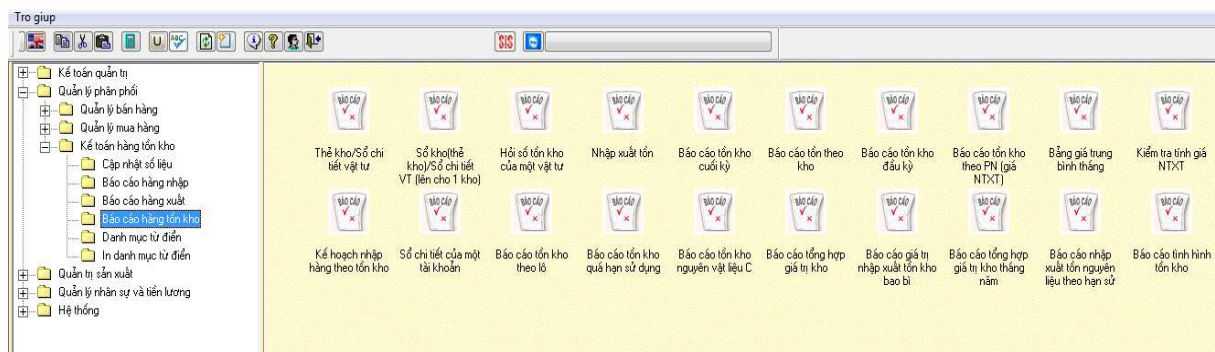
(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

**Kết nối với các phân hệ khác**

- Liên kết với các phân hệ quản lý hàng tồn kho, kế toán công nợ phải trả, kế toán tổng hợp, kế toán thuế...



### III. QUẢN LÝ KHO – VẬT TƯ



Phân hệ quản lý kho hàng cung cấp thông tin kịp thời về mọi mặt của hàng tồn kho. Phân hệ hỗ trợ các giao dịch trực tiếp để ghi chép mọi nhập xuất kho; cho phép quản lý hiệu quả nhờ khả năng quản lý nơi cất giữ/vị trí của vật tư; cung cấp nhiều tiện ích trong việc kiểm kê để đảm bảo số hàng tồn kho luôn đúng.

Hệ thống hỗ trợ tất cả các phương pháp chính tính giá hàng tồn kho và cung cấp và các báo cáo chủ yếu để phục vụ tốt công việc ra quyết định trong dây chuyền cung ứng vật tư.

Phân hệ quản lý kho hàng có các menu chính sau: Phiếu nhập kho, Kiểm tra chất lượng, Xuất trả lại nhà cung cấp, Giấy đề nghị xuất vật tư, Phiếu xuất kho, Phiếu nhập phế liệu, Phiếu nhập kho thành phẩm, Xuất hàng cho đại lý, Xuất điều chuyển kho, Lệnh sản xuất, Kiểm kê kho, Báo cáo nhập kho, Báo cáo xuất kho, Báo cáo tồn kho.

#### Khai báo thông tin vật tư, hàng hoá

- Không hạn chế danh điểm vật tư
  - Mô tả chi tiết và tóm tắt vật tư, hàng hóa
  - Phân loại, phân nhóm vật tư, hàng hóa theo yêu cầu của người sử dụng
  - Khai báo nhiều đơn vị tính cho 1 mặt hàng
  - Quản lý theo lô và thời hạn sử dụng
  - Chính sách đặt hàng, quy mô (số lượng) của 1 đơn hàng và thời hạn thực hiện
  - Cho phép khai báo số lượng tồn tối đa, tối thiểu
  - Cho phép khai báo danh mục đó có sử dụng trong các giao dịch hay không
  - Cho phép khai báo các trường tự do phục vụ yêu cầu quản trị riêng của DN
  - ...
- Danh mục vật tư, hàng hóa







**Phiếu xuất kho**

Mã giao dịch: 2 Xuất nội bộ (cho sx, sử dụng) Số px: 16100331  
 Mã khách: CHUNG Ngày lập px: 26/10/2016  
 Địa chỉ: Tổ trưởng tổ hỗn hợp Ngày hạch toán: 26/10/2016  
 Người nhận hàng: Bùi Thị Chung Tỷ giá: VND 1,00  
 Diễn giải: xuất kho nl, bb để sx LBS - Vitamin 1kg  
 Số đh: Loại xuất: 0 0-Định mức, 1- Bỏ sung

Xuất theo giá đích danh cho VT tính giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND
NLK0006	KN03 (NSA)	kg	KNL	VWBTP110	-91,374	4,400	0,000	0,00
NLMS001	Men S2 tan	kg	KNL	VWBTP110	-45,760	64,000	0,000	0,00
NLMS002	Men S1 tan	kg	KNL	VWBTP110	2 156,140	60,000	0,000	0,00
NLMS003	Men S3 tan	kg	KNL	VWBTP110	-2 104,900	72,000	0,000	0,00
NLMV0001	Mùi Sữa (Hương Sữa)	kg	KNL	VWBTP110	9,722	0,200	0,000	0,00
BBDCMS000	Nhãn LBS - Vitamin 1kg	Chiếc	KBB	WVTP052	- 383,000	202,000	0,000	0,00
BBTHG002	Thùng Cattel to	chiếc	KBB	WVTP052	2 065,308	20,200	0,000	0,00
BBTPP002	Túi PP 10 x 15	chiếc	KBB	WVTP052	-60 895,600	2 020,000	0,000	0,00
BBTTHIEC00	Túi nhôm 1000g	chiếc	KBB	WVTP052	-38 733,230	202,000	0,000	0,00
BTPT039	BTP Men sống chung	kg	KNL	WVTP052	-1 556,650	202,000	0,000	0,00

Trạng thái: 1 Lưu các số

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

HAIDT DIEPNX-PC # diepnx 17/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ **Phiếu xuất nhập kho thành phẩm/bán thành phẩm từ sản xuất**

**Phiếu nhập kho**

Mã giao dịch: 2 Nhập nội bộ (từ sx, sử dụng) Số pn: 16100278  
 Mã khách: CHUNG Bùi Thị Chung - tổ trưởng tổ hỗn hợp Ngày lập pn: 22/10/2016  
 Địa chỉ: Tổ trưởng tổ hỗn hợp Ngày hạch toán: 22/10/2016  
 Người giao hàng: Bùi Thị Chung Tỷ giá: VND 1,00  
 Diễn giải: Nhập kho BTP chất bột + chất tinh LNS theo lệnh 278 ngày 22/10  
 Số đh: Tổ sản xuất HN18

Nhập theo giá TB cho VT tính giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem FX, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND
NLTD0014	Hóa chất tinh trộn (LBS)	kg	KNL	VNLD037	15,000	5,000	0,000	0,00
NLTD0015	Chất bột trộn (LBS)	kg	KNL	VNLD036	15,000	5,000	0,000	0,00

Trạng thái: 1 Lưu các số

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

HAIDT Tên hàng DIEPNX-PC # diepnx 17/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ **Phiếu xuất điều chuyển kho**





**Phiếu xuất điều chuyển**

Mã kho xuất: KTP      Kho thành phẩm      Số px: 1601006  
 Mã kho nhập: KBMT      Kho B      Ngày lập px: 10/10/2016  
 Người nhận hàng: Phạm Văn Thục      Ngày hạch toán: 10/10/2016  
 Diễn giải: Xuất điều chuyển vào kho B      Tỷ giá: VND 1.00  
 Số đh: \_\_\_\_\_

Xuất theo giá đích danh cho VT tính giá TB      F4:Thêm dòng, F8:Xóa dòng, F5:Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Tiền VND	Tk nợ	Tk có
TPTB007	HN-Colisal 50g	Gói		590,000	120,000	0,000	0,00	1572	1551
TPCB012	Tăng đề trứng 1kg	gói		154,100	30,000	0,000	0,00	1572	1551
TPTB011	HN-Cocis stop 50g	gói		1 945,000	150,000	0,000	0,00	1572	1551
TPMX018	Premix 208: Nút móng	gói		100,000	400,000	0,000	0,00	1572	1551
TPCB001	HN - Amiulo 1kg	gói		1 118,000	175,000	0,000	0,00	1572	1551

Trạng thái: 3      Lưu sổ kho      875.000      0,00

Lưu      Mới      In cũ      Sửa      Xóa      Xem      Tìm      Copy      Quay ra

HAIDT      DIEPNX-PC # dieprnx      17/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

### Kiểm kê hàng tồn kho

- In biên bản kiểm kê
- In phiếu kiểm kê
- In sổ chênh lệch kiểm kê
- Tính chênh lệch kiểm kê và tạo các bút toán tương ứng

Cập nhật kiểm kê vật tư Ngày 17/11/2016. F7 - In, F8 - Xóa, F9 - Lưu, F10 - Tủy chọn, Esc - Quay ra

Stt	Mã kho	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Sl tồn sổ sách	Giá trị sổ s	Giá trị sổ sách(ntệ)	Số lượng kiểm kê	Giá trị kiểm kê	Giá trị kiểm kê(ntệ)	Tên kho
1	KBB	BBAHV01	Dòng chất bổ	chiếc	1 340 773,513	94 059,32	8 202 425 642,78	30,000			Kho Bao bì
2	KBB	BBBA001	Tờ rơi Ahavet	chiếc	390,000	44 444,56					Kho Bao bì
3	KBB	BBBA002	Bao trắng	chiếc	1 062,680	86 578,05					Kho Bao bì
4	KBB	BBBA003	Bao đĩa xanh	chiếc	350,500	16 405,67					Kho Bao bì
5	KBB	BBBA004	Bao giấy sọc xanh	chiếc	1 457,000	38 068,30					Kho Bao bì
6	KBB	BBBA005	Bao chung	chiếc	1 740,080	78 674,58					Kho Bao bì
7	KBB	BBBA006	Bao tải đay	chiếc	32,000	24 000,00					Kho Bao bì
8	KBB	BBDCBI001	Nhãn Bio Cocisstop TD 1kg	Chiếc	409,000	54 400,00					Kho Bao bì
9	KBB	BBDCBI002	Nhãn Bio Tăng đề trứng 1kg	Chiếc	429,000	86 400,00					Kho Bao bì
10	KBB	BBDCBI003	Nhãn Bio Thức tăng trưởng 1kg	Chiếc	-	300,000					Kho Bao bì
11	KBB	BBDCBI004	Nhãn Bio Neo. L1 1kg	Chiếc	275,000	12 000,00					Kho Bao bì
12	KBB	BBDCBI005	Nhãn Bio Neo. L1 100g	Chiếc	139,000	51 430,00					Kho Bao bì
13	KBB	BBDCBI006	Nhãn Bio Hi Grown úm gà vật TD	Chiếc	8,000	12 800,00					Kho Bao bì

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

### Tính giá hàng tồn kho

- Hỗ trợ các phương pháp tính giá hàng tồn kho: Giá trung bình tháng, trung bình di động, nhập trước xuất trước, đích danh
- Cho phép chọn phương pháp tính giá cho từng mặt hàng
- Cho phép tính giá vốn theo từng hợp đồng, vụ việc

### Hệ thống cảnh báo kho hàng

- Cho phép khai báo các cảnh báo về kho hàng
- Thực hiện các cảnh báo kho hàng như: mức xuất/nhập NVL, thành phẩm, hàng hoá; cảnh báo về giá cả nhập xuất của hàng hoá vật tư khi vượt quá ngưỡng quan trọng ...

### Báo cáo

- Báo cáo tình trạng tồn kho
- Báo cáo nhập xuất tồn
- Thẻ kho, sổ chi tiết vật tư
- Báo cáo tình trạng của các lệnh sản xuất



- Báo cáo hàng hoá quá hạn sử dụng
  - Báo cáo phân tích tồn kho theo nhiều tiêu thức: Nhóm hàng, hạn dùng, lô, theo kho, theo nhà cung cấp, theo đơn hàng...
- Báo cáo tồn kho theo lô

**BÁO CÁO TỒN KHO THEO LÔ**

Kho: Tất cả các kho  
Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Mã vật tư	Vật tư	ĐVT	Hạn sử dụng	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
					Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>09050816</b>												
1	BTPC0009	BTP Cám chim sinh học NNI	kg	05/02/2017			333,000				333,000	
2	BTFPT013	BTP Men sống Betain	kg	05/02/2017			21,000				21,000	
3	NLMIX007	Betagro	kg	05/02/2017			100,000				100,000	
4	TPC023	Cám chim sinh học 500g	Gói	05/02/2017			200,000				200,000	
5	TPC034	Cám gà con	kg	05/02/2017			344,000				344,000	
6	TPCB001	HN - Amiulo 1kg	gói	05/02/2017			750,000				750,000	
7	TPDL002	Green Farm - Thảo dược 1kg	gói	05/02/2017			1 000,000				1 000,000	
8	TPDL003	LBS - NN.01 1kg	Gói	05/02/2017			1 000,000				1 000,000	
9	TPDL004	Lasachu S 1kg	Gói	05/02/2017			250,000				250,000	
10	TPDL005	Đệm lót sinh học cao cấp CNX 1kg	Gói	05/02/2017			50,000				50,000	
11	TPMS014	Men sống Betain thảo dược 10g	Gói	05/02/2017			2 000,000				2 000,000	
12	TPMT008	Men Tăng Trưởng 1kg	gói	05/02/2017			500,000				500,000	
13	TPMT011	Vỏ bọc nhanh 500g	Gói	05/02/2017			25,000				25,000	
14	TPMX002	Premix HD - 207 1000g	gói	05/02/2017			80,000				80,000	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo tồn kho quá hạn sử dụng

**BÁO CÁO TỒN KHO QUÁ HẠN SỬ DỤNG**

Kho: Tất cả các kho  
Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Mã lo	Mã vật tư	Vật tư	Ngày sx	Hạn sử dụng	Đvt	Số ngày	Tồn đầu	SL nhập	SL xuất	Tồn cuối
				/ /	/ /						

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Phân tích hàng tồn kho

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TỒN KHO**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Vật tư	Quy cách	SL Tồn ĐK	SL Nhập	Tổng Xuất	SL Tồn CK	Giá trị tồn	Tồn tối thiểu	Ngày hết hạn
Tồn dưới 1 tháng									
Tồn dưới từ 2 - 3 tháng									
Tồn > 3 tháng									
Tồn > 4 tháng									

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Hải nguyên, Ngày... tháng... năm...  
Thủ kho  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo NXT nguyên liệu theo hạn sử dụng



**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN NGUYÊN LIỆU THEO HẠN SỬ DỤNG**

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Vật tư	Quy cách	SL Tồn ĐK	SL Nhập	SL Xuất	SL Tồn CK	Giá trị tồn	Số ngày còn hạn	Ngày hết hạn
<b>Nhóm NL còn hạn sử dụng dưới 1 - 2 tháng</b>									
1	Bao dứa xanh							91	17/02/2017
2	Túi nhân Cám chim 500g							91	17/02/2017
3	Túi PP 5kg có quai							91	17/02/2017
4	BTP Cám chim sinh học NNI							79	05/02/2017
5	BTP Cám chim sinh học NNI							91	17/02/2017
6	BTP Cám chim sinh học NNI							106	04/03/2017
7	BTP Cám chim sinh học NNI							87	13/02/2017
8	BTP Thức Tăng Trưởng							63	20/01/2017
9	BTP siêu giảm mùi							63	20/01/2017
10	BTP Premix HD207				50,000			91	17/02/2017

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo tồn kho theo tháng trong năm

**BÁO CÁO TỔNG HỢP GIÁ TRỊ KHO THÁNG NĂM**

Kho: Tất cả các kho

STT	Danh mục các kho	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 03	Tháng 04	Tháng 05	Tháng 06	Tháng 07	Tháng 08	Tháng 09	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
<b>I</b>	<b>Kho Bao bì</b>												
1	Không phân nhóm												
2	Bao các loại												
3	Niêu đế can BEO												
4	Niêu đế can CNX												
5	Niêu đế Can Hải Nguyên												
6	Niêu đế can TPS												
7	Túi nhân in trực tiếp												
8	Lọ nhựa + xô nhựa + can nhựa												
9	Nguyên liệu A												
10	Thùng hộp giấy các loại												
11	Túi dứa												
12	Bao từ PP + PE												
	<b>Tổng giá trị Kho Bao bì</b>												
<b>II</b>	<b>Kho Bắc Miền Trung</b>												
1	Thành phẩm												
	<b>Tổng giá trị Kho Bắc Miền</b>												

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo hàng nhập mua theo máy sản xuất

**BÁO CÁO HÀNG NHẬP MUA THEO MÁY SẢN XUẤT**

Máy sản xuất: Tất cả các tổ

Tổ trưởng:

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Tên sản phẩm	Đvt	Quy cách	Số lượng	Mức khấu hao/tháng	Tiền KH/Sản phẩm
<b>I</b>	<b>Dây truyền chế biến TÁ ép viên</b>					
1	BTP Cám chim sinh học NNI	kg			11	
2	Hỗn hợp G02 ép viên	kg			11	
3	Hỗn hợp G03 ép viên	kg			11	
4	Cám cá ép viên nổi	kg			11	
<b>II</b>						
1	BTP sx Đạm sữa	kg				
<b>III</b>	<b>Máy đóng gói tự động</b>					
1	HN-Neopast 10g	Gói			5	
<b>IV</b>	<b>hệ thống máy sấy tầng sôi</b>					
1	Men hoạt hóa thô	kg			2	
<b>V</b>						
1	BTP Vitamin K3 10%	kg		50,400		
2	BTP Điện Giải Bcomplex	kg		402,150		

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Báo cáo hàng nhập kho theo tổ sản xuất





## BÁO CÁO HÀNG NHẬP KHO THEO TỔ SẢN XUẤT

Tổ sản xuất: Tất cả các tổ

Tổ trưởng:

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Tên sản phẩm	Đvt	Quy cách	Số lượng	Mức khoán	Lương khoán
<b>I</b>	<b>Không phân nhóm</b>					
1	Bao trắng	chiếc				
2	Bao trắng	chiếc				
3	Bao trắng	chiếc				
4	Nhãn Bio Premix tiêu chảy lỏng	Chiếc				
5	Nhãn Bio Balasa 1kg	chiếc				
6	Nhãn Bio Sorbitol C 1kg	chiếc				
7	Nhãn Bio Cocis - stop TD 100g	Chiếc				
8	Nhãn Amiulo 1kg	bộ				
9	Nhãn Đạm sữa 9.50g	Chiếc				
10	Nhãn úm gà vịt siêu tốc 50g	chiếc				
11	Nhãn úm siêu tốc 10g	chiếc				

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo hàng xuất bán theo Lô Sản xuất

## BÁO CÁO HÀNG XUẤT BÁN THEO LÔ SẢN XUẤT

Tổ sản xuất:

Tổ trưởng:

Mã sản phẩm:

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Tên đại lý	Quy cách	Số lượng xuất	Doanh số	Doanh thu
<b>I</b>	<b>Lô BTP gluco kc 52150616</b>				
1	Nguyễn Hai HB1		<b>100,000</b>		
	Glucos K - C 1kg		100,000		
<b>II</b>	<b>lô Vỏ béo nhanh 1kg 27270816</b>				
2	Nguyễn Hai HB1		<b>75,000</b>		
	Vỏ béo nhanh 1kg		75,000		
<b>III</b>	<b>Lô Vỏ béo nhanh 1kg 28290816</b>				
3	Nguyễn Hai HB1		<b>50,000</b>		
	Vỏ béo nhanh 1kg		50,000		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>225,000</b>		

 KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

 NGƯỜI LẬP BIỂU  
 (Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Và hệ thống báo cáo quản trị hàng tồn kho khác...

### Kết nối với các phân hệ khác

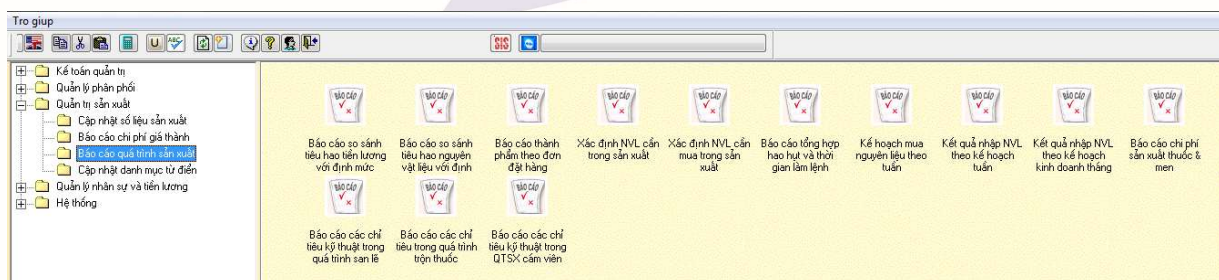
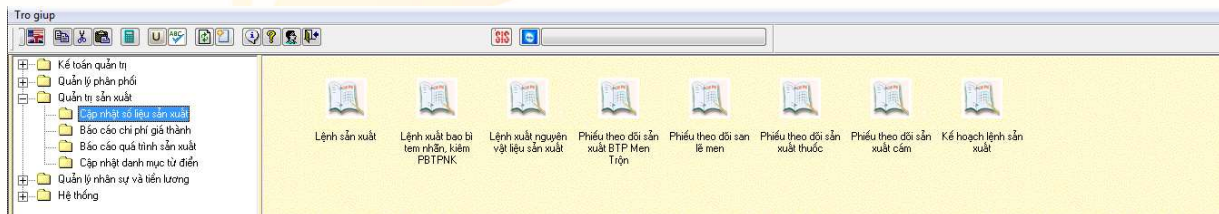
- Liên kết với các phân hệ mua hàng, bán hàng, kế toán tổng hợp, quản trị sản xuất...



## IV. QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

- Mô-đun Quản trị sản xuất phục vụ lập kế hoạch, theo dõi, phân tích, cập nhật thông tin quá trình sản xuất cám, thuốc thú y... của doanh nghiệp.
- Ở phân hệ này, cán bộ sản xuất cập nhật thông tin đầu vào như: Sản phẩm cần SX, Kế hoạch sản xuất, Định mức sản xuất, Lệnh sản xuất, Phiếu theo dõi sản xuất, ... phần mềm sẽ lên hệ thống báo cáo quản trị sản xuất, hệ thống báo cáo chi phí SX và giá thành sản phẩm.
- Hệ thống báo cáo quản trị sản xuất mang tính tổng hợp, chi tiết, phân tích đáp ứng theo dõi, điều hành sản xuất hiệu quả: Báo cáo xác định NVL cần cho sản xuất, Kế hoạch mua NVL theo tuần, Báo cáo nhập NVL mua theo tuần, Báo cáo tổng hợp hao hụt và thời gian làm lệnh SX, Kết quả nhập NVL theo kế hoạch kinh doanh, Báo cáo chi phí sản xuất thuốc – men, Báo cáo các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình sản lè, Báo cáo các chỉ tiêu trong quá trình trộn thuốc, Báo cáo các chỉ tiêu trong quá trình sản xuất cám viên, Báo cáo thành phẩm theo đơn đặt hàng, ...
- Hệ thống báo cáo chi phí SX, Giá thành sản phẩm: Thẻ giá thành, Bảng tiêu hao NVL cho sản phẩm, Báo cáo so sánh giá thành thực tế và định mức, Báo cáo tổng hợp giá thành sản phẩm, ...
- Phân hệ này thường được triển khai tại bộ phận: Sản xuất

### 1.6 Giao diện Mô-Đun



## 1.7 Chứng từ đầu vào

### ➤ Lệnh sản xuất

**Lệnh sản xuất**

Mã khách: ANH      Số lệnh sx: 1610045C  
 Địa chỉ: Tổ trưởng tổ cám      Ngày sx: 26/10/2016  
 Người nhận lệnh: Phí Ngọc ảnh      Ngày hoàn thành: 26/10/2016  
 Diễn giải: xuất kho ni, bb để sx Hỗn hợp viên G02 40kg      Số đh:   
 Mã kỳ: T102016      Tổ sản xuất: HN19      Tổ Cây Men Cám

Nhập theo giá TB cho VT tính giá TB      F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PX, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Vụ việc	Số mẻ	Số lượng	Ngày cân hàng	Mã nx	Số l
TPC001	Hỗn hợp G02 ép viên	kg	WTTP137	3,0000	1 002,000	26/10/2016	6213	

Trạng thái: 1      Lưu các số      1 002,000

Lưu    Mới    In chữ    Sửa    Xóa    Xem    Tìm    Copy    Quay ra

HAIDT      Tên hàng      DIEPNX-PC # diepnx      18/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

**Lệnh xuất bao bì tem nhãn, kiểm PBTBPK**

Mã khách: CHUNG      Bùi Thị Chung - tổ trưởng tổ hỗn hợp      Số lệnh sx: 16100331  
 Địa chỉ: Tổ trưởng tổ hỗn hợp      Ngày sx: 26/10/2016  
 Người nhận lệnh: Bùi Thị Chung      Ngày hoàn thành: 26/10/2016  
 Lý do xuất SX: xuất kho ni, bb để sx LBS - Vitamin 1kg  
 Tổ sản xuất: HN18      Tổ Hỗn Hợp      Quy cách đóng gói:   
 Mã lô sản xuất:     

Nhập theo giá TB cho VT tính giá TB      F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PX, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Vụ việc	SL SX theo lệnh	SL hỏng do SX	SL hỏng do NCC	SL do SP dự	SL thực xuất	SL TP nhập kt
BBDCM	Nhãn LBS - Vitamin 1kg	Chức	WTTP05	202,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
BBTHG	Thùng Cattoi chiếc	WTTP05		20,200	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
BBTTH	Túi nhóm 10l chiếc	WTTP05		202,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
BBTTP	Túi PP 10 x 1 chiếc	WTTP05		2 020,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
BTP01	BTP Men sỏi	kg	WTTP05	202,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000

Trạng thái: 1      Lưu các số      Số lượng dự định SX: 2 646,200

Lưu    Mới    In chữ    Sửa    Xóa    Xem    Tìm    Copy    Quay ra

HAIDT      Nhãn LBS - Vitamin 1kg      DIEPNX-PC # diepnx      18/11/2016

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)





**LỆNH XUẤT BAO BÌ TEM NHÃN, KIỂM PBTPNK**

 Số lệnh: 16100331  
 Ngày viết lệnh: 28/10/2016  
 Tổ: Tổ Hồn hợp

 Họ và tên người giao kho: Bùi  
 Lý do xuất SX: xuất kho ni, bổ để sx LBS - Vitamin 1kg  
 Số lô SX:  
 Quy cách đóng gói:  
 Số lượng dự định SX 2gói

STT	Tên bao bì	Đvt	Số xuất theo lệnh	Số xuất thêm do			Thực xuất	SLTP nhập kho	Theo dõi thời gian SX		Tổng	Ghi chú
				Hàng do SX	Hàng do nhà CC	Do SP dự			Chuẩn bị (B)	Sản là và hoàn thiện		
1	Nhãn LBS - Vitamin 1kg	Chức	202.000									
2	Thùng Carton 1kg	chức	20.200									
3	Vỏ nhôm 1000g	chức	202.000									
4	Vỏ PP 10 x 15	chức	2.020.000									
5	BTP liên sống chung	kg	202.000									

 NGƯỜI VIẾT LỆNH  
 (Ký, họ tên)

 KẾ TOÁN  
 (Ký, họ tên)

 THỦ KHO BB  
 (Ký, họ tên)

 THỦ KHO TP  
 (Ký, họ tên)

 Hải Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm .....  
 NGƯỜI GIAO  
 (Ký, họ tên)

 GIÁM ĐỐC  
 (Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

**Phiếu theo dõi sản xuất thuốc**

Lệnh số: 16060201 Ngày 17 tháng 6 Ngày 2016

Tên sản phẩm: HN - Univit C 1kg

SKS: 01180116

Quy cách: 1000g/gói

Số lượng dự định sản xuất 2 620,000

1. Theo dõi khâu pha trộn:

- Thời gian trộn: 7h45-8h15
- Kiểm tra điều kiện: nhiệt độ 26, độ ẩm 41, thời tiết Mát trời
- Người thực hiện: Thanh,Phấn
- Kiểm tra NL: Người xuất NL: Biền

- Người lấy NL: Trang,Thanh

Ghi chú:

Kiểm tra BTP: Khối lượng 202,500

- Độ ẩm: 7.41

Độ tan:

Người nhận BTP: Thanh

Ghi chú:

2. Theo dõi sản lễ - Hoàn thiện:

- Kiểm tra điều kiện: nhiệt độ, độ ẩm, thời tiết
- Chuẩn bị BB: Lấy BB

Đóng dấu nhãn:

Dán nhãn:

Chuẩn bị tem:

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

**Phiếu theo dõi SX cám**

Tên SP: Hồn hợp F80 ép viên ..... CT ngày: 18/05/2016

SKS: 02062016

KL SX theo lệnh: 02062016

Người thực hiện: Anh ảnh

Người kiểm tra: Hào KCS

Độ ẩm BTP trước ép viên: 11.4%

Thời gian ép viên: 60 phút

Nguyên liệu: cám mỳ ..... khô đầu .....

Độ ẩm cám viên: 11%

Khối lượng sau ép: viên 99.5kg ..... bột 2kg

Độ đậm (nếu có):

Màu: Vàng ..... Mùi: Thơm

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

➤ Các chứng từ đầu vào khác ...



### 1.8 Hệ thống báo cáo quản trị sản xuất

- Báo cáo các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình sản xuất cám viên

#### BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT CÁM VIÊN

Lọc theo tên sản phẩm: Ngô ép đùn

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/11/2016

STT	Ngày sản xuất	Lệnh sản xuất	Lô sản xuất	Công thức ngày	Người thực hiện	Người kiểm tra	Độ ẩm dạng bột	Thời gian ép	Nguyên liệu	Độ ẩm dạng viên	Khối lượng sau ép		Độ ẩm	Màu	Mùi	Ghi chú
											Dạng bột	Dạng viên				
/ /																

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo các chỉ tiêu trong quá trình trộn thuốc

#### BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TRONG QUÁ TRÌNH TRỘN THUỐC

Lọc theo tên sản phẩm: Nhân Tăng để trứng 100g

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/11/2016

Stt	Ngày sản xuất	Lệnh sản xuất	Lô sản xuất	Thời gian trộn	Điều kiện phòng trộn	Quá trình trộn (Đề theo dõi tên người/nhóm thực hiện các khâu sản lệ)								Ghi chú		
						Phân nguyên liệu				Phân BTP						
						Lấy NL	Người kiểm tra	Độ ẩm NL	Ghi chú	Người kiểm tra	Khối lượng	Độ ẩm	Độ tan		Người nhận BTP	Ghi chú
/ /											0,000					

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình sản lệ thuốc, men

#### BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH SẢN LỆ THUỐC, MEN

Lọc theo tên sản phẩm: Nhân HN- Plus C 1000g

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/11/2016

Stt	Ngày sản xuất	Lệnh sản xuất	Lô sản xuất	Lô BTP	Điều kiện phòng sản lệ	Quá trình trộn (Đề theo dõi tên người/nhóm thực hiện các khâu sản lệ)										Kiểm tra TP trước nhập kho	Ghi chú
						Chuẩn bị bao bì					Sản lệ hoàn thiện						
						Lấy BB	Đóng đầu	Dán nhãn	Chuẩn bị tem	Viết thùng bao	Cân	Hàn PP	Vào túi thiếc	Hàn túi thiếc	Vào PP		
/ /																	

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo kết quả nhập NVL theo kế hoạch KD



**KẾT QUẢ NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU THEO KẾ HOẠCH KINH DOANH THÁNG 08 NĂM 2016**

Stt	Tên NL/BB cần mua	Đvt	Tháng trước		Tháng này				Tháng tới		NCC
			Thực tế		Kế hoạch		Thực tế		Kế hoạch		
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	
<b>I</b>	<b>Bán thành phẩm</b>										
1	BTP Men Tăng trưởng	kg									
2	BTP men tiêu hóa giảm mùi	kg									
3	BTP Thức Tăng Trưởng	kg									
4	BTP Men thảo dược	kg									
5	BTP Vi men khoáng Chung	kg									
6	BTP Vô Béo Nhanh	kg									
7	BTP Men ủ vi sinh	kg									
<b>II</b>	<b>Nhân để Can</b>										
1	Nhân men giảm mùi 1kg	Chiếc									
2	Nhân men tăng trưởng 1kg	Chiếc									
3	Nhân vi men khoáng 400g	Chiếc									
4	Nhân Vô Béo Nhanh 1kg	chiếc									
<b>III</b>	<b>Nguyên liệu Mix</b>										

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Kế hoạch mua NVL theo tuần

**KẾ HOẠCH MUA NGUYÊN LIỆU THEO TUẦN**

Stt	Tên NL/BB cần mua	Đvt	SL tồn	SL để xuất mua	ĐG	TT theo KH	Ngày cần	SL thực tế nhập	TT thực tế	Ngày nhập thực tế	NCC
<b>I</b>	<b>Bao các loại</b>		2 769,000	1 407,200				9 936,000	46 123 660		
1	Bao trắng	chiếc		388,500				2 569,000	10 712 730	29/09/2016	
2	Bao giấy sọc xanh	chiếc		1,500							
3	Bao chung	chiếc	2 769,000	1 017,200				2 976,000	13 018 230	04/10/2016	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo tổng hợp hao hụt và thời gian sản xuất theo lệnh

**BÁO CÁO TỔNG HỢP HAO HỤT VÀ THỜI GIAN LÀM LỆNH**

Kho: Tất cả các kho  
Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 18/11/2016

Stt	Mặt hàng	Đvt	Số lượng		Chênh lệch		Giá trị hao hụt	Lô sản xuất	Tỷ lệ TB	Thời gian sản xuất	Số người làm	Thời gian sản xuất/SP/ Công nhân
			Dự kiến theo công thức	Thực tế	Số lượng	%						
<b>1</b>	<b>BTP Bio Balasa</b>		400,800	400,000	-0,800	99,80				40	20	0,00
	L1606018BO	kg	200,400	200,000	-0,400	99,80				40	10	0,02
	L1603004BO	kg	200,400	200,000	-0,400	99,80				10	10	
<b>2</b>	<b>BTP Bio Thức tăng trưởng</b>		500,600	500,000	-0,600	99,88				75	20	0,00
	L1606007BO	kg	200,000	200,000		100,00				30	10	0,01
	L1610024BO	kg	300,600	300,000	-0,600	99,80				45	10	0,01
<b>3</b>	<b>BTP Bio Hoà chất tinh</b>			38,040	38,040						12	
	L0401	kg		25,340	25,340						6	
	L	kg		12,700	12,700						6	
<b>4</b>	<b>BTP Neo. L1</b>			111,900	111,900						6	
	L	kg		111,900	111,900						6	
<b>5</b>	<b>BTP Bio Enzym Max</b>		616,290	678,200	61,910	110,04	6 082				77	
	L160709BO	kg	25,500	25,500		100,00					6	
	L1606014BO	kg	51,000	51,000		100,00					6	
	L	kg		30,600	30,600						6	

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo thành phẩm sản xuất theo đơn đặt hàng





## BÁO CÁO THÀNH PHẨM THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Từ ngày 01/08/2016 đến ngày 31/08/2016

Stt	Mã TP	Tên thành phẩm	Đvt	Số lượng
001	TPC007	Galaxy Max Money 1kg	Gói	5,00
002	TPC008	Galaxy Start 1kg	Gói	2,00
003	TPC023	Cám chim sinh học 500g	Gói	0,00
004	TPCB001	HN - Amiulo 1kg	gói	5,00
005	TPCB002	HN - Amiulo 500g	Gói	0,00
006	TPCB003	Đạm sữa 950g (Grown -milk)	gói	2,00
007	TPCB004	Điện giải AC - Bcomplex 100g	gói	0,00
008	TPCB005	Điện giải AC - Bcomplex 1kg	gói	0,00
009	TPCB007	HN-Hepa 1lit	Lọ	0,00
010	TPCB008	PIG-LAC 500g	Gói	5,00
011	TPCB009	Điện giải AC - Bcomplex 500g	gói	5,00
012	TPCB010	HN-Plus C 1Kg	Gói	0,00
013	TPCB011	HN - Univit C 1kg	gói	0,00
014	TPCB012	Tàng đế trứng 1kg	gói	0,00

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo so sánh tiêu hao NVL so với định mức sản xuất

### BÁO CÁO SO SÁNH TIÊU HAO NGUYÊN VẬT LIỆU VỚI ĐỊNH MỨC

Kỳ tính giá: T82016/ (Từ ngày 0/0 đến 0/0 Năm 2016)

Stt	Sản phẩm vt	Tên sản phẩm vt	Số lượng sản xuất	Số lượng nhập kho	Số lượng DDCK	(%) DDCK	Đvt	PS trong kỳ	Số lượng PS	Sl đm	Giá thành SX	Giá thành đơn vị
Cộng:												

Đã ghi số cái ngày ... tháng ... năm ...

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Báo cáo tổng hợp giá thành sản phẩm

Mẫu số: S23 - SKT / DNN

Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

### BÁO CÁO TỔNG HỢP GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tháng 11 năm 2016

Stt	Mặt hàng	Quy cách	CPNVL trực tiếp		CP hao hụt		CP lượng NC trực tiếp	CP khấu hao máy móc	CP NC + vật tư quản chung SX	SL thành phẩm NK	Tổng CP giá thành	Giá thành đơn vị sản phẩm
			CPNVL ĐM	CPBB ĐM	CP hao hụt	CP hỏng xuất bổ sung						
I	<b>Bán thành phẩm</b>											
1	BTP Biotin tăng trưởng											
2	BTP ex Đạm sữa											
3	BTP Amiulo											
4	BTP HcPa											
5	BTP Vitamin K3 10%											
6	BTP Canxi Vitamin D3											
7	BTP Colamin B12											
8	BTP LBS NNO1											
9	BTP Bột lên men chuong											
10	BTP Bokashi bột											

(Số liệu Demo mang tính chất tham khảo)

- Và hệ thống báo cáo khác...



## V. QUẢN TRỊ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

- Phần mềm hỗ trợ quản trị nhân sự một cách toàn diện, phân tích nhân sự nhiều chiều, đánh giá nhân sự khoa học, hiệu quả...
- Phần mềm cho phép quản lý đánh giá nhân sự theo chỉ số KPI
- Phần mềm cho phép tính lương theo nhiều phương pháp hoặc kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. Bên cạnh đó có thể tính lương và các khoản khác theo từng bộ phận phòng ban: Kinh doanh, Khối văn phòng, Khối sản xuất, Khối bảo vệ...
- Phần tính lương có thể sử dụng theo thời gian, theo sản phẩm, theo KPI, ...

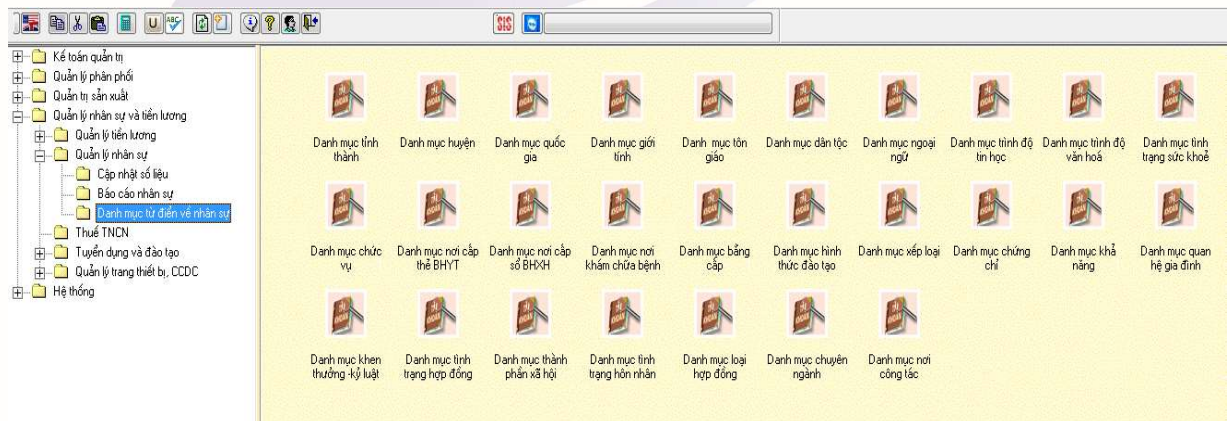
SIS ERP 8.0.F&V được thiết kế không chỉ để đáp ứng yêu cầu về quản lý nhân sự trên phương diện ghi nhận và phản ánh mà còn cung cấp các báo cáo quản trị phục vụ việc phân tích điều hành của các cấp lãnh đạo trong công ty

- ✓ Những báo cáo quản trị sâu sắc, chính xác giúp Chủ doanh nghiệp; các cấp lãnh đạo; mà đặc biệt là các cán bộ quản lý nhân sự trút bớt gánh nặng về quản lý điều hành.
- ✓ Những thông tin về tuyển dụng; nhân sự; tiền lương; đặc điểm nhân sự; giờ giấc, ca kíp làm việc... trở nên đơn giản, dễ kiểm soát.
- ✓ Tra cứu, tìm kiếm nhanh, hỗ trợ ra quyết định tức thời.


Quản lý nhân sự tiền lương được phân tích, thiết kế và lập trình trên cơ sở SIS Việt Nam đã làm, gộp và tích lũy được nhiều tri thức về Quản lý tuyển dụng, Quản lý nhân sự, Quản lý cấp phát trang thiết bị cho công nhân viên, ... từ các doanh nghiệp đã và đang hoạt động trong các ngành nghề khác nhau. Các mẫu biểu, sổ sách của SIS ERP 8.0.F&V đưa ra phù hợp với quy định của Luật lao động Việt Nam. Dựa vào khả năng dễ dàng thay đổi và hiệu chỉnh mẫu biểu, trong tình huống Luật lao động Việt Nam hoặc yêu cầu về báo cáo quản trị của Doanh nghiệp thay đổi, các mẫu biểu và báo cáo của SIS ERP 8.0.F&V có thể được người dùng hoặc nhân viên của SIS Việt Nam hỗ trợ thay đổi và hiệu chỉnh nhanh chóng.

Với mô-đun này, người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo phản ánh, thông tin quản trị, thông tin về phân tích sự thay đổi, báo cáo kế hoạch dự phòng, ...

### 1. Giao diện mô-đun







- Hợp đồng lao động
- Phụ lục hợp đồng lao động
- Hợp đồng học việc
- Danh sách định kêm hợp đồng học việc
- Cập nhật quá trình công tác bản thân
- Cập nhật quá trình bảng cấp nhân viên
- Cập nhật thông tin nhân viên
- Thuyên chuyển, điều chuyển
- Cập nhật nhân viên nghỉ việc
- Cập nhật thành phần gia đình cho nhân viên
- Cập nhật thông tin thường trú
- Cập nhật quá trình đi công tác cá nhân
- 1. Cập nhật theo dõi cam kết của nhân viên
- 2. Cập nhật chỉ tiêu đánh giá KPI theo chức vụ
- 3. Cập nhật kế hoạch nhân sự
- 4. Cập nhật chỉ số KPI cho nhân viên



- Thông tin nhân viên đang làm việc
- Sơ yếu lý lịch
- Báo cáo số lượng cán bộ, nhân viên theo bộ phận
- Báo cáo theo các độ tuổi của toàn công ty
- Tra cứu theo loại hợp đồng tuyển dụng
- Tra cứu theo thời gian công tác
- Tra cứu theo chức vụ
- Tra cứu theo giới tính
- Tra cứu thông tin về gia đình
- BC theo dõi nhân viên nghỉ việc
- Theo dõi nghỉ thai sản
- Báo cáo thường phạt
- Báo cáo quá trình đi công tác cá nhân
- Báo cáo quá trình làm việc nhân viên
- Báo cáo quá trình bảng cấp nhân viên
- 1. Danh bạ điện thoại NB, IP, máy tính, email, nhân
- 2. Danh sách cán bộ - nhân viên Cty Hải Nguyên theo
- 3. Danh sách cán bộ - nhân viên Cty Hải Nguyên
- 4. Bảng theo dõi cam kết của nhân viên và quản lý
- 5. Danh sách cán bộ công nhân viên xin đóng BHXH
- 6. Bảng tổng hợp KPI các bộ phận trong Năm
- 7. Báo cáo kết quả phân loại nhân sự theo năm
- 8. Báo cáo kế hoạch nhân sự theo năm



- Cập nhật nghỉ phép đầu năm
- Chuyển nghỉ phép sang năm sau
- Cập nhật ngày công chuẩn của tháng
- Danh mục sản phẩm sản xuất
- Nhập kho thành phẩm cho tổ sản xuất
- Cập nhật ngày nghỉ và lý do
- Khai báo lịch nghỉ trong năm
- Cập nhật định mức nghỉ theo năm
- Cập nhật Phụ cấp nhân viên
- Cập nhật tham số cho tính lương
- Cập nhật các khoản không phát sinh thường xuyên
- Cập nhật DT khoán theo chức vụ
- Cập nhật quá trình lương nhân viên
- Cập nhật tiền thưởng cho nhân viên
- Khai báo ca làm việc nhân viên
- Cập nhật giờ làm
- Đăng ký làm thêm
- Tính ngày công
- Tính lương
- Cập nhật định mức thưởng DT cho nhân viên
- Cập nhật định mức DT nhân viên theo chức vụ
- Cập nhật công-xếp loại nhân viên thủ việc
- Tính tiền phải nộp BHXH, BHYT, BHTN



- Báo cáo tổng hợp liên tháng
- Báo cáo tình hình nghỉ phép từ đầu năm
- Bảng chấm công ngày thường
- 3-9. Báo cáo thời gian vào ra chi tiết
- Bảng theo dõi đi muộn, về sớm
- Báo cáo nhân viên đi làm trong ngày
- Báo cáo số năm đóng BHXH
- Danh sách sinh nhật
- Bảng chấm công làm thêm
- Báo cáo thời gian vào ra chi tiết cho 1 nhân viên
- Báo cáo tình hình làm thêm
- Báo cáo phân ca nhân viên
- Bảng thanh toán tiền lương cơ bản (khối văn)
- Bảng thanh toán tiền lương trách nhiệm (LVP)
- Bảng thanh toán tiền LCB - trách nhiệm (LBV)
- Bảng thanh toán tiền lương cơ bản (LSX)
- Bảng thanh toán tiền lương sản xuất
- Bảng thanh toán tiền lương cơ bản BHXH(LKD)
- Bảng thanh toán tiền LDT - trách nhiệm
- Bảng tổng hợp sản lượng nhập kho thành phẩm
- Tổng kết tiền phải nộp BHXH, BHYT, BHTN toàn
- Tổng hợp ngày công nhân viên thủ việc







## 2. Các phân hệ chi tiết trong quản trị nhân sự-tiền lương

### 1. Quản lý tuyển dụng và Đào tạo

#### Khai báo/đầu vào

- Cập nhật nhu cầu tuyển dụng
- Cập nhật danh sách ứng viên
- Cập nhật Danh sách lớp đào tạo
- Cập nhật điểm kết quả đào tạo

#### Thông tin đầu ra

- Danh sách ứng viên
- Báo cáo kết quả tuyển dụng
- Danh sách lớp đào tạo
- Danh sách học viên theo lớp
- Kế hoạch tuyển nhân sự và đào tạo
- ...

**SAS Sửa Nhân viên**

Mã nhân viên: NV01  
 Tên nhân viên: Dương Văn Thắng  
 Tên nhân viên 2: DVT  
 Giới tính: 1 - 0 - NĐ, 1 - Nam  
 Ngày sinh: 03/09/1984  
 Nơi sinh: TT03 - Thanh Hóa  
 Dân tộc: 01 - Kinh  
 Tên giáo: TG01 - Không  
 Quốc tịch: QG01 - Việt Nam  
 Ngày vào: 01/09/2007  
 Ngày ra: 17/09/2007  
 Đường dẫn ảnh: \\Server02\sas\_erp\01.ProjectSourceSafe\03.NhanSuTienLuong\im  
 Nguyên quán: Thiệu hoả - Tỉnh thành TT03 - Thanh Hóa  
 Hộ khẩu thường trú: Thiệu hoả - Tỉnh thành TT03 - Thanh Hóa  
 Chỗ ở hiện tại: SNhxyz Tô 17 TTCầu Diễn -Tũ liêm -Hà nội  
 Ngày vào Đoàn: 02/03/2001 - Nơi kết nạp Đoàn: THPT Đinh Tiên hoàng  
 Ngày vào Đảng: / / - Nơi kết nạp Đảng:  
 Điện thoại: 0977200363  
 Email: thang49cb@gmail.com  
 Tình trạng hôn nhân: 0 - Chưa lập gia đình, 1 - Đã lập gia đình, 2 - Trường hợp khác  
 Trình độ: TD01 - Đại học  
 Bộ phận: BP04 - Lập trình dự án  
 Chức vụ: CV02 - Trợ lý giám đốc  
 Diển giải: OK  
 Trang thái: 1 - 0 - Không, 1 - Còn sử dụng

Lưu Hủy

Công ty CP SIS Việt Nam  
 17/183 Đặng tiên đông, Hà Nội  
 Dữ liệu kết xuất từ phần mềm SAS INNOVA 8.0 HRM

### BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Tính đến ngày ...

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Ngày bắt đầu đào tạo	Ngày kết thúc đào tạo	Nội dung	Kết quả	Điểm
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Người lập biểu  
 (Ghi rõ họ tên)



## 2. Quản lý Nhân sự

### Khai báo/đầu vào

- Danh mục địa lý: Quốc gia/Tỉnh
- Danh mục học vấn, trình độ
- Danh mục thông tin gia đình
- Danh mục chức vụ, chính sách
- Danh mục khen thưởng/kỷ luật
- Danh mục loại hợp đồng lao động
- Khai báo quá trình đào tạo của NV
- Khai báo quá trình chuyển
- Khai báo quá trình thay đổi lương
- Sơ yếu lý lịch
- ...

### Thông tin đầu ra

- Hồ sơ nhân viên
- Báo cáo nhân sự theo bộ phận
- Báo cáo nhân sự theo loại hợp đồng
- Báo cáo cán bộ hưởng chế độ, chính sách
- Báo cáo cán bộ sinh nhật trong tháng
- Báo cáo theo các độ tuổi của cán bộ
- Báo cáo phân tích/quản trị về nhân sự
- Báo cáo theo trình độ chuyên môn
- Báo cáo theo giới tính
- Báo cáo theo chức vụ
- Báo cáo nhân viên nghỉ việc/về hưu
- Báo cáo theo thâm niên công tác
- Báo cáo khen thưởng/kỷ luật
- Báo cáo nhân viên làm việc độc hại
- Báo cáo tổng hợp KPI các bộ phận
- Báo cáo kết quả phân loại nhân sự
- Kế hoạch nhân sự năm

### HỒ SƠ NHÂN VIÊN

Ngày      tháng      năm

Mã nhân viên:	NV01
Họ và tên:	Nguyen Thi Thu Hoai
Tên phòng:	Phòng kỹ thuật
Chức vụ:	nhân viên
Địa chỉ:	Dan Phuong
ĐTNR:	0982136931
Quốc tịch:	Viet Nam
Ngày sinh:	29/06/1986
Ngày đi làm:	02/03/2008
Số ngày nghỉ phép:	30,0
Số ngày nghỉ ốm:	2,0
Lương cơ bản:	
Ghi chú:	

CÔNG TY CỔ PHẦN SIS VIỆT NAM

### BÁO CÁO SỐ LƯỢNG THEO LOẠI HỢP ĐỒNG

Ngày: 11/05/2011

STT	Mã NV	Tên nhân viên	Ngày sinh	GT	Mã đơn vị	Phòng ban
1	NV00	Luong Xuan Vinh	NULL	Nam	CTY	Phòng giám đốc
2	NV02	Chu Thi Hinh	24/01/1986	Nu	CTY	Phòng hành chính
3	NV04	Pham Trong Chieu	20/01/1980	Nam	CTY	Phòng hành chính
4	NV03	Nguyen Thi Thanh Thuy	15/12/1986	Nu	CTY	Phòng kỹ thuật
<b>hợp đồng ngắn hạn</b>						
1	NV01	Nguyen Thi Thu Hoai	08/01/1986	Nu	CTY	Phòng kỹ thuật

 Công ty CP SIS Việt Nam  
 17/183 Đặng Tiểu Đông, Hà Nội  
 Dữ liệu kết xuất từ phần mềm SAS INNOVA 8.0 HRM

### BÁO CÁO PHÂN TÍCH NHÂN SỰ THEO NHIỀU CHỈ TIÊU

Đến ngày ... tháng ... năm ...

STT	Phòng ban	Chức vụ	Trình độ	Giới tính	Thâm niên	Loại hợp đồng	Quê quán
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							

 Người lập biểu  
 (Ghi rõ họ tên)

 Thủ trưởng đơn vị  
 (Ký tên và đóng dấu)


- Danh sách nhân viên kinh doanh ký HĐLĐ
- ...

### 3. Quản lý Trang thiết bị & CCDC

#### **Khai báo/đầu vào**

- Danh mục công cụ dụng cụ
- Giao, phát CCDC cho cán bộ
- Điều chỉnh CCDC cho cán bộ

#### **Thông tin đầu ra**

- Bảng theo dõi trang thiết bị cho nhân viên
- Báo cáo chi tiết công cụ dụng cụ
- Báo cáo tăng giảm công cụ dụng cụ
- Bảng tính khấu hao
- Bảng phân bổ khấu hao

Danh mục trang thiết bị cho nhân viên. F3-Sua, F4-Them, F8-Xoa, F7 - In, Esc - Quay ra

Ma_nv	Ten_nv	Ma_ts	Ten_ts	So_luong	Ngay_ct1	Ngay_ct2	Ghi_chu
NV01	Nguyen Thi Thu Hoai	MH	desktop	1,00	01/02/2011	20/03/2011	test trang thiết bị nh
NV02	Chu Thi Hanh	MH	desktop	1,00	02/01/2011	20/03/2011	test trang thiết bị nh
NV03							thiết bị nh
NV03							thiết bị nh
NV03							thiết bị nh
NV04							thiết bị nh

**Sua khai báo trang thiết bị nhân viên**

Từ ngày: 02/01/2011  
 Đến ngày: 20/03/2011  
 Nhân viên: NV02 Chu Thi Hanh  
 Công cụ: MH desktop  
 Số lượng: 1,000  
 Tình trạng: Dung tốt, chưa tung sửa chữa

Nhận    Hủy bỏ

Công ty CP SIS Việt Nam  
 17/188 Đặng Thị Đàng, Hà Nội  
 Địa liêu kết xuất từ phần mềm SAS INNOVA 8.0 HRM

**BẢNG THEO DÕI TRANG THIẾT BỊ CHO NHÂN VIÊN**  
 Từ ngày... đến ngày...

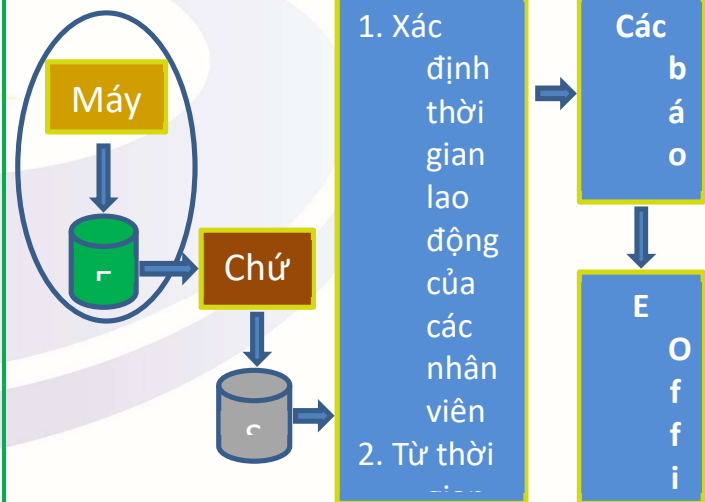
STT	Mã	Họ và tên	Bộ phận	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày bàn giao	Số lượng	Nguyên giá	Khấu hao
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									

Người lập biểu  
 (Ghi rõ họ tên)

### 4. Quản lý Công & Tính lương

#### **Khai báo**

- Bảng chấm công/File chấm công/Máy chấm công
- Danh mục khoản lương
- Danh mục phòng ban
- Danh mục nhân viên
- Cập nhật hệ số lương cho sản phẩm
- Danh mục ca
- Khai báo lịch nghỉ trong năm
- Danh mục lý do nghỉ
- Danh mục giảm trừ gia cảnh
- Khai báo lương cơ bản
- Cập nhật ngày công của tháng
- ...







- 
- Tờ khai thuế TNCN
- Tờ khai quyết toán Thuế TNCN
- Bảng kê thuế TNCN
- ...

**Công ty CP SIS Việt Nam**  
17/183 Đặng tiên đông, Hà Nội  
Địa liêu kết xuất từ phần mềm SAS INNOVA 8.0 HRM

Ngày nhận tờ khai  
.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP THƯỜNG XUYÊN CỦA MỖI CÁ NHÂN**  
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập)  
Tháng...năm ...

[01] Mã số thuế của cơ quan chi trả:  
[02] Tên cơ quan chi trả thu nhập:  
[03] Địa chỉ trụ sở:  
[04] Điện thoại liên lạc: [05] Số fax:  
[06] Số hiệu tài khoản của cơ quan chi trả tại ngân hàng:

**A: PHÂN TÍCH HỢP**

STT	CHỈ TIÊU	NGƯỜI	SỐ TIỀN
1	Tổng số lao động trong tháng		
	Trong đó: Người Việt Nam		
	Người nước ngoài		
2	Tổng số người thuộc diện chịu thuế		
	Trong đó: Người Việt Nam		
	Người nước ngoài		
3	Tổng số tiền chi trả cho các cá nhân thuộc diện chịu thuế		



### 3. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

#### 1. Quản trị Công nợ phải thu (SIS AR)

Phân hệ kế toán công nợ phải thu của SIS ERP 8.0.F&V góp phần quản lý dòng tiền tệ hiệu quả hơn và thúc đẩy việc thu tiền nhanh chóng hơn. Giao diện thân thiện với người dùng và hàng loạt các tính năng khác cho phép xử lý các hoá đơn, thu tiền và các giao dịch khác một cách dễ dàng.

Tra cứu xác định những khoản công nợ đến hạn, quá hạn và những khách hàng đã quá hạn mức tín dụng.

Phân hệ này kết nối đầy đủ với các phân hệ SIS ERP 8.0.F&V khác và phù hợp với các tiêu và nguyên tắc kế toán. Các tiện ích và tính năng của phân hệ này sẽ được kết nối với phân hệ Quản lý bán hàng của SIS ERP 8.0.F&V.

Phân hệ kế toán công nợ phải thu có các menu chính sau: Cập nhật hóa đơn, chứng từ công nợ phải thu; Phân bổ tiền thu về cho các hóa đơn; Tính chênh lệch tỷ giá cuối kỳ cho các hóa đơn; Báo cáo công nợ chi tiết theo hóa đơn, báo cáo công nợ chi tiết theo khách hàng.

#### Quản lý thông tin khách hàng

- Cung cấp thông tin về tình trạng hiện thời của khách hàng và bằng kỹ thuật drill-down truy ngược tới giao dịch gốc
- Lưu trữ các thông tin quan trọng về khách hàng như địa chỉ, số điện thoại, số fax, người liên hệ, vùng, điều khoản tín dụng, hạn mức tín dụng và phân loại tín dụng
- Theo dõi trạng thái khách hàng tạm dừng giao dịch
- Khai báo hạn mức tín dụng của khách hàng

**BẢNG KẾ HOÁ ĐƠN THEO HẠN THANH TOÁN**

Ngày: 01/01/2011

Chứng từ		Số tiền phải thu	Số tiền đã thu	Còn phải thu	Hạn TT	Trong hạn TT	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày
Ngày	Số HD								
<b>Anh Ha - AHTN01</b>									
14/11	17	30 264 000		30 264 000				30 264 000	
26/11	37	21 146 000		21 146 000				21 146 000	
29/12	134	34 338 000		34 338 000			34 338 000		
				<b>83 748 000</b>			<b>34 338 000</b>		
<b>Anh Khoa - NMAK01</b>									
21/12	96	15 430 000		15 430 000			15 430 000		
27/12	118	52 074 000		52 074 000			52 074 000		
				<b>67 504 000</b>			<b>67 504 000</b>		
<b>Anh Quang - NMAQ01</b>									
01/12	30	42 951 600		42 951 600				42 951 600	
08/12	62	103 332 000		103 332 000			103 332 000		

#### Quản lý hoá đơn

- Đọc các hóa đơn được nhập từ phân hệ bán hàng để hạch toán
- Cho phép nhập trực tiếp các hóa đơn
- Tự động tính thuế GTGT
- Theo dõi thời hạn thanh toán của hóa đơn
- Tự động tạo các bút toán sổ cái
- Cho phép kiểm soát dấu vết khi kết chuyển/cập nhật giao dịch
- Ngăn chặn việc cập nhập trùng số hóa đơn.

#### Các bút toán ghi nợ/ghi có công nợ

- Thực hiện điều chỉnh công nợ phải thu, nợ được xóa... thông qua các bút toán ghi nợ/ghi có
- In chứng từ cho các bút toán ghi nợ/ghi có





## Quản lý thu tiền hàng

- Chứng từ thu tiền bán hàng được cập nhật tại phân hệ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng thậm chí tự động từ phân hệ bán hàng nếu thu tiền mặt KH đó
- Việc phân bổ cho các hóa đơn bán hàng số tiền thu từ khách hàng có thể thực hiện ở phân hệ kế toán vốn bằng tiền hoặc kế toán công nợ phải thu.
- Việc phân bổ tiền hàng cho các hóa đơn có thể thực hiện trực tiếp cho từng hóa đơn hoặc tự động theo các tiêu thức lựa chọn: xuất trước – thu trước, đến hạn trước – thu trước...
- Cho phép phân bổ tiền nhận thanh toán là các khoản nhận trước hoặc nhận sau
- Tính lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán liên quan đến ngoại tệ
- Đánh giá lại công nợ ngoại tệ phải thu cho từng khách hàng, từng hóa đơn

**BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH CÔNG NỢ**

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng  
Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Stt	Mã khách	Tên khách	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Được đầu kỳ	Được cuối kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Được cuối kỳ	Được cuối kỳ
1	DNTPT	Cty CP SX và phân	466 078 000		3 063 646 000	414 747 300		3 115 377 300
2	DTPH	ĐM Thi Phuong			23 000 000	23 000 000		
3	HIDAT	Anh Thịnh		9 900	838 320 000	838 310 000		
4	HIPACO	Anh Chuyet	1 600		348 171 000	349 033 600		861 000
5	HITLO	HươngThi Lan Kieu			15 891 000	15 891 000		
6	HUYCLO	Co Loan	30 084 800		433 410 000	463 419 100		41 075 700
7	HVKCLD	Khanh Jif			81 189 014	81 188 840		174
8	HVNKO	Chi Nga			920 000	920 000		
9	HVPCAD	Cty TNHH Thái J	4 880 000		12 092 000			16 912 000
10	HVMAK	Anh Kien		1 000 000	400 630 000	401 645 000		5 000
11	HVMAQ	Anh Quang		2 800 000	181 487 000	178 687 000		
12	HVMTT	Nguyễn Bà Tâm		200	209 775 000	209 774 800		
13	HVMTT	Thanh Thủy			141 265 000	141 265 000		
14	HVMCD	Chi Dung			60 770 000	60 231 300		17 461 300
15	HVMCK	Chi Khanh	482 434 000		1 063 655 000	1 430 563 400		53 543 800
16	HVMCM	Chi Minh			40 522 300	40 522 300		2 300
17	HVMCTD	Mai Huyền Phúc	15 600 000		144 400 000	180 000 000		

## Hệ thống cảnh báo công nợ phải thu

- Cho phép khai báo các cảnh báo về công nợ phải thu
- Cảnh báo hạn mức công nợ của mỗi khách hàng khi giao dịch hoặc trong báo cáo
- Cảnh báo công nợ quá hạn cho phép xuất hàng tiếp hay dừng...

## Báo cáo

- Bản phân tích tuổi nợ các khoản phải thu
- Báo cáo các khoản nợ quá hạn
- Báo cáo các khách hàng vượt hạn mức tín dụng
- Sổ chi tiết công nợ của khách hàng
- Báo cáo tổng hợp công nợ phải thu
- Báo cáo công nợ phải thu theo hợp đồng, đơn hàng...

**SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ**

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng  
Khách hàng: Anh Chuyet (HIPACO)  
Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Số dư nợ đầu kỳ: 1 600

Chứng từ	Đến ghi	Tên đơn	Tk nợ	Tk có	Số lượng	Đơn	Tiền
0301PT	1347Thu tiền bán hàng		1111		30 000 000		
0301HĐ	139Khai hóa cho khách		5112	37 640 000			
0301HĐ	139Khai hóa cho khách		521	1 730 400			
0301HĐ	139TRUCKD1 - Bình Khang Tây				100,00	1 350 000,000	34 950 000
0301HĐ	139TRUCKD1 - Bình Khang Tây				60,00	2 350 000,000	14 100 000
0301HĐ	139TRUCKD2 - Bình Giang Sơn Tây				30,00	2 350 000,000	10 350 000
0301HĐ	139TRUCKD2 - Bình Giang Sơn Tây				30,00	2 350 000,000	10 350 000
0301HĐ	139TRUCKD1 - Bình Khang Tây				30,00	2 040 000,000	6 120 000
1001PT	1467Thu tiền bán hàng		1111		65 315 000		
1001HĐ	188Khai hóa cho khách		5111	7 300 000			
1001HĐ	188Khai hóa cho khách		5112	36 300 000			
1001HĐ	188Khai hóa cho khách		521	1 836 000			
1001HĐ	188TRUCK1 - Sao Olan				20,00	3 350 000,000	7 100 000
1001HĐ	188TRUCKD1 - Bình Giang Sơn Tây				60,00	2 350 000,000	14 100 000
1001HĐ	188TRUCKD1 - Bình Giang Sơn Tây				200,00	2 000 000,000	40 000 000

## Kết nối với các phân hệ khác

- Tự động nhận các hoá đơn, các bút toán ghi nợ, ghi có từ phân hệ Quản lý bán hàng
- Cung cấp các thông tin về hạn mức tín dụng và các khoản nợ quá hạn sang phân hệ Quản lý bán hàng để tạm dừng cho phép tín dụng
- Tự động chuyển số liệu hạch toán vào sổ cái hoặc chuyển số liệu hạch toán sang phân hệ kế toán tổng hợp để duyệt chuyển vào sổ cái.



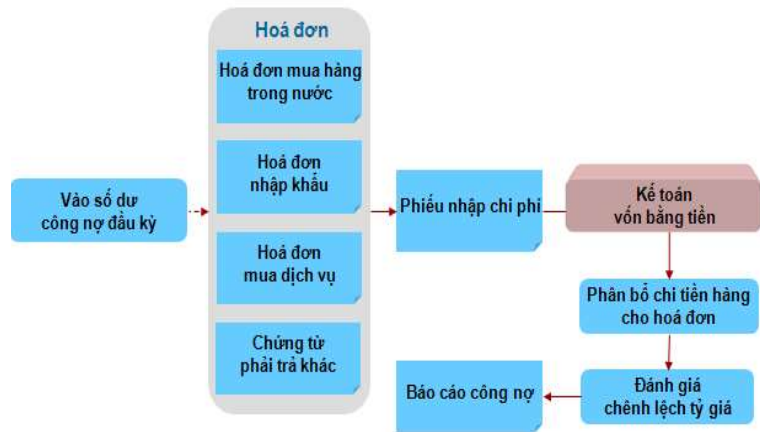
## 2. Quản trị Công nợ phải trả (SIS AP)

Phân hệ kế toán công nợ phải trả quản lý một cách có hiệu quả các khoản phải trả nhà cung cấp và các khoản chi trả. Giao diện thân thiện với người dùng và các tính năng tự động giúp xử lý các giao dịch một cách dễ dàng.

Các tính năng tra cứu và lập báo cáo giúp truy nhập nhanh chóng đến các thông tin liên quan đến khoản phải trả cũng như các tham khảo về các phương án thanh toán để tiết kiệm chi phí.

Phân hệ này kết nối với tất cả các phân hệ khác của SIS ERP 8.0.F&V và phù hợp với các tiêu chuẩn và nguyên tắc kế toán chung. Các tiện ích và tính năng của phân hệ này sẽ được khai thác tối đa khi nó được kết nối với phân hệ Quản lý mua hàng của SIS ERP 8.0.F&V

Phân hệ kế toán công nợ phải trả có các menu chính sau: Cập nhật hóa đơn mua hàng, chứng từ công nợ phải trả; Phân bổ tiền thanh toán cho các hóa đơn; Tính chênh lệch tỷ giá cuối kỳ cho các hóa đơn; Báo cáo công nợ chi tiết theo hóa đơn, báo cáo công nợ chi tiết theo nhà cung cấp.



### Thông tin về nhà cung cấp

- Cung cấp thông tin về tình trạng công nợ phải trả với nhà cung và bằng kỹ thuật drill-down truy ngược tới giao dịch gốc
- Lưu trữ các thông tin liên hệ quan trọng về nhà cung cấp như địa chỉ, số điện thoại, số fax, người liên hệ, phân loại, mã số thuế
- Cho phép khai báo điều kiện tín dụng, hạn mức tín dụng và ngày hết hạn

### Quản lý hóa đơn mua hàng

- Cho phép theo 3 cách kiểm tra số liệu trên hoá đơn của nhà cung cấp, phiếu nhập kho, báo cáo nhận hàng và đơn mua hàng trước khi lập chứng từ phải trả
- Tự động tính thuế GTGT
- Theo dõi thời hạn thanh toán của hóa đơn
- Tự động tạo các bút toán sổ cái
- Cho phép kiểm soát dấu vết khi kết chuyển/cập nhật giao dịch

### Các bút toán ghi nợ/ghi có và các giao dịch liên quan

- Điều chỉnh công nợ phải trả thông qua các bút toán ghi nợ/ghi có

#### B.KẾ CHI TIẾT TRẢ TIỀN CHO CÁC HOÁ ĐƠN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền phải trả	Số tiền đã trả
Ngày	Số			
<b>Cty CP Ford Thăng Long - NETL01</b>				
28/02/2011	PKT_0092689	Mua ô tô con 7 chỗ Ford - Everest	814.320.000	
		Cộng hoá đơn:	814.320.000	
			814.320.000	
		Cộng khách hàng:	814.320.000	
			814.320.000	
<b>Cty TNHH giày và bao bì Lam Việt An - NBLVA01</b>				
17/01/2011	PKT_0000055	Tiền thuê GTGT	1.359.800	
		Cộng hoá đơn:	1.359.800	
			1.359.800	
18/01/2011	PKT_0000061	Tiền thuê GTGT	1.364.220	
		Cộng hoá đơn:	1.364.220	
			1.364.220	
23/03/2011	PKT_0000606	Tiền thuê GTGT	1.799.920	
		Cộng hoá đơn:	1.799.920	
			1.799.920	



- In các chứng từ ghi nợ/ghi có
- Cập nhật các chứng từ thanh toán tạm ứng

### Quản lý thanh toán

- Chứng từ thanh toán cho nhà cung cấp được cập nhật tại phân hệ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hoặc quản lý mua hàng đối với mua hàng thanh toán ngay
- Việc phân bổ cho các hóa đơn bán hàng số tiền thanh toán cho nhà cung cấp có thể thực hiện ở phân hệ kế toán vốn bằng tiền hoặc kế toán công nợ phải trả.
- Việc phân bổ tiền thanh toán cho các hóa đơn có thể thực hiện trực tiếp cho từng hóa đơn hoặc tự động theo các tiêu thức lựa chọn: nhận trước – trả trước, đến hạn trước – trả trước...
- Cho phép phân bổ tiền thanh toán là các khoản trả trước hoặc trả sau
- Tính lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán liên quan đến ngoại tệ
- Đánh giá lại công nợ ngoại tệ phải thu cho từng nhà cung cấp, từng hóa đơn
- Quản lý thanh toán tạm ứng trong nội bộ công ty: Số tiền tạm ứng, thời hạn hoàn ứng, đã hoàn ứng và còn phải hoàn ứng...

#### B.KÊ CHI TIẾT TRẢ TIỀN CHO CÁC HOÁ ĐƠN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền phải trả	Số tiền đã trả
Ngày	Số			
<b>Cty CP Ford Thăng Long - NBTL01</b>				
28/02	PKT 0092689	Mua ô tô con 7 chỗ Ford - Everest	814 320 000	
<i>Cộng hóa đơn:</i>			814 320 000	
<i>Cộng khách hàng:</i>			814 320 000	814 320 000
<b>Cty TNHH giấy và bao bì Lam Việt An - NBLVA01</b>				
17/01	PKT 0000055	Tiền thuê GTGT	1 359 800	
<i>Cộng hóa đơn:</i>			1 359 800	1 359 800
18/01	PKT 0000061	Tiền thuê GTGT	1 364 220	
<i>Cộng hóa đơn:</i>			1 364 220	1 364 220
23/05	PKT 0000606	Tiền thuê GTGT	1 799 920	
<i>Cộng hóa đơn:</i>			1 799 920	1 799 920

### Hệ thống cảnh báo công nợ phải trả

- Cho phép khai báo các cảnh báo về công nợ phải trả
- Cảnh báo hạn mức công nợ của mỗi nhà cung cấp khi giao dịch hoặc trong báo cáo
- Cảnh báo công nợ phải trả quá hạn...

### Báo cáo

- Bản phân tích tuổi nợ các khoản phải trả
- Sổ chi tiết công nợ với nhà cung cấp
- Báo cáo tổng hợp công nợ phải trả
- Báo cáo công nợ phải trả theo từng đơn hàng, hợp đồng...

#### BẢNG KÊ CÔNG NỢ THEO HÓA ĐƠN

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Phải trả	Đã trả	Còn phải trả	Hạn TT
Ngày	Số					
<b>Cty CP Ford Thăng Long - NBTL01</b>						
28/02	PKT 0092689	Mua ô tô con 7 chỗ Ford - Everest	814 320 000		814 320 000	28/02
<i>Cộng hóa đơn:</i>			814 320 000		814 320 000	
<b>Cty TNHH giấy và bao bì Lam Việt An - NBLVA01</b>						
17/01	PKT 0000055	Tiền thuê GTGT	1 359 800		1 359 800	17/01
18/01	PKT 0000061	Tiền thuê GTGT	1 364 220		1 364 220	18/01
23/05	PKT 0000606	Tiền thuê GTGT	1 799 920		1 799 920	23/05
24/05	PKT 0000612	Tiền thuê GTGT	1 799 730		1 799 730	24/05
<i>Cộng hóa đơn:</i>			6 323 690		6 323 690	
<b>Cty TNHH Hà Bảo Linh - NBHL01</b>						
31/01	PKT 0061149	Tiền thuê xưởng T1/2011	80 000 000		80 000 000	31/01
28/02	PKT 0016704	Tiền thuê nhà xưởng	80 000 000		80 000 000	28/02
31/03	PKT 0016709	Tiền thuê xưởng T3/2011	80 000 000		80 000 000	31/03

### Kết nối với các phân hệ khác

- Tự động nhận các hoá đơn, các bút toán ghi nợ, ghi có từ phân hệ Quản lý mua hàng
- Tự động chuyển số liệu hạch toán vào sổ cái hoặc chuyển số liệu hạch toán sang phân hệ kế toán tổng hợp để duyệt chuyển vào sổ cái.

## 3. Quản trị Vốn bằng tiền (SIS CA)

Phân hệ kế toán vốn bằng tiền của SIS ERP 8.0.F&V góp phần quản lý thu chi





chặt chẽ, chính xác, rõ ràng. Các tính năng khác cho phép xử lý hiệu quả việc thu tiền của khách hàng, thanh toán với nhà cung cấp, theo dõi các kế ước vay và các thu chi khác.

Phân hệ này kết nối đầy đủ với các phân hệ SIS ERP 8.0.F&V khác và phù hợp với các tiêu chuẩn và nguyên tắc kế toán chung. Các tiện ích và tính năng của phân hệ này sẽ được khai thác tối đa khi nó được kết nối với phân hệ Kế toán công nợ phải thu, Kế toán công nợ phải trả của SIS ERP 8.0.F&V

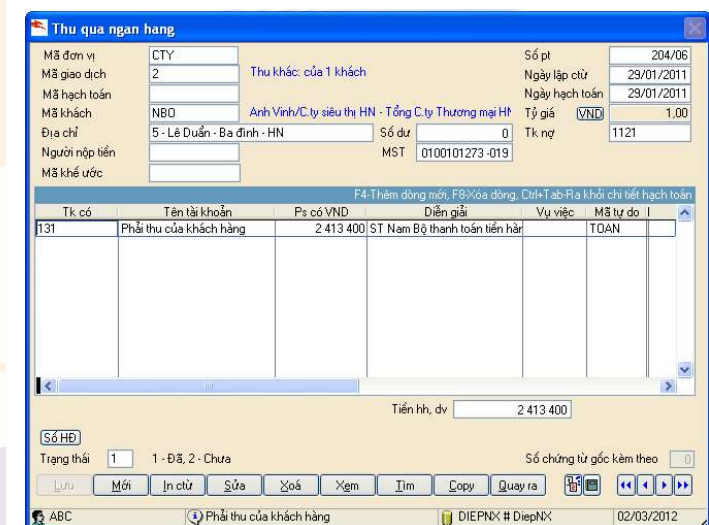
Phân hệ kế toán vốn bằng tiền có các menu chính sau: Cập nhật phiếu thu, phiếu chi, chứng từ ngân hàng (ngoại tệ hoặc nội tệ); Tính tỷ giá ghi sổ đối với các tài khoản và phát sinh ngoại tệ; Báo cáo về số dư tiền mặt, tiền gửi, sổ quỹ, sổ chi tiết ngân hàng; Báo cáo về các kế ước vay và tình hình thanh toán.

### Quản lý các tài khoản tiền mặt, tiền gửi, các kế ước vay

- Theo dõi tiền gửi, tiền vay ở nhiều ngân hàng
- Theo dõi giao dịch liên quan đến nhiều loại ngoại tệ khác nhau
- Theo dõi từng kế ước vay

### Quản lý thu

- Theo dõi thu/chi chi tiết của từng khách hàng, của từng hóa đơn
- Cho phép thu tiền của nhiều hóa đơn trên một phiếu thu
- Cho phép thu tiền của nhiều khách hàng trên một phiếu
- Cho phép nhận tiền trả trước của khách hàng rồi sau đó mới phân bổ cho hóa đơn xuất ra sau đó
- Theo dõi các khoản thu khác
- In phiếu thu từ chương trình theo mẫu đặc thù của người sử dụng
- Tự động tạo các bút toán sổ cái
- Cho phép kiểm soát dấu vết khi kết chuyển/cập nhật giao dịch
- Ngăn chặn việc cập nhập trùng số hóa đơn
- Cho phép lựa chọn giao dịch thu tiền theo dòng công việc (workflow): Lập phiếu, duyệt phiếu, thực hiện & chuyển sổ cái



### Quản lý chi

- Theo dõi chi trả chi tiết cho từng nhà cung cấp, từng hóa đơn
- Cho phép thanh toán cho nhiều hóa đơn trên cùng một phiếu chi
- Cho phép chi tiền của nhiều nhà cung cấp trên một phiếu
- Cho phép trả tiền trước cho nhà cung cấp rồi sau đó mới phân bổ cho hóa đơn nhận được sau đó
- Theo dõi các khoản chi khác
- Có nhiều tiện ích theo dõi các hóa

Mã số SCS31-000  
(Ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-ĐT  
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài

### SỔ NHẬT KÝ CHI TIẾT

Năm: 2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Chi Nợ TK 111	Nợ 1331	Nợ 141	Nợ 142
	Số hiệu	Ngày tháng					
	A	B	C	D	E		
	Số trang trước chuyển sang:						
01/01/2009	1206/02PC	01/01/2009	Nộp tiền tham gia tập huấn VS ATP & phí khám SKhoẻ cho DN (SN)	844 000			
04/01/2009	1206/04A	04/01/2009	Thanh toán nhập mua gạch ốp nền cho công trình XD nhà máy tại KCN Nam Thăng	36 807 000			
05/01/2009	1206/05A	05/01/2009	Chi 7% tiền lãi HD 6101 0104079 của Cty Thành Hưng 110106	97 600	97 600		
05/01/2009	1206/05A	05/01/2009	Chi 7% tiền lãi HD 6101 0104079 của Cty Thành Hưng 110106	39 400			



- đơn thuế GTGT đầu vào đối với các khoản chi trực tiếp vào chi phí
- In phiếu chi, UNC, lệnh chuyển tiền từ chương trình theo mẫu đặc thù của người sử dụng
- Tự động tạo các bút toán sổ cái
- Cho phép kiểm soát dấu vết khi kết chuyển/cập nhật giao dịch
- Ngăn chặn việc cập nhật trùng số hóa đơn
- Cho phép lựa chọn giao dịch chi tiền theo dòng công việc (workflow): Lập phiếu, duyệt phiếu, thực hiện & chuyển sổ cái

### Quản lý ngoại tệ

- Theo dõi nhiều ngoại tệ khác nhau
- Tự động tính toán tỷ giá ghi sổ theo phương pháp lựa chọn: đích danh, trung bình di động, trung bình tháng, nhập trước xuất trước
- Tự động tính toán và hạch toán chênh lệch tỷ giá

### Báo cáo

- Sổ quỹ, sổ chi tiết ngân hàng
- Báo cáo về kế ước vay
- Bảng kê chứng từ
- Báo cáo dòng tiền
- Lựa chọn & thực hiện báo cáo quy đổi ngoại tệ ngay khi xem báo cáo
- Lấy báo cáo tiền mặt, tiền gửi theo chỉ tiêu như: Ngoại tệ, tỷ giá, nội tệ...

### Kết nối với các phân hệ khác

- Liên kết số liệu với các phân hệ kế toán công nợ phải thu, kế toán công nợ phải trả về hóa đơn và thanh toán
- Tự động chuyển số liệu hạch toán vào sổ cái hoặc chuyển số liệu hạch toán sang phân hệ kế toán tổng hợp để duyệt chuyển vào sổ cái.

## 4. Quản lý TSCĐ - CCDC

Phân hệ tài sản cố định của SIS ERP 8.0.F&V được thiết kế để đáp ứng các nhu cầu quản lý của DN cũng như tuân thủ theo các quy định mới nhất của BTC. Phân hệ này cho phép lưu giữ các thông tin cần thiết về một tài sản từ khi mua đến khi thanh lý.

Phân hệ này được kết nối với phân hệ kế toán tổng hợp, quản lý mua hàng, kế toán vốn bằng tiền. Phân hệ quản lý TSCĐ có các menu chính sau: Khai báo TSCĐ, Tính khấu hao, Điều chỉnh TSCĐ, Điều chỉnh khấu hao, nguyên giá TSCĐ, Thanh lý TSCĐ, Cập nhật sổ cái.

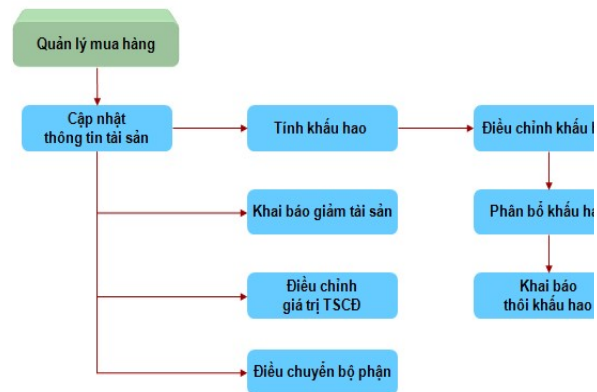
Ngoài ra, phân hệ này cũng cho phép DN quản lý các Công cụ dụng cụ cho

Mẫu số S07-08  
(Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính)

### SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: .....

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				Số dư nợ đầu kỳ. Số phát sinh trong kỳ			427.083.990	
31/01/2009	01/01/2009	120604A		Chi lãnh nộp tiền hàng Noodle	90.000		427.181.990	
31/01/2009	01/01/2009	120606A		Chi Hương thu tiền hàng Số Pháp	110.000		427.291.990	
31/01/2009	01/01/2009	120607A		Chi Hương thu tiền hàng Miam	220.000		427.511.990	
31/01/2009	01/01/2009	120608A		Chi Hương thu tiền hàng Shop	1.200.000		428.711.990	
31/01/2009	01/01/2009	120602PC		Nộp tiền tham gia tập huấn VS ATP & phí khám SKhỏe cho CN		644.000	428.067.990	
32/01/2009	02/01/2009	120610A		Anh Thi thu tiền hàng Cafe Lan Anh	264.000		428.331.990	
32/01/2009	02/01/2009	120611A		Thanh thu tiền hàng Deli	132.000		428.463.990	
32/01/2009	02/01/2009	120612A		Anh Ty thu tiền hàng Shop Mincom	2.630.000		431.113.990	
32/01/2009	02/01/2009	120613A		Chi Hương thu tiền hàng Shop	1.400.000		432.513.990	



quản lý, sản xuất như: Khai báo, tính phân bổ CCDC, báo cáo về CCDC & các bảng phân bổ liên quan

### Thông tin về tài sản cố định

- Không giới hạn số lượng danh điểm tài sản cố định, CCDC
- Theo dõi các thông tin liên quan đến tài sản cố định như nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, nguồn vốn hình thành, số năm khấu hao/giá trị khấu hao hàng năm, bộ phận sử dụng, mục đích sử dụng, nước sản xuất, năm sản xuất...
- Cho phép người sử dụng tự định nghĩa phân loại tài sản
- Có các trường dùng để phân loại tài sản cố định theo các tiêu chí khác nhau; có các trường tự do để người dùng tự sử dụng để quản lý tài sản cố định theo yêu cầu đặc thù.
- Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan (khấu hao, chi phí) để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán bút toán phân bổ khấu hao.
- Quản lý phụ tùng, dụng cụ đi kèm
- Các thông ghi chú về tài sản, mô tả đặc tính của tài sản.

### Theo dõi các thay đổi liên quan đến tài sản cố định

- Tăng giảm nguyên giá của tài sản
- Thay đổi bộ phận sử dụng
- Thôi tính khấu hao tài sản
- Giảm tài sản
- Hỗ trợ việc theo dõi thanh lý và tạm dừng sử dụng tài sản

**BÁO CÁO CHI TIẾT TSCĐ**  
Tĩnh thái: 01 đến tháng: 09 năm: 2004

Stt	Mã	Tên tài sản	Ngày khấu hao	Phát sinh đầu kỳ (01/01/2004)			Khấu hao cơ bản tính	Khấu hao trong kỳ	TSCĐ tăng (nguyên giá)	TSCĐ giảm (nguyên giá)
				Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại				
1	1	Nhà xưởng	01/01/2001	210.000.000	10.200.000	199.800.000	700.000	1.400.000		
2	10	Ô tô	01/04/2002	30.000.000		30.000.000	416.667	833.334		
3	111	Ô tô	01/01/2004	800.000.000		800.000.000	11.111.111	22.222.222		
4	2	Ván gỗ lát	01/01/2001	80.000.000	5.625.000	74.375.000	375.000	750.000		
5	3	Dịch chuyển sản xuất nội gián	01/02/2002	142.200.000	1.900.000	140.300.000	530.000	1.900.000		
6	4	Xe tải nhẹ	01/01/2001	105.000.000	10.200.000	94.800.000	700.000	1.400.000		
7	5	Dầu máy vi tính	01/01/2002	15.000.000	730.000	14.270.000	230.000	300.000		
8	7	Máy photocopy	01/01/2002	15.000.000	750.000	14.250.000	250.000	300.000		
9	8	Máy lạnh	01/01/2002	5.000.000	3.000.000	2.000.000	230.000			
10	9	Máy tính	01/04/2002	35.000.000		35.000.000	275.000	550.000		
<b>Tổng cộng:</b>				<b>1.465.200.000</b>	<b>35.025.000</b>	<b>1.430.175.000</b>	<b>15.277.778</b>	<b>36.655.556</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

HỆ TOÁN TRƯỜNG  
(Ký, họ tên)

### Tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định

- Tự động tính khấu hao tài sản theo số năm sử dụng hoặc tỷ lệ khấu hao; cho phép sửa lại giá trị khấu hao tháng theo yêu cầu
- Lựa chọn phương pháp tính khấu hao TSCĐ theo yêu cầu
- Lên bảng phân bổ khấu hao theo bộ phận sử dụng, nguồn vốn, loại tài sản, tài khoản chi phí...
- Lưu giữ quá trình khấu hao của mọi tài sản.

### Báo cáo kiểm kê về tài sản cố định





- Danh sách tài sản cố định
- Báo cáo kiểm kê (chi tiết và tổng hợp) tài sản cố định theo nguồn vốn, bộ phận sử dụng, loại tài sản và tổng số
- Thẻ tài sản cố định.
- Báo cáo tài sản đã khấu hao hết
- Báo cáo tài sản thanh lý
- Báo cáo tài sản tạm dừng sử dụng
- Sổ nhật ký luân chuyển tài sản

### Báo cáo tăng giảm tài sản cố định

- Báo cáo tình hình tăng giảm (chi tiết và tổng hợp) theo nguồn vốn, bộ phận sử dụng, loại tài sản và tổng số...

### BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Từ tháng 01 Đến tháng 12

Tên tài sản	Ngày tính khấu hao	Tài sản cố định đầu kỳ			Số tháng khấu hao	Giá trị khấu hao trong kỳ	Tài sản cố định cuối kỳ	
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại			Nguyên giá	Hao mòn lũy kế
Dây chuyền sản xuất bia/đá	01/10/2001	2.483.499.760	88.696.419		84		2.483.499.760	88.696.419
Trạm biến áp 380KV/VA - 1	01/10/2001	636.114.540	15.902.863		120		636.114.540	15.902.863
Máy đóng gói ZW - 300E	01/11/2001	209.091.000	4.978.338		84		209.091.000	4.978.338
Máy đóng gói ZW - 300E	01/12/2001	113.636.300	1.352.813		84		113.636.300	1.352.813
Xe ô tô con 7 chỗ ngồi FC	01/03/2001	838.008.909			72		838.008.909	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>4.280.350.514</b>	<b>110.930.455</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>4.280.350.514</b>	<b>110.930.455</b>

Ngày... tháng... năm...

### Báo cáo khấu hao và phân bổ khấu hao tài sản cố định/công cụ dụng cụ

- Bảng tính khấu hao tài sản cố định theo bộ phận sử dụng, nguồn vốn, loại tài sản và tổng số
- Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định theo bộ phận sử dụng và tổng số...
- Báo cáo tài sản tính khấu hao
- Quá trình khấu hao tài sản

### Kết nối với các phân hệ khác

- Tạo bút toán phân bổ khấu hao và chuyển sang sổ cái

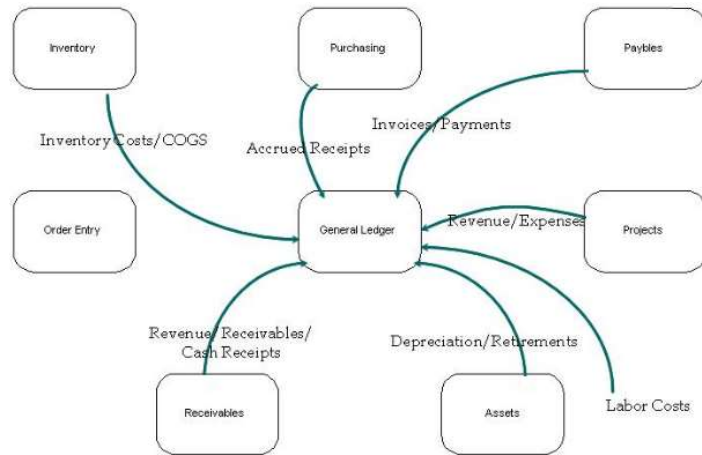
## 5. Tổng hợp (SIS GL)

Cuối kỳ kế toán, kế toán tổng hợp được thực hiện để thực hiện các điều chỉnh, hạch toán trong kỳ, thực hiện kiểm tra đối chiếu số tổng hợp và chi tiết, kết chuyển tự động số dư và phân bổ chi phí. Sau khi kiểm tra và thực hiện các bút toán cuối kỳ chương trình sẽ lên được Báo cáo tài chính đầy đủ và chính xác.

Cho phép cập nhật các khai báo hệ thống cảnh báo & tin nhắn nội bộ như: Khai báo cảnh báo hoá đơn hủy, doanh nghiệp bỏ trốn; cảnh báo hạn mức chi phí; cảnh báo xuất hàng; cảnh báo các hạn mức chi phí; cảnh báo số liệu theo luật...

Cho phép khai báo các thông tin đầu kỳ như: số dư công nợ, kho hàng, tài khoản, vụ việc sản xuất, đơn hàng...

Mô đun này được liên hệ với tất cả các mô-đun khác trong hệ thống SIS ERP 8.0.F&V



## Báo cáo, sổ sách kế toán:

### Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

- Sổ nhật ký chung
- Các nhật ký chuyên dùng
- Sổ cái
- Sổ chữ T
- Bảng tổng hợp số dư các tk
- Bảng cân đối số phát sinh của các tài khoản

### Sổ kế toán - hình thức CTGS

- Sổ đăng ký CTGS
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ chi tiết
- Sổ chữ T
- Bảng tổng hợp số dư các tk
- Bảng cân đối số phát sinh của các tài khoản

### Sổ kế toán - hình thức NKCT

- Các nhật ký từ 1-10
- Các bảng kê từ 1-11
- Các bảng phân bổ: CPC, TL, CCDC, KH
- Sổ cái
- Sổ chi tiết
- Sổ chữ T
- Bảng tổng hợp số dư các tk
- Bảng cân đối số phát sinh của các tài khoản

### Lọc tìm số liệu và báo cáo nhanh

- Bảng liệt kê chứng từ
- Hỏi số dư của một tài khoản
- Bảng kê từ theo khách hàng/hợp đồng/tiểu khoản/tài khoản đối ứng
- Bảng tổng hợp phát sinh theo khách hàng/hợp đồng/tiểu khoản/tài khoản đối ứng

### Báo cáo kế toán quản trị

- Cho phép lấy báo cáo kế toán theo yêu cầu quản trị riêng của DN qua báo cáo động mà DN khai báo các chỉ tiêu cần lấy
- Báo cáo, sổ sách vừa chi tiết vừa tổng hợp theo nhiều chiều phục vụ nhiều mục đích khác nhau, bộ phận khác nhau của DN

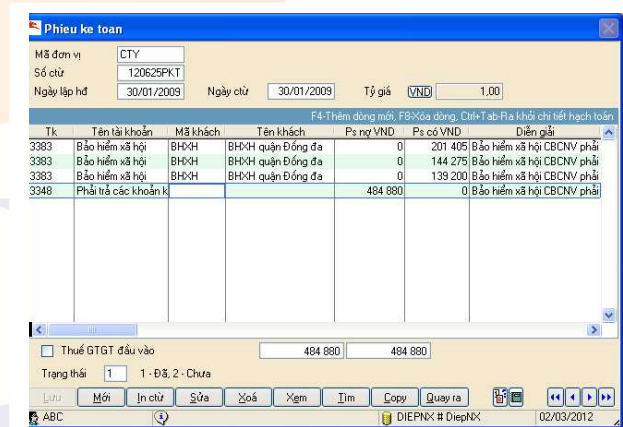
Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 43/2006/QĐ-BTC  
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm : 2009

Đơn vị tính: .....

Ngày tháng năm	Chiêng kỳ		Đến gửi	Đề gửi số cái	STT đồng	Số hàng biên đồng	Số phát sinh	
	Số hiệu Ngày, tháng	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
01/01/2009	120604A	01/01/2009	Chi lãnh nộp tiền hàng Nướ (Shop Nguyễn Huệ)					
			Tiền Việt Nam			1111	91.000	
			Phải thu của khách hàng			131		91.000
01/01/2009	120606A	01/01/2009	Chi hướng thu tiền hàng Sô Pháp (Anh Sang - Đại Sư Quán Pháp)					
			Tiền Việt Nam			1111	110.000	
			Phải thu của khách hàng			131		110.000
01/01/2009	120607A	01/01/2009	Chi hướng thu tiền hàng M Nam (Minh Nam Bakery)					
			Tiền Việt Nam			1111	220.000	
			Phải thu của khách hàng			131		220.000
01/01/2009	120608A	01/01/2009	Chi hướng thu tiền hàng Shop (Shop 57 Phương Mai)					
			Tiền Việt Nam			1111	1.200.000	
			Phải thu của khách hàng			131		1.200.000



**Phiếu kế toán**

Mã đơn vị: CTY  
Số chữ: 120625PKT  
Ngày lập hồ: 30/01/2009 Ngày chữ: 30/01/2009 Tỷ giá: VND 1,00

F4-Tiền đồng nội, F8-Khoá đồng, Cnt+T ab-Ra khởi chi tiết hạch toán

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải
3383	Bảo hiểm xã hội	BH04	BH04 quận Đống Đa	0	201.405	Bảo hiểm xã hội CBCNV phải
3383	Bảo hiểm xã hội	BH04	BH04 quận Đống Đa	0	144.275	Bảo hiểm xã hội CBCNV phải
3383	Bảo hiểm xã hội	BH04	BH04 quận Đống Đa	0	139.200	Bảo hiểm xã hội CBCNV phải
3348	Phải trả các khoản k			494.880	0	Bảo hiểm xã hội CBCNV phải

Thuế GTGT đầu vào: 494.880 / 494.880

Trạng thái: 1 - Đã, 2 - Chưa

ABC DIEPNK # DiepNK 02/03/2012

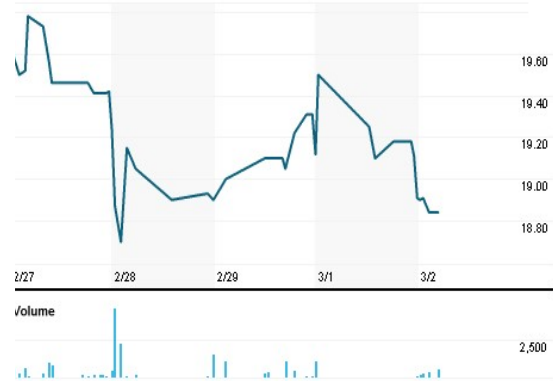


## 6. Báo cáo tài chính (SIS FI)

Các báo cáo tài chính kế toán được thiết kế theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính. Cung cấp các báo cáo tài chính đầy đủ & báo cáo tài chính quản trị như: Báo cáo tài chính cho nhiều kỳ, dòng tiền theo nhiều kỳ nhiều phương pháp (trực tiếp, gián tiếp);...

Cho phép tự động tạo mẫu theo yêu cầu với các chỉ tiêu đặc thù của doanh nghiệp như khai báo công thức tính toán, chỉ tiêu, tài khoản để lên số liệu...

Liên tục cập nhật các Thông tư, Quyết định mới nhất của BTC: Quyết định 48/QĐ-BTC, Quyết định 15/QĐ-BTC, Thông tư 60/TT-BTC, Thông tư 32/TT-BTC, Thông tư 105/2003/TT-BTC, TT133/TT-BTC v.v.



### Báo cáo tài chính & quản trị:

#### Báo cáo tài chính

- Bảng cân đối phát sinh các tài khoản
- Bảng cân đối kế toán
- Bảng cân đối kế toán so sánh cho nhiều kỳ
- Báo cáo kết quả SXKD các phần I - II - III
- Báo cáo kết quả SXKD so sánh cho nhiều kỳ
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo PP trực tiếp và gián tiếp
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ so sánh cho nhiều kỳ
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo so sánh tài chính có minh họa bằng đồ thị (hình cột và hình tròn)

#### Báo cáo quản trị

- Thiết kế sẵn màn hình giao diện dành riêng cho lãnh đạo doanh nghiệp
- Báo cáo quản trị về Sức khỏe doanh nghiệp:
  - ✓ Hệ số thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán tức thời, khả năng thanh toán lãi vay
  - ✓ Khả năng hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho, vòng quay khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động

Mẫu số: B-01/DN  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2009

Người nộp thuế: SỐ LIỆU DEMO DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI

Mã số thuế: 0101218690

Địa chỉ trụ sở: Số 14 ngõ 81 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Quận Huyện: Ba Đình

Tỉnh/Thành phố: Hà Nội

Điện thoại: (04) 5117785

Fax: (04) 5117787

Email: sales@sismn.com

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6.365.647.869	5.164.366.749
I	I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)	110		256.240.455	534.473.164
1	1. Tiền	111	VI	2.362.404.555	534.473.164
2	2. Các khoản tương đương tiền	112	VI		
II	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1	1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.XI		





- ✓ Khả năng sinh lời: ROS, ROE, ROI
- Số liệu tổng hợp cho phép BLĐ nhìn doanh nghiệp tức thời dưới các con số tổng hợp từ các nghiệp vụ, mô-đun mà không cần phải tìm kiếm, sàng lọc hoặc lấy từ mỗi bộ phận riêng lẻ như: Công nợ, tồn kho, tiền mặt, tiền gửi, chi phí, doanh thu, tổng hợp hàng bán,...
- Báo cáo chi phí theo khung hoặc theo luật định
- Biểu đồ doanh thu, chi phí & biểu diễn mối quan hệ giữa doanh thu & chi phí
- ...

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

Từ ngày: 01/01/2009 đến ngày: 31/12/2009

Tỷ lệ hiện hành	= Tài sản lưu động	4,292	Lần	=	7.643.689.217	
	Nợ ngắn hạn				1.781.090.242	
Tỷ lệ thanh toán	= TM + Đầu tư ngắn hạn + Phải	0,000	Lần	=	1.647.469.498	
	Nợ ngắn hạn				1.781.090.242	
Chu kỳ thu hồi trung bình	= Các khoản phải thu	0,000	Ngày	=	1.391.229.043	
	DG BH trung bình 1 ngày					
Vòng quay hàng hoá	= Nguyên giá hàng bán	0,000	Lần/1 năm	=	28.529.835	366
	Giá trị kho hàng					365
Khả năng sinh lời của tài sản	= Lợi nhuận kinh doanh trước	0,000	%	=	-44.746.058	366
	Tổng tài sản có					365
Tỷ suất lợi nhuận của vốn sở hữu	= Lợi nhuận ròng	0,000	%	=		366
	Vốn sở hữu					365
Tỷ suất lợi nhuận ròng của doanh số bán hàng	= Lợi nhuận ròng	0,000	%	=		366
	Doanh số bán hàng ròng				128.815.700	365
Vòng quay 1 đồng vốn đầu tư	= Doanh số bán hàng ròng	0,000	Đồng	=	128.815.700	366
	Tổng tài sản có					365
	Lợi nhuận ròng					366

## 7. Quản lý thuế

Khai báo thuế đầu vào, đầu ra từ các phân hệ kế toán Mua hàng, Bán hàng và Vốn bằng tiền để lên các báo cáo, bảng kê thuế đầu vào, đầu ra (mẫu 03/GTGT, 04/GTGT, 05/GTGT), tờ khai thuế, các khoản phải nộp ngân sách, các sổ theo dõi thuế được hoàn lại, được miễn giảm, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn v.v.

Cập nhật mẫu biểu mới nhất theo Thông tư 60/2007/TT-BTC, Thông tư 32/2007/TT-BTC, Thông tư 127/2004/TT-BTC... Đặc biệt, phân hệ này đã được tích hợp hoàn toàn các mẫu biểu in ra có sẵn mã vạch 2 chiều tương thích hoàn toàn Phần mềm HTKK của TC Thuế.

Cho phép kết xuất ra mẫu biểu dưới dạng file Pdf... để doanh nghiệp có thể ứng dụng hoá đơn điện tử, tích hợp chữ ký số (CA) để thực hiện kê khai thuế qua mạng theo quy định của BTC

### Quản lý thuế DN

- Bảng kê chứng từ hàng hóa mua vào
- Bảng kê chứng từ hàng hóa bán ra
- Tờ khai thuế GTGT tích hợp Mã vạch 2 chiều
- Sổ theo dõi thuế GTGT được hoàn lại, miễn giảm
- Tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tờ khai thuế GTGT
- Thuế TNDN nộp theo Quý
- Bảng giải trình tờ khai thuế GTGT
- Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt



## VI. QUẢN TRỊ HỆ THỐNG

Quản lý, phân quyền sử dụng cho mỗi người dùng tương ứng với mỗi công việc được giao, phân quyền chi tiết đến từng chức năng, từng thao tác.

Khả năng phân quyền chi tiết từng trạng thái, từng công đoạn trong công việc của mỗi cán bộ như : Lập, Duyệt, ...

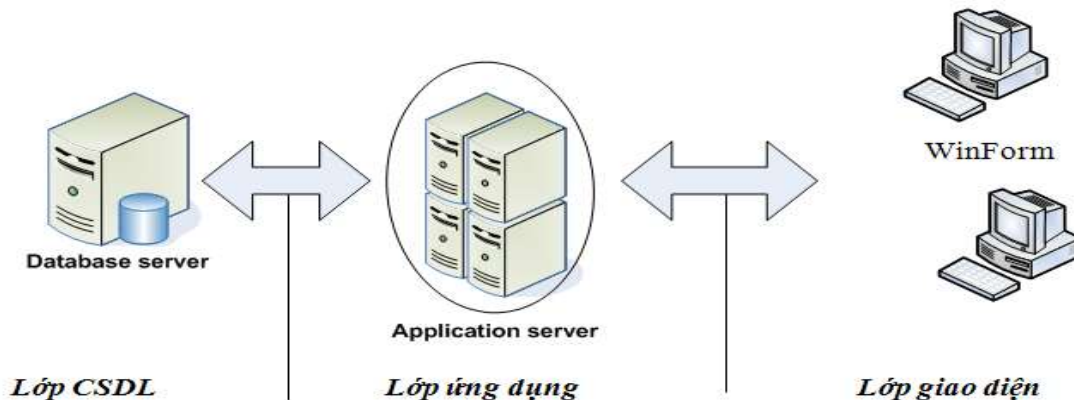
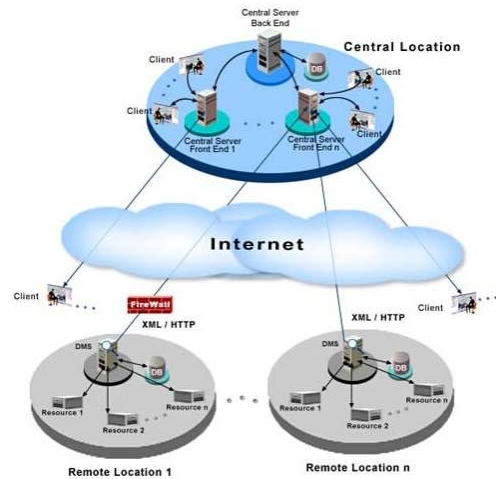
Khả năng bảo mật & an toàn dữ liệu cao (Bảo mật dữ liệu ở 04 mức: Mạng, Hệ điều hành, Cơ sở dữ liệu, Ứng dụng). Đặc biệt với hệ thống nhiều người cùng truy cập, sử dụng và khai thác dữ liệu mô hình Khách/Chủ (Client/Server).

Cơ chế sao lưu và khôi phục dữ liệu đơn giản, dễ thực hiện theo cơ chế của MS SQL\*Server.

Khai báo các tham số hệ thống thống nhất, đa dạng, linh hoạt. Khả năng chạy Online qua hạ tầng Internet

### **MÔ HÌNH KIẾN TRÚC 03 LỚP TRONG WS:**

WS là hệ thống sử dụng kiến trúc theo mô hình 3 lớp.



- **Lớp giao diện:**  
Lớp này làm nhiệm vụ giao tiếp với người dùng cuối để thu thập dữ liệu và hiển thị kết quả/dữ liệu thông qua các thành phần trong giao diện người sử dụng. Lớp này sẽ sử dụng các dịch vụ do lớp ứng dụng cung cấp. Trong WS dùng **Windows Forms** để thực hiện lớp này.
- **Lớp ứng dụng:**  
Lớp này thực hiện các nghiệp vụ chính của hệ thống, sử dụng các dịch vụ do lớp lớp CSDL cung cấp, và cung cấp các dịch vụ cho lớp giao diện. Truyền thông điệp giữa lớp ứng dụng và lớp giao diện sử dụng giao thức HTTP thông qua mạng LAN, Internet, Intranet,... Để thực hiện lớp này, WS dùng **WebService** với 3 chuẩn chính: SOAP (Simple Object Access Protocol), WSDL (Web Service Description Language) và UDDI (Universal Description, Discovery, and Integration) SOAP (Simple Object Access Protocol), WSDL (Web Service Description Language), truyền dữ liệu theo định dạng XML.
- **Lớp CSDL:**



Lớp này thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến lưu trữ và truy xuất dữ liệu của ứng dụng. Lớp này sẽ sử dụng các dịch vụ của các hệ quản trị cơ sở dữ liệu như SQL Server để thực hiện nhiệm vụ của mình

### ***ƯU ĐIỂM MÔ HÌNH:***

▪ ***Cơ sở dữ liệu tập trung:***

- Dễ quản lý, cũng như sao lưu dữ liệu
- Giảm rủi ro thất thoát số liệu
- Dễ dàng triển khai do chỉ cần triển khai chính tại một địa điểm

▪ ***Ứng dụng:***

Có thể triển khai tại một nơi hoặc nhiều nơi, được kết nối về trung tâm dữ liệu thông qua mạng nội bộ hay mạng Intranet. Tốc độ xử lý dữ liệu cao, giảm thiểu thời gian nhập liệu của User

▪ ***Tính di động lớn :***

Chỉ cần với một thiết bị có khả năng kết nối internet người dùng có thể nhập số liệu ở bất kỳ nơi nào.

▪ ***Tính bảo mật cao***

- Đây là mô hình tiên tiến nhất hiện nay, giảm thiểu được rủi ro trong kinh doanh khi hệ thống bị lỗi.
- Tách riêng các lớp, nâng cao tính bảo mật của hệ thống.





## VII. KẾT NỐI DỮ LIỆU ONLINE GIỮA CÁC VĂN PHÒNG

- Dữ liệu Văn phòng và Kho, Nhà máy sản xuất, v.v. chạy online
- Lợi điểm giải pháp này mang lại:
  - Dữ liệu kết nối trực tuyến, lên báo cáo theo thời gian thực – Real Time
  - Thông tin mang tính kế thừa giữa các cán bộ, bộ phận. Giảm thao tác thừa, lặp lại
  - Kiểm tra, kiểm soát tức thời tình hình bán hàng, kho, tiền... bất cứ đâu
  - Thông tin được kiểm tra chéo giữa các cán bộ giảm sai sót tăng tính trách nhiệm mỗi cán bộ
  - Hệ thống chứng từ in tự động từ phần mềm, giảm công sức, sai sót khi viết tay



*VIII.*

*MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU*

**Giải pháp cho các doanh nghiệp:**

- Sản xuất, kinh doanh phân phối thức ăn chăn nuôi,
- Sản xuất, kinh doanh phân phối thuốc thú y
- Doanh nghiệp sản xuất
- Doanh nghiệp thương mại
- Doanh nghiệp có hệ thống kinh doanh phân phối quản lý nhiều cấp độ sản phẩm, nhân viên kinh doanh, thị trường ...
- Doanh nghiệp có một điểm hoặc DN có một số điểm hoạt động SX-KD

**Một số doanh nghiệp sử dụng sản phẩm chuyên ngành:**

- Công ty CP Hải Nguyên
- Công ty CP KD thuốc thú y AMAVET
- Công ty CP AHAVET
- Công ty CP Cộng đồng GreenFood Hà Nội
- Công ty CP Liên Doanh Việt Anh
- Công ty TNHH SUNJIN Việt Nam
- Công ty CP TẮCN Thiên Lộc (Thuộc TCT TM & Khoáng sản Hà Tĩnh - MITRACO)
- Công ty CP TẮCN Đại Uy
- Công ty CP Sản Xuất & Thương Mại Khánh An (ANIFEED)
- ...



**Sunjin**







## **PHẦN 02**

### **KHĨ KHĂN & LỢI ĐIỂM CỦA DN TRƯỚC & SAU KHI**

#### **ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP SIS ERP 8.0.F&V**

##### **1. KHÓ KHĂN**

Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi có nhiều đặc thù trong quản trị. Do đó, nếu doanh nghiệp chỉ quản lý bằng công cụ thủ công hoặc bằng các phần mềm kế toán, quản lý riêng lẻ không có những thiết kế ứng dụng đặc thù của ngành thì không thể đảm bảo quản lý một cách hiệu quả:

- Khó khăn trong việc quản trị hệ thống kinh doanh, phân phối sản phẩm từ sản xuất đến tay người tiêu dùng
- Khó khăn trong quản trị các chương trình bán hàng, chương trình khuyến mại, chăm sóc khách hàng...
- Khó khăn trong việc lập báo cáo quản trị, phân tích kinh doanh: thị trường vùng miền, dòng sản phẩm, cấp cán bộ KD, quản lý, theo thời gian...
- Khó khăn trong quản trị sản xuất từ khi lên kế hoạch, cập nhật quá trình sản xuất đến khi hoàn thành sản xuất theo lệnh sản xuất và kế hoạch sản xuất đưa ra
- Khó khăn trong công tác quản trị mua hàng, theo dõi tiến độ, chất lượng vật tư hàng hóa, theo dõi kế hoạch nhập mua hàng hóa theo thời gian, yêu cầu sản xuất...
- Khó khăn khi quản lý kho hàng hóa theo nhiều tiêu thức như: lô/hạng SD, theo tuổi hàng tồn kho, theo kế hoạch nhập hàng...
- Quản trị nhân sự tốn nhiều thời gian, công sức mà hiệu quả không cao, tốn nhiều lao động. Bài toán lương có nhiều dạng, nhiều cách tính toán, phương pháp tính lương khác nhau hoặc kết hợp phức tạp các phương pháp tính lương. Do vậy, có thể dẫn đến nhầm lẫn, mất nhiều thời gian đối chiếu, tính toán... để ra được bảng thanh toán lương cuối cùng.
- Khi cần thông tin điều hành cần xử lý dữ liệu mất nhiều thời gian (chậm) nhưng độ tin cậy của thông tin không đảm bảo do nhiều đặc thù, nhiều yêu cầu quản lý cùng một lúc làm trên nhiều công cụ khác nhau cả phần mềm kế toán và Excel, sổ sách tay...
- Thông tin phụ thuộc nhiều vào từng con người, từng bộ phận. Thông tin không tập trung và thiếu nhất quán do lưu trữ nhiều nơi, nhiều bộ phận, mỗi người một cách làm khác nhau... Khi cần thông tin để ra quyết định điều hành thì người quản lý lại cần kiểm tra, lấy thông tin từ nhiều nơi khác nhau...
- Mỗi phòng ban là một ốc đảo thông tin, sự kết nối, kiểm soát lỏng lẻo chi phí/hậu quả do sai sót gây ra rất lớn.
- Khó quản trị xuyên suốt, trực tiếp Tiền – Hàng từ xưởng sản xuất đến kho công ty nằm ở các vùng, miền tới các đại lý và người tiêu dùng...



- Thông thường khi thực hiện công việc rời rạc thì một hệ quả tất yếu là thường các bộ phận phải làm lại các công việc của bộ phận khác do đó không thể kế thừa được thông tin và như vậy giá trị thực sự gia tăng tại mỗi cá nhân bộ phận rất hạn chế. Chưa tính tới các rủi ro sai sót thông tin, thiếu chuyên nghiệp, phục vụ khách hàng yếu kém...
- Ngoài ra, thông tin quản lý thiếu bảo mật, an toàn do dùng phần mềm dễ bị ảnh hưởng bởi virus và dễ dàng bị tấn công hoặc rò rỉ, lộ thông tin trong & ngoài doanh nghiệp...

## **2. LỢI THẾ KHI ỨNG DỤNG SIS ERP 8.0.F&V**

### **1. Giải quyết bài toán đặc thù của doanh nghiệp một cách triệt để**

Phần mềm SIS ERP 8.0.F&V được xây dựng chuyên cho ngành thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đã kế thừa yêu cầu của hàng chục doanh nghiệp lĩnh vực này do đó nó giải quyết các đặc thù một cách hiệu quả. Quản trị doanh nghiệp theo đúng mô hình đặc thù ngành đảm bảo cung cấp thông tin cho quản trị một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời

### **2. Tăng hiệu quả quản lý, sản xuất kinh doanh cho DN**

Áp dụng hệ thống phần mềm quản trị theo đặc thù sẽ cung cấp các thông tin quản lý một cách tốt nhất về Kinh doanh, bán hàng; về sản xuất; về thu mua – tồn kho; về quản trị Nhân sự - Tiền lương. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sát sao, đầy đủ...

### **3. Giảm thiểu chi phí trong các hoạt động của DN**

Kiểm soát được các yếu tố chi phí trực tiếp trong sản xuất kinh doanh tức thời, chính xác. Cũng như kiểm soát chi phí giữa thực tế phát sinh và định mức, giảm thất thoát trong quản lý vật tư, ... Đồng thời giảm chi phí gián tiếp do giảm sự chông chéo thông tin, giảm nhân sự gián tiếp, ...

### **4. Giảm thiểu rủi ro, tăng cường tính kiểm soát**

Giải pháp giúp DN giảm thiểu rủi ro do thông tin được chính xác, được kiểm soát chặt chẽ ở các khía cạnh khác nhau. Thông tin kịp thời để BLĐ ra quyết định điều hành đúng lúc, đúng chỗ, áp dụng các quyết định điều chỉnh cần thiết.

Nếu như DN áp dụng mô hình quản lý giữa công ty và các chi nhánh (hoặc kho vùng) cũng áp dụng phần mềm thì thông tin sẽ mang tính kế thừa và trực tuyến

Công việc giữa các bộ phận, phòng ban nhiều khi trùng lặp thì nay được giải phóng và tăng cường thời gian cho vấn đề kiểm soát thông tin nội bộ, kiểm tra chéo.

### **5. Thông tin DN tập trung, an toàn**

Khi áp dụng SIS ERP 8.0.F&V dữ liệu được tập trung trong phần mềm, khi cần BLĐ hay các bộ phận, cá nhân (có quyền đã được khai báo) có thể truy vấn thông tin quản lý đầy đủ ít bị phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân, hệ thống phần mềm nào khác, với bất kỳ thời gian nào, ở đâu (có internet)...

Nếu như hệ thống rời rạc, sử dụng nhiều công cụ để quản lý khác nhau như: Excel, sổ tay, phần mềm kế toán thông thường kém bảo mật, virus, ... thì trên SIS



ERP 8.0.F&V sẽ khắc phục những vấn đề này một cách triệt để. Cơ chế sao lưu, an toàn, bảo mật cao với công nghệ hiện đại.



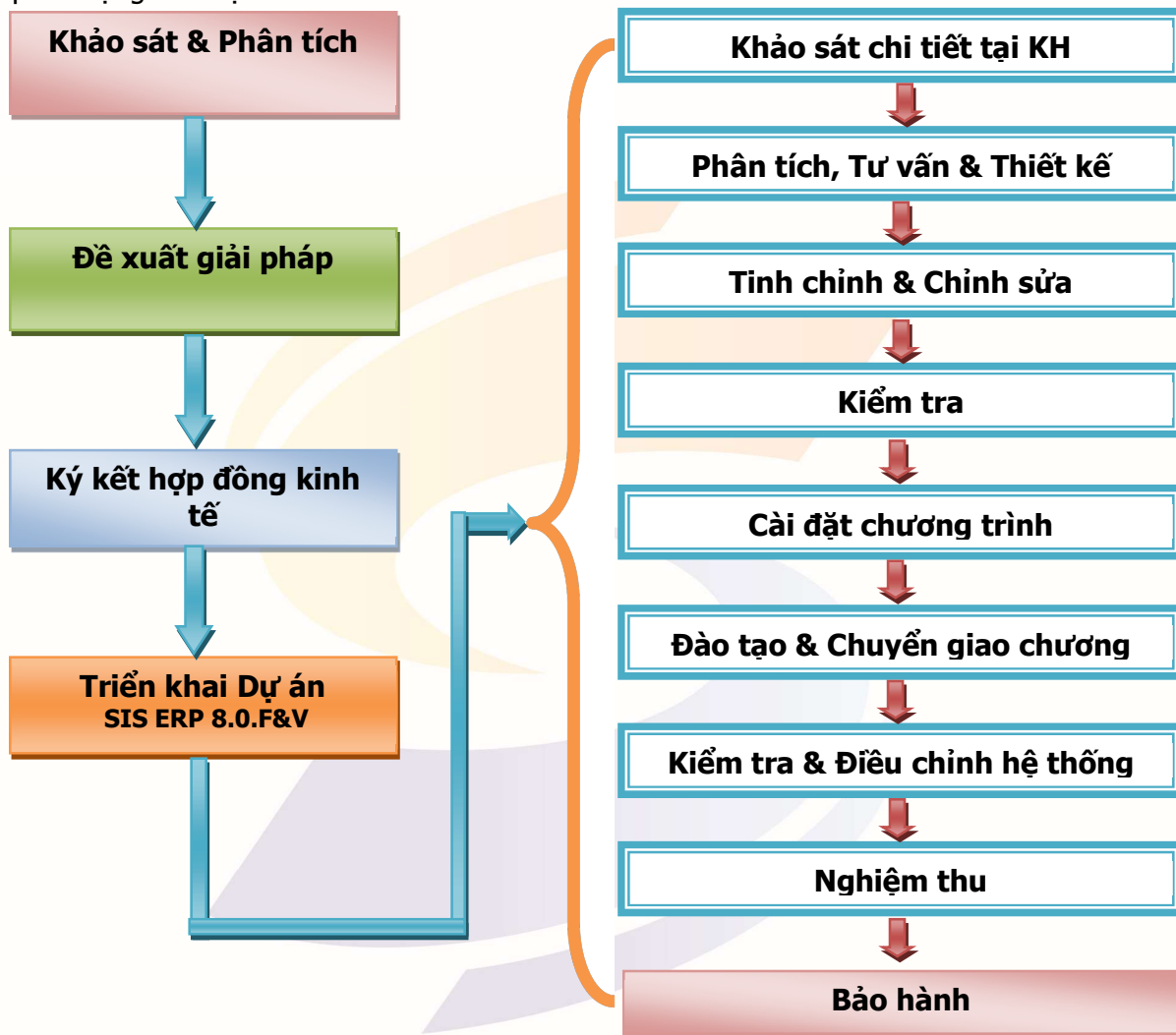


## PHẦN 03

### PHƯƠNG PHÁP & QUY TRÌNH TRIỂN KHAI

#### SIS ERP 8.0.F&V

Để có một giải pháp phần mềm phù hợp với nhu cầu quản lý hiện tại cũng như về lâu dài của Doanh nghiệp thì ngoài việc lựa chọn Phần mềm, Nhà cung cấp thích hợp thì việc sử dụng một quy trình triển khai khoa học sẽ là điều kiện thành công quan trọng của dự án.



#### 1. Giai đoạn tiền triển khai:

Doanh nghiệp cần xác định rõ yêu cầu của mình cần một giải pháp phần mềm như thế nào về: Các điểm quản lý, Các nghiệp vụ và kỹ thuật cần quản lý, Các bộ phận cần quản lý thậm chí những yêu cầu có thể phát sinh trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn khi yêu cầu quản trị của DN thay đổi từ đó DN xác định cho mình một giải pháp phần mềm tổng thể đảm bảo một số yêu cầu:



- Giải pháp phù hợp với yêu cầu của DN
- Đảm bảo tính mở rộng/nâng cấp trong tương lai
- Tính khả thi khi triển khai dự án cao
- Mức chi phí phù hợp về phần mềm (Bản quyền, đào tạo - triển khai, chỉnh sửa, bảo trì-bản hành...), hạ tầng phần cứng...
- Sự tích hợp giữa giải pháp phần mềm SIS ERP 8.0.F&V với các phần mềm khác

## 2. *Khảo sát và phân tích*

Cán bộ tư vấn của SIS Việt nam sẽ tiếp cận doanh nghiệp, các bộ phận, cá nhân... để "tìm hiểu" yêu cầu tổng quan của khách hàng, đây được coi là khâu quan trọng trong toàn bộ việc thực hiện dự án, quy mô, yêu cầu dự án:

- Yêu cầu của KH về Kế toán quản trị như thế nào?
- Yêu cầu đặc thù về quản lý khác của DN...
- Yêu cầu về kỹ thuật, bảo mật,...
- Yêu cầu liên quan đến các điểm cài đặt, bộ phận, đơn vị...
- Quy trình, công việc hiện tại tại khách hàng
- Khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý của DN là gì?
- ...



Căn cứ vào quá trình "bắt bệnh" cho doanh nghiệp, cán bộ tư vấn triển khai SIS sẽ tiếp hành phân tích các vấn đề, yêu cầu trên dưới góc độ tổng quan để "đề bài" củ bài toán DN đưa ra rõ ràng, tường minh hơn từ đó SIS sẽ trả lời được:

- Thực sự doanh nghiệp đang cần một giải pháp như thế nào?
- Và giải pháp thực sự giải quyết các vấn đề đó là gì?

## 3. *Đề xuất giải pháp*

Căn cứ vào yêu cầu của DN và phân tích của SIS Việt nam, bộ phận tư vấn sẽ cung cấp giải pháp cho bài toán quản lý tại DN. Trong đó, giải pháp sẽ đi vào chi tiết và làm rõ từng vấn đề DN đang gặp phải hoặc đang gặp khó khăn và đưa ra hướng giải quyết phù hợp cho mỗi vấn đề đó.

Đề xuất thường bao gồm các nội dung cơ bản:

- Vấn đề DN gặp phải
- Các phân tích
- Cách giải quyết vấn đề đó



- Các tư vấn liên quan
- Những yêu cầu để đảm bảo thực hiện dự án thành công
- Kế hoạch thực hiện sơ bộ
- Đề xuất dự toán chi phí cho thực hiện dự án
- Những thuận lợi, khó khăn
- ...

#### 4. *Ký kết HĐKT*

Khi giải pháp được thông qua Khách hàng & SIS Việt Nam sẽ xác nhận việc thực hiện triển khai Dự án phần mềm SIS ERP 8.0.F&V bằng một HĐKT. Trong đó sẽ quy định những nội dung công việc chi tiết theo giải pháp như: Phạm vi công việc, mô tả chi tiết, thời gian thực hiện, phụ lục liên quan...



#### 5. *Giai đoạn triển khai:*

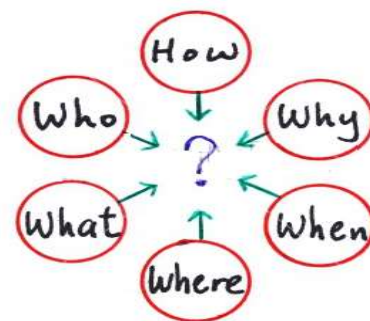
Đặc thù là mỗi doanh nghiệp có mô hình, quy trình, sản phẩm sản xuất - kinh doanh, nhân sự, trình độ không giống nhau bên cạnh đó yêu cầu quản lý & kế toán khác nhau nên việc triển khai một giải pháp cần phải có những phân tích cụ thể theo từng doanh nghiệp.

##### 5.1 **Khảo sát chi tiết tại KH**

Căn cứ vào các yêu cầu quản trị của DN đã thống nhất giữa KH và SIS Việt Nam, Cán bộ SIS sẽ thực hiện công việc khảo sát chi tiết các nghiệp vụ, yêu cầu nhằm làm rõ từng vấn đề cụ thể nhằm trả lời những câu hỏi: Cái gì? Nó như thế nào?...

Đồng thời tiến hành làm rõ những nội dung còn chưa tường minh thành những vấn đề cụ thể, chi tiết để thực hiện triển khai.

Giai đoạn này rất cần đến sự hợp tác cụ thể tới từng cán bộ, bộ phận liên quan tại DN vì các vấn đề đưa ra càng cụ thể thì việc thực hiện càng dễ dàng, đồng thời tránh trường hợp phải làm đi làm lại khi yêu cầu chưa rõ hoặc chưa đưa ra hết sẽ dẫn đến thiếu sự kết nối trong toàn bộ hệ thống cho sự phát triển sau này.



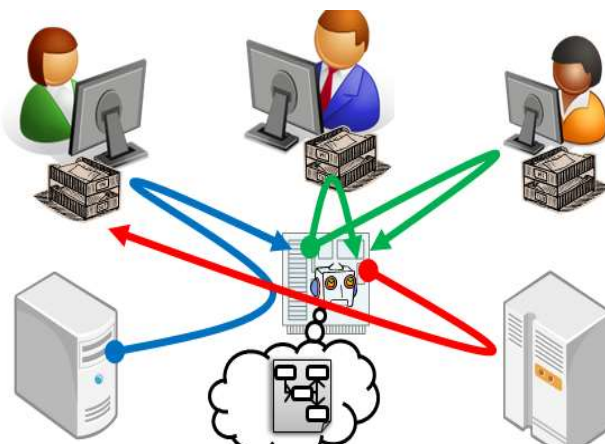
##### 5.2 **Phân tích, tư vấn & thiết kế**

Dựa trên các Quy trình, báo cáo, chứng từ, nghiệp vụ, yêu cầu quản trị của DN một cách rõ ràng, SIS VN sẽ phân tích, đánh giá và tư vấn cũng như thiết kế chương trình phần mềm phù hợp với những nội dung đã xác nhận. Khi đó sẽ làm rõ được:





- **Quy trình (Workflow):** SIS sẽ mapping giữa Quy trình hiện tại của DN, yêu cầu quản lý mới & kinh nghiệm triển khai của SIS đã thực hiện để thiết lập một Quy trình chuẩn mới tại DN. Quy trình mới này sẽ được ứng dụng & thống nhất tại các bộ phận liên quan đảm bảo mang tính kế thừa, khoa học, linh hoạt nhất có thể.  
Quy trình công việc là khâu quan trọng số 1 để giải pháp mang tính chất hệ thống và toàn diện, khi có một quy trình rõ ràng thì các nội dung khác sẽ xoay quanh nó.



- **Phân tích hệ thống các khai báo ban đầu & mã hoá chúng:** Như mã hoá Tài khoản, mã hoá các nghiệp vụ, mã hoá các chi phí, danh mục vật tư, hàng hoá, kho hàng, các định mức – công đoạn sản xuất, đơn vị, bộ phận... Các thông tin này đảm bảo chuẩn hoá theo quy định của VAS, của DN cũng như khả năng mở rộng trong tương lai
- **Phân tích các yếu tố đầu vào:** SIS VN sẽ tiến hành cùng DN phân tích các yếu tố đầu vào của hệ thống quy trình như: kế toán, kho, mua hàng, bán hàng, sản xuất, nhân sự... từ đó đưa ra các chuẩn của thông tin đầu vào như: Chứng từ, hoá đơn, phiếu nhập-xuất, thông tin nhân sự...
- **Phân tích, tư vấn yếu tố đầu ra:** Các vấn đề báo cáo phục vụ từng bộ phận, phòng ban, phục vụ BLĐ hoặc cơ quan nhà nước cũng như các mục đích khác sẽ được mổ xẻ, tư vấn và tiến hành thiết kế cho phù hợp với yêu cầu quản lý.
- **Phân tích, tư vấn, thiết kế các vấn đề đặc thù khác của DN**
- **Phân tích thiết kế các giao diện liên quan...**



### 5.3 Tinh chỉnh, Customize

Những phân tích, thiết kế của giai đoạn 2.2 là căn cứ để bộ phận kỹ thuật SIS VN tiến hành chỉnh sửa chương trình phần mềm. Đây là giai đoạn quan trọng để phù hợp hoá những vấn đề quản lý của DN với phần mềm sẵn có. Các yêu cầu càng rõ ràng thì việc tinh chỉnh chương trình diễn ra càng nhanh và đảm bảo chất lượng, yêu cầu của DN.



Thông thường những công việc này có tính lặp lại quy trình, vì thực tế triển khai có những vấn đề chưa hợp lý hoặc phát sinh mới thì công việc đó sẽ được lặp theo quy trình chuẩn để đảm bảo tính đúng đắn của những chỉnh sửa đó.

#### 5.4 Kiểm tra (testing):

Đây là khâu không thể thiếu trong quy trình kiểm soát chất lượng đến với khách hàng của SIS VN. Bất cứ một sự tinh chỉnh nào cũng cần đến một đội ngũ kiểm tra độc lập nhằm đảm bảo vấn đề đó đáp ứng đúng, đủ yêu cầu của DN, các tình huống kiểm tra với nhiều phép thử với các nghiệp vụ có thể xảy ra trong phần hành đó.

SIS Việt Nam đã xây dựng một quy trình kiểm tra khoa học, chặt chẽ được thực hiện bởi nhóm nhân sự có kinh nghiệm về nghiệp vụ, tư vấn cũng như hiểu biết sâu sắc sản phẩm, logic của sản phẩm từ đó giữa yêu cầu của DN với Sản phẩm lập trình được khớp nhau một cách tốt nhất.



#### 5.5 Cài đặt chương trình (setup):

Nghiệp vụ cài đặt chương trình phần mềm tại DN trong quy trình triển khai này cũng có thể được thực hiện sớm hơn hay muộn hơn phụ thuộc vào đặc thù yêu cầu của DN, hay của từng bộ phận, đơn vị - chi nhánh.

Thường thì ở giai đoạn này chương trình cơ bản đã hoàn thiện sẽ được tiến hành cài đặt và khai báo thông tin hệ thống ban đầu như: Khai báo tham số hệ thống, các đơn vị, bộ phận, ...cho hệ thống chạy thử nghiệm theo mô hình khách hàng. Tại công đoạn này sẽ có tài liệu ghi chép lại việc cài đặt để sau này cán bộ SIS cũng như cán bộ phụ trách hệ thống tại khách hàng có thể kiểm soát, điều chỉnh để đảm bảo các thông số liên quan



Tiến hành phân quyền sử dụng cho mỗi cá nhân, bộ phận liên quan để họ học, thực hiện công việc của mình khi SIS VN đào tạo, chuyển giao cũng như làm chính thức sau này.

#### 5.6 Đào tạo & chuyển giao:



Đây là giai đoạn rất quan trọng trong quy trình triển khai một hệ thống. Để thực hiện được giai đoạn này một cách tốt nhất cần sự phối hợp chặt chẽ giữa DN và SIS VN nhằm đảm bảo đào tạo đúng người, đúng công việc – chuyên môn, đúng tiến độ, đúng yêu cầu đã đề ra trong bản Kế hoạch đào tạo.

### Các hình thức:

- **Đào tạo tập trung:** Đây là những buổi đào tạo mang tính tổng thể, những quy định, quy ước chung, thao tác, chức năng mà mỗi cá nhân, bộ phận không thể tách rời sẽ cùng hiểu, cùng thống nhất & cùng thực hiện. Đồng thời xác nhận những chức năng, nhiệm vụ của mỗi vị trí/user trong hệ thống
- **Đào tạo riêng lẻ:** Đây là những buổi đào tạo mang tính chi tiết theo nghiệp vụ của mỗi cán bộ, mỗi bộ phận trong hệ thống theo chiều sâu đúng chuyên môn của người dùng. Đồng thời sẽ có hệ thống tài liệu hướng dẫn dành riêng cho họ.

### Các giai đoạn:

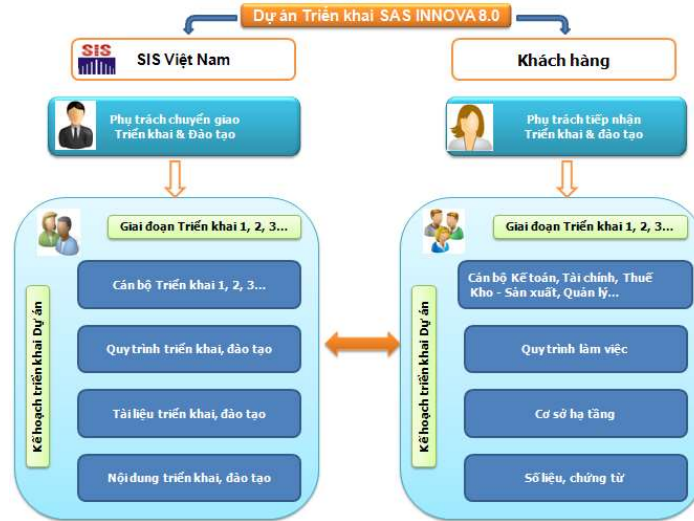
- Thời gian đào tạo thường được SIS Việt Nam chia làm các giai đoạn khác nhau tùy thuộc vào quy mô, trình độ của người tiếp nhận tại mỗi DN. Khi chia các giai đoạn sẽ đảm bảo sự tiếp thu dần dần, không quá xáo trộn công việc hiện tại cũng như tư duy làm việc mới được dần hình thành, thêm vào đó sẽ giúp cho cán bộ vừa học vừa làm và những vấn đề phát sinh được tháo gỡ.
- Số lượng giai đoạn trong quá trình chuyển giao được chia nhiều hay ít, khoảng cách giữa các lần đào tạo lâu hay nhanh phụ thuộc vào mỗi DN, quy mô của hệ thống phần mềm, số lượng người dùng, phân hệ...

### Đối tượng được đào tạo:

- Đối tượng sử dụng phần mềm được đào tạo là những người dùng cuối cùng, BLĐ, quản trị hệ thống, trưởng các bộ phận liên quan...

### Tài liệu đào tạo:

- SIS VN sẽ xây dựng tài liệu theo đặc thù của DN, đồng thời chi tiết tới từng nghiệp vụ, từng vị trí người dùng trong hệ thống: Giáo trình, tài liệu mô tả & HDSD đặc thù, số liệu đào tạo ...
- Tài liệu này được xây dựng và chuyển cho DN dưới dạng file in hoặc softcopy



## 5.7 Kiểm tra & Điều chỉnh hệ thống







Về cơ bản dự án xây dựng giải pháp phần mềm quản trị doanh nghiệp yêu cầu các nguồn lực như sau:

- ❑ DN sẽ chỉ định cán bộ tham gia trong quá trình quản lý dự án. Một cán bộ là Giám đốc dự án có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề liên quan trong dự án, một cán bộ trợ lý giúp đỡ trong quá trình theo dõi mọi công việc của dự án, giúp đỡ nhóm dự án của SIS trong việc liên lạc, thông tin, trao đổi v.v với các phòng ban và các việc liên quan khác của dự án.
- ❑ DN sẽ cung cấp đủ môi trường cho kiểm nghiệm và nghiệm thu sản phẩm (máy chủ và các công cụ cho việc lưu trữ dữ liệu, cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin, bàn ghế, điện thoại, fax, máy tính cá nhân, phần mềm, hệ điều hành, và các thiết bị khác liên quan đến dự án). Khi phần mềm được phát triển xong có thể kiểm nghiệm và sử dụng ngay.
- ❑ DN sẽ chuẩn bị cho việc tiến hành dự án bao gồm việc thành lập Ban chỉ đạo dự án thống nhất từ Ban Lãnh đạo tới các Phòng ban và cán bộ nghiệp vụ, lên kế hoạch và sắp xếp thời gian của các cán bộ có liên quan v.v.
- ❑ DN cung cấp các nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp, nghiệp vụ - quy trình kinh doanh, mua hàng, quy trình quản lý khác (thông qua cán bộ nghiệp vụ và các cán bộ có thẩm quyền) để hoàn thiện khâu đặc tả yêu cầu người sử dụng. Sau khi xác định tính đúng đắn của qui trình nghiệp vụ, phân tích, thiết kế, cán bộ có thẩm quyền phải ký xác nhận về các yêu cầu nghiệp vụ cũng như phân tích thiết kế trong một thời hạn thời gian nhất định.
- ❑ DN sẽ xác định rõ về phạm vi của phần mềm theo các ràng buộc về thời gian và ngân sách. Nhằm xác định rõ mục tiêu của bài toán đặt ra.
- ❑ DN sẽ tạo điều kiện cho Ban quản lý dự án được phép tiếp cận với các cấp Lãnh đạo trong những trường hợp cần thiết.
- ❑ Một số công đoạn sẽ được tiến hành tại DN (khảo sát, phỏng vấn người dùng cuối, phân tích, trình bày lại cho người dùng cuối và sự ký xác nhận v.v) và một số công đoạn sẽ được tiến hành tại SIS (Lập trình, phân tích thiết kế chương trình, biên soạn tài liệu, một số thử nghiệm v.v). Cần có các thiết bị đảm bảo an toàn dữ liệu...



**PHẦN 04**  
**PHƯƠNG PHÁP & QUY TRÌNH**  
**DỊCH VỤ BẢO HÀNH SẢN PHẨM**  
**SIS ERP 8.0.F&V**

Dự án được coi là thành công chỉ khi DN khai thác hiệu quả được những tính năng mà chương trình cung cấp theo yêu cầu đặt đối với giải pháp. Để DN có thể khai thác tốt nhất chương trình phần mềm cũng như những thay đổi mới phù hợp với yêu cầu quản trị mới của DN thì nghiệp vụ bảo hành, bảo trì & nâng cấp phần mềm là một yêu cầu bắt buộc và cực kỳ quan trọng.

Để có một giải pháp dịch vụ tối ưu, SIS đã không ngừng cải thiện và đổi mới hình thức, nội dung cung cấp dịch vụ cho DN. Bên cạnh đó, đội ngũ phát triển sản phẩm liên tục đưa ra những dòng sản phẩm, những tính năng mới, tiện ích mới để cập nhật & nâng cấp sản phẩm không ngừng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của quản trị doanh nghiệp.

**1. Nội dung thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm**

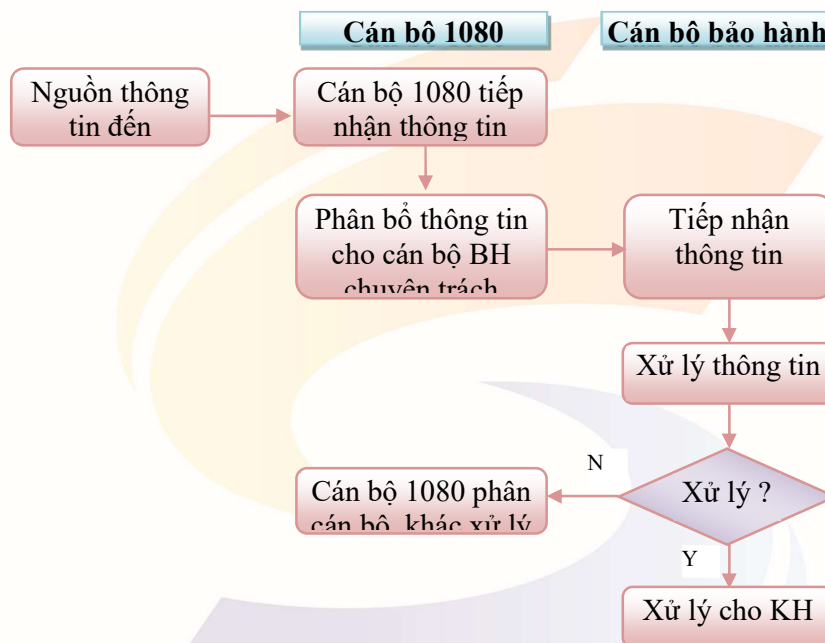




- 1.1 Cập nhật thông tư, quyết định mới nhất của Bộ Tài chính
- 1.2 Bảo hành các lỗi phát sinh
- 1.3 Tư vấn sử dụng, sao lưu & an toàn dữ liệu ...
- 1.4 Hỗ trợ cài đặt, chuyển đổi chương trình phần mềm khi khách hàng phát sinh
- 1.5 Định kỳ cán bộ Kiểm tra chất lượng dịch vụ sẽ kiểm tra tình hình sử dụng, hỗ trợ & thông báo những chính sách, sản phẩm, tính năng mới cho Quý khách hàng
- 1.6 Tổ chức để khách hàng sử dụng sản phẩm tham gia các lớp, khoá học tập trung miễn phí.
- 1.7 Cấp "Sổ bảo trì /Phiếu bảo trì" cho Khách hàng khi khách hàng ký dịch vụ bảo trì
- 1.8 ...

## 2. Quy trình thực hiện nghiệp vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm

### 1.1 Quy trình luân chuyển thông tin Trung tâm Dịch vụ chăm sóc khách hàng:

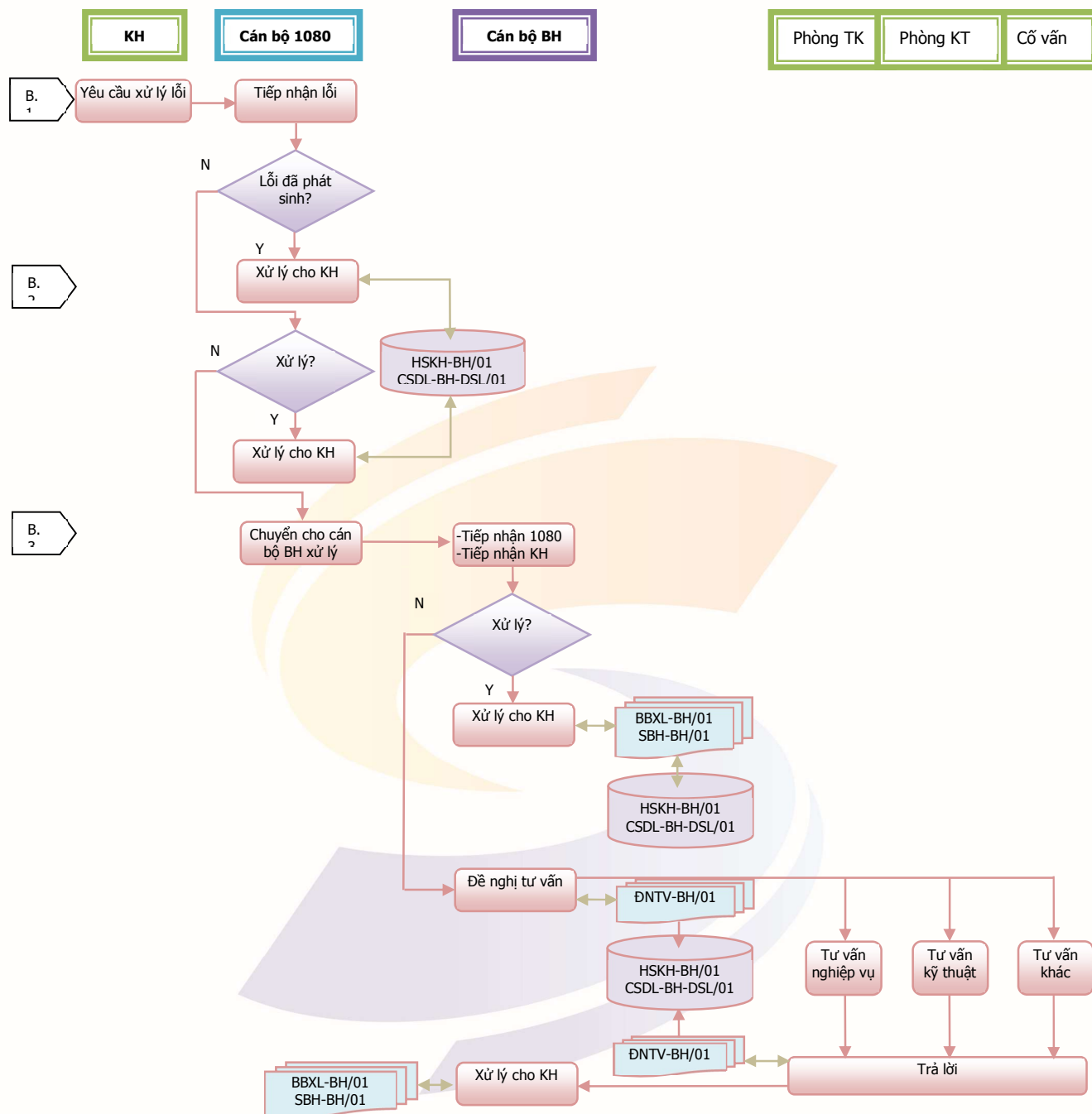


#### **Ghi chú:**

- Phân bổ thông tin cho cán bộ BH chuyên trách nghĩa là: chuyển thông tin cho cán bộ BH hiện đang phụ trách chăm sóc KH đó
- Nguồn thông tin đến: Từ KH, các phòng ban
- Nguồn tiếp nhận và phản hồi thông tin: có thể qua fax, email, tel, skype, thư tín
- Trường hợp cán bộ BH được phân công không xử lý được: có thể do không đủ năng lực, hoặc do không có thời gian phản hồi cách xử lý cho KH



## 1.2 Quy xử lý lỗi của Trung tâm Dịch vụ chăm sóc khách hàng:



### Ghi chú:



- Trường hợp xử lý online cho KH, cán bộ 1080 và cán bộ BH phải vào biên bản xử lý lỗi trên lotus (trường hợp này không có sổ bảo hành)
- Trường hợp xử lý trực tiếp tại trụ sở của KH ngoài biên bản xử lý lỗi (biên bản giấy), cán bộ BH phải xác nhận vào sổ bảo hành.
- Nếu vấn đề KH đang gặp phải không phải là lỗi của phần mềm thì chỉ tư vấn cho KH hướng giải quyết

### 3. Phương thức thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm

Dịch vụ bảo hành chương trình phần mềm sẽ được thực hiện qua các hình thức cơ bản:

- **Bảo hành trực tiếp:** Cán bộ SIS Việt Nam sẽ tiến hành bảo hành tại chỗ khách hàng trong trường hợp các phương án bảo hành từ xa không thực hiện được.
- **Bảo hành từ xa:** Đội ngũ bảo hành SIS Việt Nam sẽ tiến hành sử dụng truy cập từ xa qua Internet (TeamViewer) để tiến hành thực hiện dịch vụ của mình
- **Ngoài ra** có thể tư vấn, hỗ trợ & bảo hành sản phẩm qua: Tel, Email, Fax, ...

Ngay khi phát sinh sự cố DN liên hệ ngay với Trung tâm chăm sóc KH của SIS Việt Nam để kịp thời xử lý (Tel, Fax, Email...). DVKH sẽ được giao cho cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm xử lý chính, thông tin SIS sẽ cung cấp, bàn giao đầy đủ để tiện trong quá trình giao dịch.

Khi cần thực hiện dịch vụ, SIS sẽ tiến hành can thiệp xử lý ngay lập tức khi sự cố phát sinh với trường hợp thực hiện dịch vụ từ xa và thời gian không quá 24 giờ nếu thực hiện dịch vụ trực tiếp tại DN với KH có khoảng cách  $\leq 200$  KM từ HN và không quá 48 giờ với KH có khoảng cách  $\geq 200$  KM

### 4. Thời gian thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm

- Thời gian bảo hành sản phẩm thường là 01 năm
- Không giới hạn thời gian bảo trì sản phẩm nhằm đảm bảo tính liên tục trong cả một quá trình dùng sản phẩm với quá trình phát triển của DN.

### 5. Quy định trách nhiệm thực hiện Bảo hành, bảo trì sản phẩm

Trung tâm dịch vụ chăm sóc khách hàng vận hành để thực hiện các chức năng nhiệm vụ chuyên trách của mình đảm bảo cung cấp tới khách hàng một dịch vụ: kịp thời, chính xác, đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao. Để đảm bảo điều này trước hết cơ cấu nhân sự có phân công công việc, trách nhiệm rõ ràng:

#### 5.1 Phụ trách trung tâm bảo hành sản phẩm:

Chịu trách nhiệm chung hoạt động của trung tâm, kiểm soát chất lượng phục vụ khách hàng của các cán bộ trong bộ phận đảm bảo cung cấp chất lượng dịch vụ tối ưu cho khách hàng. Đồng thời đề ra các chương trình chăm sóc khách hàng, tư vấn cho khách hàng khai thác tối đa phần mềm quản trị...





### 5.2 Bộ phận xử lý Hotline - Online

Gồm những cán bộ nắm vững về nghiệp vụ phần mềm, sản phẩm phần mềm cũng như những kinh nghiệm, kiến thức tư vấn. Họ tiếp nhận các vấn đề từ khách hàng, phân loại & xử lý một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất có thể. Những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ, tư vấn họ sẽ là người trực tiếp xử lý cho KH. Những vấn đề nằm ngoài tầm kiểm soát mang yếu tố kỹ thuật & mất nhiều thời gian hơn thì sẽ được chuyển đến cán bộ kỹ thuật xử lý



### 5.3 Bộ phận kỹ thuật viên xử lý sự cố

Chịu trách nhiệm quản lý một lượng khách hàng nhất định. Họ sẽ có trách nhiệm thực hiện xử lý các sự cố tiếp nhận trực tiếp từ khách hàng hoặc những sự cố được chuyển từ bộ phận Hotline (1080)

Họ sẽ chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng với những khách hàng họ quản lý trước phụ trách phòng, KCS và công ty.

Đây là bộ phận sẵn sàng thực hiện nghiệp vụ bảo hành trực tiếp (onsite) khi cần thiết để đảm bảo tiến độ, yêu cầu công việc dịch vụ một cách tốt nhất.



### 5.4 Bộ phận KCS

Đây là bộ phận hoạt động đảm bảo chất lượng của toàn bộ quá trình từ trước, trong và sau khi bán hàng của SIS Việt Nam. Bộ phận này sẽ kiểm tra, kiểm soát chất lượng Sản phẩm, Dịch vụ cung cấp cho khách hàng như: Ý thức/thái độ phục vụ, Chất lượng phục vụ, Tài liệu thực hiện dịch vụ, Quy trình thực hiện dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho KH...

## 6. Thông tin thực hiện dịch vụ Bảo hành, bảo trì sản phẩm

#### Trung tâm chăm sóc KH, SIS Việt Nam

📍 14/183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa, Hà Nội

☎ Tel: 04.35117785 Fax: 04.35117787

☎ **Hotline: 04.22002200**

✉ Email: [support@sisvn.com](mailto:support@sisvn.com)

## 7. Nâng cấp sản phẩm

Do sự phát triển mạnh mẽ và không ngừng của công nghệ thông tin, những thay đổi trong quản lý, quy mô kinh doanh của DN mà giải pháp phần mềm cũng cần được thường xuyên nâng cấp để đảm bảo DN vẫn có hệ thống phần mềm phù hợp, tiên tiến. Do vậy, SIS VN luôn chú trọng vào phát triển sản phẩm & cung cấp cho khách hàng với chất lượng tốt nhất với các gói dịch vụ như:



# UPGRADE



- Nâng cấp sản phẩm phiên bản mới
- Nâng cấp chức năng mới
- Nâng cấp tiện ích mới
- Nâng cấp theo yêu cầu đặc thù của DN
- ...

*Trân trọng cảm ơn và mong muốn được hợp tác lâu dài!*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN S.I.S VIỆT NAM**

Số 14/183 Đặng Tiến Đông, quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: 024 3511 7785 | Fax: 024 3511 7787

Web: sis.vn | Email: sales@sis.vn

